



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Chủ bút: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Đặng Thị Quế Phượng

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ TÌM LỜI SÓNG (thơ ĐNT Tin Nghĩa), trang 8
- ♦ NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ CAO ĐẸP NGƯỜI TU (thơ Thích Viên Thành), trang 10
- ♦ TÌNH THỨC VỀ SỰ CHẾT (Dalai Lama - Tuệ Uyên dịch), trang 11
- ♦ VÔ NGÃ, TRĂNG GIÀ, ĐÔI, LUẬN HÒI (thơ Chu Vương Miện), trang 15
- ♦ ĐỨC PHẬT: THẤY PHÁP LÀ THẤY TA (Nguyễn Giác), trang 16
- ♦ MẮT NGŨ, MẸ TÔI KỂ, BỨC CHÂN DUNG CUỘC ĐỜI (thơ Pháp Hoan), trang 21
- ♦ NGÔI CHÙA KHÔNG TÊN (TN Diệu Phúc), trang 22
- ♦ KHÔNG PHẢI LỖI THẦY THUỐC (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 23
- ♦ ĐIỀU ĐÁNG LO NHẤT (Truyện cổ Phật giáo), trang 24
- ♦ VÀI CỤ LIỆU VỀ NGUỒN GỐC PÀLI TRONG KHO TÀNG TIẾNG VIỆT (Chúc Phú), trang 26
- ♦ ƠN MẸ (thơ Chân Thanh Mỹ), trang 31
- ♦ ĐỊNH HƯỚNG CUỘC ĐỜI – Câu chuyện dưới cờ (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ DẠY VIỆT NGŨ CHO ĐOÀN SINH GĐPTVN HẢI NGOẠI – Phật Pháp Thứ Năm (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ LÝ HỌC VÀ PHẬT GIÁO (Nguyễn Lang), trang 34
- ♦ CÂU CHUYỆN MỘT CON ĐƯỜNG (Hoang Phong), trang 38
- ♦ THẾ GIỚI NÀY LUÔN LUÔN "ĐÓI ĐÃI" (thơ Đào Văn Bình), trang 42
- ♦ TRUYỆN NGÀN TRĂM LINH TÂM CHỮ (Steven N.), trang 46
- ♦ BỨC TRANH (Kịch nói của Giao Duyên), trang 47
- ♦ ẢNH GIÁC (thơ Chúc Hiền), trang 48
- ♦ CỰC LẠC HIỆN TIÊN (TN Huệ Trân), trang 49

- ♦ NHƯ GIÓ CUỐN ĐI, MỘT LÒNG HƯƠNG PHẬT (thơ Tánh Thiện), trang 52
- ♦ HƯƠNG VÈ QUÊ HƯƠNG (Tâm Định Nguyễn Xuân Hiệp), trang 53
- ♦ SÔNG CỦA HỒ (Thu Nguyệt), trang 55
- ♦ NẤU CHAY: LẦU NẤM (Anchay.com), trang 57
- ♦ QUA ĐÈO HẢI VÂN, MÙA THU SAN JOSÉ (thơ Diệu Viên), trang 58
- ♦ ẢNH HƯỞNG CỦA KÍCH THÍCH TỐ LÊN SỰ LỚN CỦA CON NGƯỜI (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 59
- ♦ TÌNH LẠNG (thơ TN Giới Định), trang 60
- ♦ CHẾT CÙNG MANG THEO (Tâm Không – Vĩnh Hữu), trang 61
- ♦ CON VỀ BÊN PHẬT (thơ Lê Đình Cát), trang 63
- ♦ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 8 TẠI HAWAII (Bình Sa), trang 64
- ♦ NHẬT BẢN: NHỮNG NGÔI CHÙA CỎ TÍCH (Phan Tấn Hải), trang 68
- ♦ CỎ QUẬN (thơ Đồng Thiện), trang 71
- ♦ VÀNG RƠI MÈNH MÔNG (Tiểu Lục Thần Phong), trang 73
- ♦ BỤI ĐƯỜNG – chương 8, t.t. (Vĩnh Hào), trang 75
- ♦ STORY OF SOME BHIKKHUS (Daw Mya Tin), trang 79



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 83, tháng 10 năm 2018, do do Chùa Quang Minh (Chicago, IL) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn ph. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

LÁ THU RƠI

Từ non cao, những đợt lá vàng cuốn theo gió, rơi theo dòng suối, trôi giạt xuống con sông nhỏ trong làng; rồi từng nhóm lá xuôi dòng, tấp vào bờ này hay bờ kia. Đôi khi cũng có vài chiếc lá đơn chiếc, chẳng tụ bên nhau, không ghé nơi đâu, trôi thẳng ra biển lớn.

Khi chú tiểu dừng chổi, ngồi nghỉ nơi bậc cấp dẫn lên chánh điện, gió se sắt thổi qua sân, lạnh run những chiếc lá vàng. Có khi lá cuốn theo làn gió xoáy, quấn quýt nhày múa với nhau trong những thoáng phù du chóng vánh. Chú tiểu vô tư lự, ngồi nhìn lá bay, rồi ngược nhìn mây xám trên bầu trời nắng nhạt.

Khi cô lái đò đưa người qua sông, những chiếc lá khô tấp gần bờ, bị xoăn vào vũng xoáy của mái chèo, có chiếc bị đẩy sâu xuống nước, có chiếc được đẩy lui phía sau, lặng lẽ trên mặt nước bạc. Nhịp chèo tiếp tục đẩy-đưa, lên-xuống. Người vượt bờ mấy phen. Đò qua sông bao chuyển. Con nước vô tình xô giạt những lá khô. Thời gian như dòng sông, không bao giờ ngưng đọng.

Khi người tiểu phu gom củi khô bên bờ suối, những con sóc tung tăng rượt đuổi nhau khua tiếng ào xào trên thảm lá vàng; con hươu đang thông thả uống nước, ngẩng đầu ơ hồ nhìn lên. Gót giầy nặng trĩu của tiểu phu, nghiền trên bao xác lá. Lá khô nơi đây, chùng như chỉ nằm im, lặng lẽ, chờ ngày mục rữa cho phỉ nhiêu đất rừng.

Khi người quét đường cào dồn những lá khô rụng ngày hôm trước, gió thu tiếp tục thổi qua công viên làm rụng thêm những lá vừa héo úa sáng nay. Công viên sạch sẽ, hiếm khi có người xả rác. Lá vàng khô rụng chính là rác. Cây vô tình buông lá, lá vô tình rời cây, chẳng muốn nhọc lòng ai quét dọn. Người phu quét đường im lặng làm việc; thỉnh thoảng hát nhỏ một khúc nhạc không tên.

Khi những người đánh cá nơi bãi biển kéo lưới vào bờ, cũng có vài chiếc lá và gỗ mục chen lẫn với những con cá lớn, cá nhỏ đang vùng vẫy. Nỗi chết, niềm sợ hãi, bản năng sống còn và ước vọng tự do, cùng hiện diện trong một mẻ lưới.

Cuộc đời cũng gom tất cả vào trong một mảng lưới lớn, trong đó, tất cả chúng ta, con người, con vật, cỏ cây hoa lá, núi rừng, ao hồ, sông suối, đại dương, gió và lửa... đều bình đẳng trong vũ điệu vô thường.

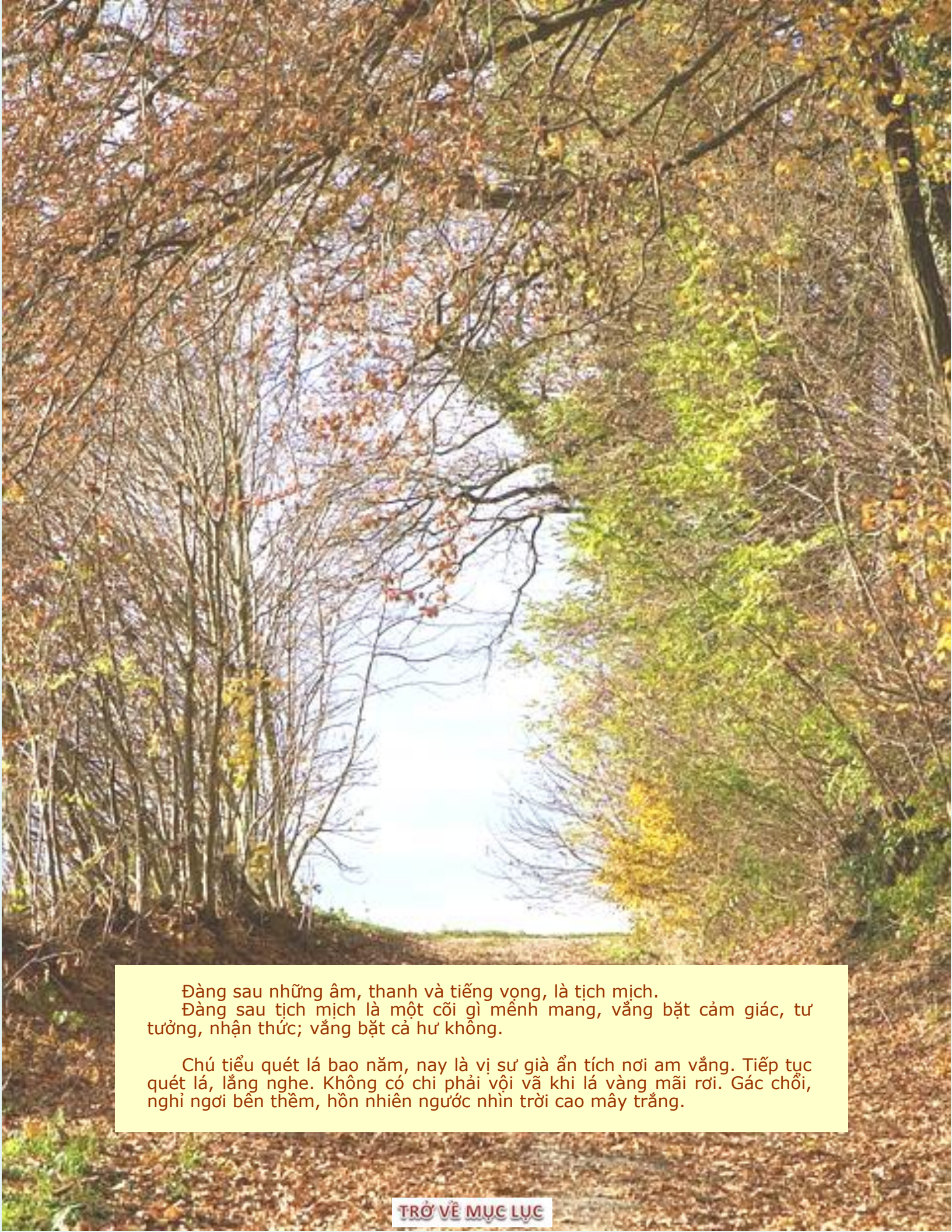
Đừng nói nhiều.

Im lặng. Quan sát. Lắng nghe.

Sắc lá đổi thay trong từng thoáng chốc. Xanh, vàng, cam, đỏ... một sớm một chiều, chẳng biết khi nào là khởi điểm cho tiến trình biến hoại, dù thu đến thì vàng ngập cả núi đồi.

Tiếng lá khô cựa mình khi thu về phả hơi lạnh trên những nhánh cây.





Đàng sau những âm, thanh và tiếng vọng, là tịch mịch.
Đàng sau tịch mịch là một cõi gì mênh mang, vắng bật cảm giác, tư tưởng, nhận thức; vắng bật cả hư không.

Chú tiểu quét lá bao năm, nay là vị sư già ẩn tích nơi am vắng. Tiếp tục quét lá, lắng nghe. Không có chi phải vội vã khi lá vàng mãi rơi. Gác chổi, nghỉ ngơi bên thềm, hồn nhiên ngược nhìn trời cao mây trắng.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ẤN ĐỘ: Tổng thống Kovind khai mạc Hội nghị Phật giáo Quốc tế 2018

Ngày 23-8-2018, tại New Delhi, Tổng thống Ấn Độ Ram Nath Kovind đã khai mạc Hội nghị Phật giáo Quốc tế 2018 kéo dài 4 ngày, từ 23 đến 26-8. Hội nghị do Bộ Du lịch tổ chức với sự cộng tác của chính quyền các bang Maharashtra, Bihar và Uttar Pradesh.

Vào dịp này, Tổng thống Kovind cũng khai trương trang web của Bộ du lịch về các di tích Phật giáo quan trọng và buổi chiếu một phim mới về các Phật tích trong đất nước Ấn Độ. Từ ngày 24 đến 26-8, đại biểu được đưa đi tham quan các di tích tại Aurangabad, Rajgir, Nalanda, Bồ đề Đạo tràng và Lộc Uyển.

Phái đoàn cấp Bộ đến từ Bangladesh, Indonesia, Miến Điện và Tích Lan đã tham dự hội nghị, cùng với đại biểu của 29 quốc gia khác.

(trevaltrendstoday.in – August 24, 2018)



Tổng thống Kovind khai mạc Hội nghị Phật giáo Quốc tế 2018—Photo: pib.nic.in

TRUNG QUỐC: Phát hiện bản chữ khắc trên đá hàng trăm năm trước của Phật giáo Tây Tạng

Các nhà nghiên cứu ở tỉnh Thanh Hải đã phát hiện một bản chữ viết khắc trên đá của Phật giáo Tây Tạng, được xem là lớn nhất và được bảo quản

tốt nhất tại tỉnh này, một bảo tàng địa phương cho biết vào ngày 22-8-2018.

Tảng đá nói trên dài 2.5 mét và cao 3 mét, được viết với những lời tán tụng, thần chú và cầu nguyện Phật giáo bằng tiếng Phạn và Tây Tạng.

Tảng đá có thể đã được khắc cách đây khoảng 200 đến 300 năm bởi các nhà sư ở các ngôi chùa gần đó và có giá trị lớn về lịch sử, văn hóa và nghệ thuật. Lớp rêu và cỏ dày 10 cm bao phủ bản chữ viết đã giúp bảo quản rất tốt cho tảng đá.

Bảo tàng tỉnh đang tiến hành nghiên cứu thêm về niên đại, hình thức nghệ thuật và nội dung của bản viết.

(NewsNow – August 22, 2018)



Tảng đá có khắc chữ viết cách đây hàng trăm năm của Phật giáo Tây Tạng tại tỉnh Thanh Hải, Trung Quốc
Photo: NEWS.CN

TÍCH LAN: Khánh thành đỉnh bảo tháp của Trung tâm Phật giáo Bokkawela Sri Gnananda

Ngày 26-8-2018, lễ khánh thành phần đỉnh bảo tháp của Trung tâm Phật giáo Bokkawela Sri Gnananda tại Kandy đã được tổ chức dưới sự bảo trợ của tổng thống Tích Lan Maithripala Sirisena.

Tổng thống Sirisena đã tham gia các hoạt động tôn giáo tại buổi lễ và nhận được

lời chúc phúc của Đại Tăng đoàn.

Tổng thống cũng khánh thành tấm bia kỷ niệm ngày khánh thành đỉnh tháp, và là người đầu tiên cúng dường ngôi bảo tháp nói trên.

Ngoài ra ông cũng trao một tặng vật biểu hiện sự cảm kích đối với Sư trưởng của bảo tháp, và tặng quà cho những người đã đóng góp vào việc xây dựng công trình này.

(Daily News – August 28, 2018)



Tổng thống Tích Lan Maithripala Sirisena (người thứ 3 từ trái sang) tại lễ khánh thành đỉnh tháp của Trung tâm Phật giáo ở Kandy
Photo: dailynews.lk

THÁI LAN: Lễ hội Phật giáo Asanha Bucha

Pattaya, Thái Lan - Lễ hội Phật giáo Asanha Bucha, diễn ra vào ngày rằm tháng 6 âm lịch, kỷ niệm ngày Đức Phật tổ chức buổi giảng pháp đầu tiên cho 5 đệ tử đầu tiên của mình sau khi Ngài đạt giác ngộ.

Đây cũng là ngày tu sĩ Phật giáo đầu tiên được truyền giới. Ngày tiếp theo là sự khởi đầu của Mùa Chay Phật giáo và là khóa tu mùa mưa của chư tăng.

Có rất nhiều buổi lễ tôn giáo và lễ hội diễn ra trên khắp đất nước.

Lễ hội nổi tiếng nhất có lẽ là Lễ hội Nến Ubon Ratchathani. Người dân ở Pat-

taya tụ tập tại các ngôi chùa khác nhau để cúng bái. Tại chùa Wat Tam Sammakee, những người dự lễ cầm những cây nến thắp sáng đi bộ 3 lần quanh chánh điện của ngôi chùa theo truyền thống Phật giáo.

(tipitaka.net – August 28, 2018)



Người dân Pattaya trong dịp Lễ hội AsanhaBucha

Photo: pattayapeople.com

ẤN ĐỘ: Đại lễ cầu nguyện tại Bồ đề Đạo tràng

Bihar, Ấn Độ - Ngày 26-8-2018, tín đồ và các đại biểu đến từ khoảng 30 quốc gia đã dâng lời cầu nguyện lên Đức Phật tại thành phố thiêng liêng Bồ đề Đạo tràng ở bang Bihar.

Sự kiện này nhằm mang đến một cái nhìn thoáng qua cho khách viếng về nơi thiền định của Đức Phật. Cuộc tập trung cầu nguyện nói trên là một phần của Hội nghị Phật giáo Quốc tế lần thứ 6, vốn bắt đầu vào tuần trước tại New Delhi.

Kinh điển Phật giáo mô tả Bồ đề Đạo tràng là "Trung tâm của Trái Đất", nơi hàng năm những người hành hương và du khách từ Tích Lan, Trung Quốc, Nhật Bản và toàn vùng đông nam Á vân tập tại nơi linh thiêng nhất của các đền thờ Phật giáo này.

(ANI – August 27, 2018)



Bồ đề Đạo tràng (Ấn Độ)
Photo: Google

NEPAL: Phi trường Đức Phật Cồ Đàm ở Lâm Tì Ni sẽ được phát triển thành phi trường quốc tế

Để tín đồ Phật giáo Tích Lan có thể bay trực tiếp trên đường hành hương đến các thánh địa ở Lâm Tì Ni tại Nepal, phi trường Đức Phật Cồ Đàm ở Lâm Tì Ni sẽ được phát triển thành phi trường quốc tế với các cơ sở hiện đại.

Nữ Tổng thống Bidhya Devi Bhandari của Nepal tiết lộ điều này trong các cuộc hội thảo chính thức với Tổng thống Tích Lan Maithripala Sirisena, khi ông đến thăm bà tại Dinh Tổng thống sau hội nghị BIMTEC vào chiều ngày 1-9-2018.

Tổng thống Sirisena nói ông sẽ mở rộng sự ủng hộ và hợp tác toàn diện nhất của mình để hoàn thành thành công kế hoạch phát triển đại quy mô mà Quỹ Phát triển Lâm Tì Ni đã soạn thảo dành cho các thánh địa Phật giáo tại Nepal.

(NewsNow – September 4, 2018)



Nữ Tổng thống Nepal tiếp đón Tổng thống Tích Lan Maithripala Sirisena

Photo: Sudath Silva

TRUNG QUỐC: Phát hiện di tích hang động Phật giáo được tìm thấy ở tỉnh Thiểm Tây

Gần đây, các nhà khảo cổ học đã phát hiện di tích hang động Phật giáo có từ thời nhà Minh (1368-1644) ở phía bắc tỉnh Thiểm Tây của Trung Quốc.

Phát hiện này được thực hiện tại một địa điểm ở huyện Tuy Đức, thuộc địa cấp thị Yulin. Có 6 hang động, bằng đất sét, đã được khai quật, và hang lớn nhất có độ sâu 5,7 mét.

Các tác phẩm điêu khắc, bích họa, và các mái hiên bằng đá cũng được tìm thấy trong các hang động này, Viện nghiên cứu khảo cổ tỉnh Thiểm Tây cho biết. Đây là những di tích hang động Phật giáo bằng đất sét đầu tiên từ triều đại nhà Minh được phát hiện trên địa bàn tỉnh. Hu Chunbo, một nhà nghiên cứu tại viện nghiên cứu, cho biết những phát hiện mới này cung cấp các tài liệu có giá trị cho nghiên cứu về giao thông vận tải, sự trao đổi văn hóa Phật giáo, và sự phân bố bộ lạc vào giữa triều đại nhà Minh.

(NewsNow – September 4, 2018)



Các tác phẩm điêu khắc, bích họa, và các mái hiên bằng đá được tìm thấy trong các hang động Phật giáo tại tỉnh Thiểm Tây (Trung Quốc)
Photos: NewsNow

ẤN ĐỘ: Lễ cầu nguyện Đức Đạt lai Lạt ma được trường thọ

Dharamshala, Ấn Độ - Ngày 3-9-2018, người Tây Tạng lưu vong định cư tại đông bắc Ấn Độ cùng một số tổ chức phi chính phủ đã làm lễ cầu nguyện trường thọ cho Đức Đạt lai Lạt ma tại chùa Thekchen Choling Tsuglakhang.

Người Tây Tạng trong trang phục đẹp đã tập trung trong buổi lễ tôn giáo này để cúng dường lên vị lãnh đạo cao niên Đạt lai Lạt ma, người tuy vậy đã khẳng định một lần nữa rằng sẽ sống hơn trăm tuổi để làm vui lòng những người dự lễ.

Đức Đạt lai Lạt ma đã kêu gọi người Tây Tạng bảo tồn và học ngôn ngữ của mình nhằm

gìn giữ kho lưu trữ cuối cùng của kiến thức và trí tuệ Phật giáo, vốn có tiềm năng to lớn để mang lại lợi ích cho thế giới.
(Phayul – September 3, 2018)



Đức Đạt lai Lạt ma trong lễ cầu nguyện trường thọ tại Dharamshala vào ngày 3-9-2018—Photos: Kunsang Gashon

NHẬT BẢN: Triển lãm 'Kho báu của Nghệ thuật Phật giáo'

Từ ngày 8-9 đến 14-10-2018, cuộc triển lãm mang tên 'Kho báu của Nghệ thuật Phật giáo' sẽ được tổ chức tại Bảo tàng Sen-Oku Hakuko Kan ở Kyoto .

Khởi nguồn từ Ấn Độ, Phật giáo đã đến Nhật Bản thông qua các nhà sư du hành trên con đường Tơ lụa vào thế kỷ thứ 5. Khi tôn giáo này phát triển mạnh ở Đông Á, các tác phẩm nghệ thuật Phật giáo cũng phát triển mạnh với những pho tượng và những bức tranh mà hiện nay được mọi giới ngưỡng mộ.

Bao gồm nghệ thuật Phật giáo thế giới và sự truyền bá và phát triển của đạo này ở các vùng khác nhau trong suốt nhiều thế kỷ, triển lãm 'Kho báu của Nghệ thuật Phật giáo' trưng bày nhiều Bảo vật Quốc gia và Tài sản Văn hóa Quan trọng. Các hiện vật nổi bật

bao gồm các tác phẩm chạm khắc đá từ trung tâm cổ đại của Phật giáo ở Ấn Độ, Gandhara; các tác phẩm nghệ thuật từ Trung Hoa; một bức tượng đồng mạ vàng từ bán đảo Triều Tiên; và những bức tranh và tác phẩm chạm khắc bằng gỗ của Phật giáo từ Nhật Bản.

(The Japan Times – September 4, 2018)



Tác phẩm nghệ thuật Phật giáo Gandhara 'Sự dẫn sinh của Tất Đạt Đa-Thích Ca Mâu Ni'—Photo: The Japan Times

AFGHANISTAN: Các nhà khảo cổ học Afghanistan và Pháp nghiên cứu về thành phố cổ gần các tượng Đại Phật Bamyán

Các nhà khảo cổ học Afghanistan và Pháp đã bắt đầu cuộc nghiên cứu chung về một thành phố cổ có tên gọi là Gholghola, nằm gần các tượng Đại Phật ở thành phố miền trung Bamyán.

Nhóm nghiên cứu chung người Afghanistan-Pháp này, cùng với 30 sinh viên khảo cổ học, đang nghiên cứu về lịch sử và kiến trúc của thành phố Gholghola trong một tuần qua.

Gholghola nằm trên một ngọn đồi gần các tượng Đại Phật và là một trong 8 di tích cổ của Bamyán.

Nhà khảo cổ Julio Ben-dezu-Sarmiento, trưởng phái đoàn khảo cổ Pháp tại Afghanistan, cho biết mục đích của cuộc nghiên cứu về thành phố Gholghola là để biết những vị vua nào đã sống ở đây và họ thuộc thời nào. Ông nói rằng tầm quan trọng của thành phố Gholghola là ở việc nó đã thu hút nhiều du

khách hơn sau khi các tượng Đại Phật bị Taliban phá hủy. Ông nói cuộc nghiên cứu của họ sẽ giúp thu hút thêm du khách đến từ nước ngoài.

(tipitaka.net – September 6, 2018)



*Nhóm khảo cổ học Afghanistan - Pháp nghiên cứu về thành phố cổ Gholghola ở gần các tượng Đại Phật Bamyán
Photo: MENAFN*

HOA KỲ: Hàng trăm Phật tử tham gia cuộc tuần hành vì khí hậu tại San Francisco

Vào ngày thứ bảy 08-09-2018, Phật tử từ 15 cộng đồng khác nhau đã tuần hành cùng với hàng ngàn người khác ở San Francisco để kêu gọi sự chú ý đến biến đổi khí hậu.

Hơn 300 Phật tử là một phần của cuộc biểu tình phản đối về biến đổi khí hậu của liên tôn giáo, diễn ra tại San Francisco với trên 120 giáo hội tham gia.

Cuộc tuần hành nói trên bắt đầu với một cuộc thiền định do các nhà sư từ Trung tâm Thiền Green Gulch dẫn đầu, sau đó là một buổi lễ đa tín ngưỡng.

Biểu tình tuần hành vì Khí hậu là một trong nhiều cuộc tuần hành đã diễn ra trên toàn thế giới vào cuối tuần này, nhấn mạnh những tác động của cuộc khủng hoảng khí hậu hiện tại và tầm quan trọng của năng lượng tái tạo. (Lion's Roar – September 11, 2018)





Một số cộng đồng Phật giáo trong cuộc biểu tình tuần hành vì khí hậu tại San Francisco
Photos: Facebook



Ý ĐẠI LỢI: Đạo sư Phật giáo Tây Tạng nhận danh hiệu cao quý nhất của nước Ý

Acridosso, Ý Đại Lợi - Ngày 10-9-2018, Đạo sư Phật giáo Tây Tạng, Giáo sư Namkhai Norbu Rinpoche đã được trao tặng danh hiệu cao nhất của nước Ý: "Đạo trưởng Tài trí của nước Cộng hòa Ý Đại Lợi".

Trong một buổi lễ được tổ chức tại Hội đồng Thành phố Acridosso, Tỉnh trưởng Grosse-to, Cinzia Torracco, thay mặt cho Tổng thống Cộng hòa Ý đã trao tặng giải thưởng này cho Đạo sư Namkhai Norbu Rinpoche.

Đạo sư Namkhai được công nhận vì những đóng góp của ông trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, kinh tế, và trong việc tham gia của ông với các cơ quan công cộng và các hoạt động được thực hiện cho mục đích xã hội, từ thiện và nhân đạo.

Thông qua các hoạt động chuyên môn của mình trong vài thập kỷ qua, Đạo sư Namkhai đã thiết lập các cộng đồng Dzogchen ở Ý, Hoa Kỳ, Nam Mỹ, Úc và Nga cũng như Viện Shang-Shung quốc tế để bảo tồn các truyền thống văn hóa

của Tây Tạng.
(Phayul - September 11, 2018)



Đạo sư Tây Tạng Namkhai Norbu Rinpoche được trao tặng danh hiệu "Đạo trưởng Tài trí của nước Cộng hòa Ý Đại Lợi".
Photo: Ento Russo

HỒNG KÔNG: Bảo tàng Di sản Hồng Kông triển lãm bản sao kỹ thuật số của các hang động Mạc Cao ở Đôn Hoàng

Bảo tàng Di sản Hồng Kông đã mở một cuộc triển lãm tái tạo bằng kỹ thuật số 3D của Hang động Phật giáo cổ Mạc Cao tại Đôn Hoàng, thuộc tỉnh Cam Túc ở phía tây bắc Trung Quốc. Triển lãm, có tiêu đề "Đôn Hoàng kỹ thuật số - Truyen về Trời và Đất", đã mở cửa cho công chúng vào ngày 11 tháng 7 và sẽ tiếp tục cho đến ngày 22 tháng 10.

Các bản sao kỹ thuật số trưng bày tại Hồng Kông là kết quả của một dự án bảo tồn đáng chú ý được đưa ra vào những năm 1990.

Học viện Đôn Hoàng đã hợp tác với một số tổ chức nghiên cứu khoa học để bảo tồn nghệ thuật kỹ thuật số từ hang động Mạc Cao, vốn đang bị đe dọa bởi các yếu tố môi trường và du lịch. Rất nhiều bức tranh tường và tác phẩm điêu khắc trong hang động đã được quét bằng máy quét 3D, trung bình 40.000 hình ảnh trên 300 mét vuông để tạo ra các bản sao chất lượng cao được trình bày tại cuộc triển lãm này.

(Buddhistdoor Global - September 10, 2018)



Một số bản sao 3D (các hang số 254, 285 và 61) của hang động Mạc Cao
Photos: scmp.com



HOA KỲ: Triển lãm nghệ thuật Phật giáo Trung Hoa cổ đại tại Missouri

Bảo tàng Nghệ thuật Saint Louis ở thành phố Kansas, Missouri, đang trưng bày một bộ sưu tập nghệ thuật của Phật giáo Trung Hoa cổ xưa - có niên đại từ thời Ngũ Đại (907-960) đến đầu thời nhà Minh (1368-1644). Bao gồm một số tác phẩm quý hiếm được chọn từ bộ sưu tập của bảo tàng, cuộc triển lãm này khám phá sự phát triển của nghệ thuật Phật giáo Trung Hoa trong thời kỳ đó.

"Trung tâm của triển lãm là bức tranh tường miêu tả Bồ Tát Quán Thế Âm, vốn từng trang trí một hội trường đền thờ ở miền bắc Trung Quốc vào thời Ngũ Đại", một thông cáo báo chí bảo tàng cho biết. "Đây là một trong những tác phẩm lâu đời nhất và lớn nhất còn tồn tại của loại hình này."

Ngoài ra tại triển lãm còn có 4 bức tranh cuộn - bao gồm một cặp tranh minh họa bằng hoa sen - và một tác phẩm điêu khắc vị la hán ngồi bằng gỗ sơn vốn chưa từng được trưng bày tại bảo tàng.

Triển lãm sẽ kéo dài đến ngày 30-9-2018.

(Tipitaka Network - September 14, 2018)

Họa phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát
thời Ngũ Đại (907-960)



Photo: Blouin Artinfo

NEPAL - ẤN ĐỘ: Khánh thành dịch vụ xe buýt từ Kathmandu đến Bồ đề Đạo tràng

Kathmandu, Nepal - Ngày 14-9-2018, một dịch vụ xe buýt giữa thủ đô Kathmandu của Nepal và Bồ đề Đạo tràng, địa điểm hành hương Phật giáo nổi tiếng ở Ấn Độ, đã được khánh thành bởi Đại sứ Ấn Độ tại Nepal và Bộ trưởng Bộ Cơ sở Hạ tầng và Giao thông Vận tải của Nepal.

Những người hành hương từ cả hai đất nước này có thể dễ dàng đi lại giữa đền Swayambhunath ở trung tâm Kathmandu và Bồ đề Đạo tràng ở Bihar. Xe buýt Kathmandu-Bồ đề Đạo tràng sẽ đi qua Birgunj, Raxaul, Motihari, Muzaffarpur, Hajipur, Patna và Gaya.

Dịch vụ xe buýt giữa hai thành phố được thiết lập nhằm thúc đẩy du lịch hành hương giữa Ấn Độ và Nepal.

Trước đó, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã khánh thành một dịch vụ xe buýt mới từ Janakpur đến Ayodhya nhân chuyến thăm cấp nhà nước của ông tại Nepal.

(ANI - September 14, 2018)

TÌM LỐI SỐNG

*Chánh Tri kiến nhận thức cho đời sống,
Lối sống này là nhận biết rõ ràng:
Chánh Tư duy rất chính xác vinh quang,
Không tham đắm, mà cũng không hệ lụy...*

*Lời hoa mỹ là chưa vào Chánh Ngữ,
Còn chuốt trau là tự dối lấy mình,
Lời như thế, còn vương mắc vô minh
Đã tu Phật phải giữ gìn ý tứ.*

*Tạo cho mình Chánh Nghiệp một ngày mai,
Khi xa rời nghiệp dĩ khô trên ai,
Giữ Chánh Mạng đi vào nơi an lạc...
Đây hương thơm của giữ giới tinh hoa.*

*Mang Chánh đạo còn đi giữa Ta bà,
Chánh Tinh tấn là mình không cầu thả,
Mà dựng xây một lối sống đoan trang,
Khi đứng, đi với tâm cảnh nhip nhàng.*

*Giữ Chánh Niệm cho cuộc đời tươi thắm,
Được như vậy nhờ Chánh Định ai ơi!
Khuyến mọi người cố gắng tạo cho đời...
Mau thoát khổ để về nơi lạc cảnh.*

thơ **ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA**
Mậu tuất Quý hạ, Aug. 31st, 2018



NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm *YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA*)

(tiếp theo)

22.- PHẨM CHÚC LỤY:

Phẩm này, trình bày cách thức ký thác bốn phận và những lời di chúc để giao phó trách nhiệm cho các hàng Bồ Tát cự trụ từng địa dững xuất nói trên của đức Phật Thích Ca nên gọi là Phẩm Chúc Lụy. Đức Phật Thích Ca phó chúc bằng cách sử dụng Thần Lực Như Lai đưa cánh tay mặt xoa đánh đầu vô lượng Đại Bồ Tát mà nói rằng: "Ta ở trong vô lượng trăm nghìn muôn ức vô số kiếp tu tập pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác khó đặng này, nay đem phó chúc cho các ông, các ông nên phải một lòng lưu bố pháp này làm cho thêm nhiều rộng". Đức Phật ba lần xoa đánh đầu các vị Đại Bồ Tát và ba lần nói như thế để phó chúc.

Ngoài ra đức Phật còn dặn dò thêm rằng: *"Như Lai là vị đại thí chủ chúng sanh, các ông cũng nên thọ học pháp của Như Lai, chớ sanh lòng bòn xén. Ở đời vị lai nếu có người thiện nam tử thiện nữ nhơn nào tin trí tuệ của Như Lai, thời các ông phải vì đó diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này khiến đều đặng nghe biết, vì muốn cho người đó đặng trí huệ của Phật vậy. Nếu có chúng sanh nào chẳng tin nhận thời phải ở trong pháp sâu khác của Như Lai chỉ dạy cho được lợi ích vui mừng, các ông nếu được như thế thời là đã báo được ơn của các đức Phật"*.

Lúc đó các vị Bồ Tát cự trụ từng địa dững xuất nghe đức Phật phó chúc xong đều vui mừng cùng nhau y giáo phụng hành và thành tâm phát nguyện rằng: "Như lời Thế Tôn dạy, chúng con sẽ vưng làm đầy đủ, kính xin đức Thế Tôn chớ có lo". Các Bồ Tát cự trụ cũng đồng thanh phát nguyện như thế ba lần trước đức Phật.

Sau khi các Bồ Tát cự trụ từng địa dững xuất phát nguyện xong, đức Phật Thích Ca ra lệnh cho các đức Phật Hóa Thân của ngài ở mười phương trở về trụ xứ để tiếp tục hóa độ chúng sanh và nói rằng: *"Các Phật đều tùy*

theo chỗ an, tháp của Phật Đa Bảo đặng hườn như cũ."

Đây là phương thức phó chúc của đức Phật Thích Ca dành cho các vị Bồ Tát cự trụ từng địa dững xuất nơi cõi Ta Bà mà ở đây không phải phó chúc cho các vị Bồ Tát ở các cõi khác trong mười phương. Các vị Bồ Tát ở các cõi khác trong mười phương không phải xuất thân từ nơi cõi Ta Bà cho nên không thể hiểu được tinh tình, không thông suốt được tư chất riêng biệt từng cá nhân, từng chủng loại v.v... của chúng sanh sống nơi cõi Ta Bà để hóa độ và do đó đức Phật không phó chúc trách nhiệm cho các vị Bồ Tát ngoài cự trụ từng địa dững xuất. Riêng đối với các vị Bồ Tát, các vị Thánh Văn và các Thánh Chúng v.v... trong cõi Ta Bà không phải các Bồ Tát cự trụ từng địa dững xuất, đức Phật chỉ thọ ký cho họ mà không phải phó chúc.

Phương thức phó chúc của đức Phật trong Phẩm Chúc Lụy cũng giống như phương thức truyền giới cho các hàng đệ tử của đức Phật, nghĩa là đức Phật cũng trao truyền Giới Tướng ba lần và các đệ tử thọ nhận giới pháp cũng hứa khả ba lần.

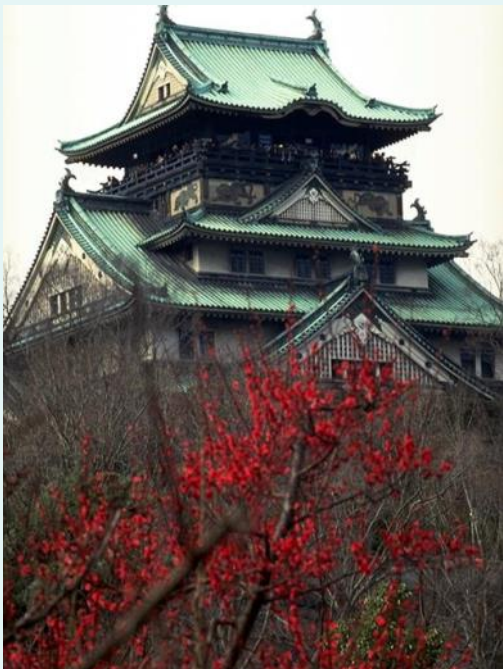
Điều đặc biệt trong Phẩm Chúc Lụy, đức Phật Thích Ca có phân loại ba thứ Trí Tuệ: Trí Huệ của Như Lai, Trí Huệ của Phật và Trí Huệ của Tự Nhiên. Trí Huệ của Như Lai tức là chỉ cho Trí Tuệ của Pháp Thân chư Phật và trí tuệ này cũng chính là Thần Lực của Như Lai trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa đề cập. Trí Tuệ của Như Lai là nguồn thể chân thật của tất cả Trí Tuệ, không sanh không diệt không cấu không tịnh nên gọi là Như Lai. Trí tuệ của Như Lai được phát sanh từ Tạng Như Lai trong Kinh Lăng Già Tâm An hay trong luận Đại Thừa Khởi Tín và trí tuệ đây đều lấy Chân Tâm làm thể, còn Trí Huệ và Phật tức là chỉ cho Trí Tuệ nơi các đức Phật thuộc Hóa Thân, như trí tuệ của đức Phật Thích Ca sanh nơi nước Ca Tỳ La Vệ ở Ấn Độ. Đức Phật Thích Ca sanh nơi nước Ca Tỳ La Vệ ở Ấn Độ là vị Phật Hóa Thân có trí tuệ cao tột hiểu biết nguồn gốc của tất cả pháp được ghép vào hạng Nhất Thiết Chủng Trí.



Riêng Trí Huệ của Tự Nhiên tức là chỉ cho Trí Tuệ thuộc loại Vô Sư Trí, như Trí Tuệ của các đức Phật Bích Chi. Các đức Phật Bích Chi tự mình quán mười hai Nhân Duyên mà được chứng ngộ không cần đến người khác trợ duyên khai thị hay ấn chứng, cho nên các ngài được gọi là hạng vô sư trí.

Tóm lại, Phẩm Chúc Lụy thứ 22 là phẩm chỉ trình bày cách thức phó chúc của đức Phật Thích Ca, dành riêng cho các hàng Bồ Tát cứu trụ từng địa dưng xuất có bốn phận hộ trì và truyền bá Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nơi cõi Ta Bà, không cho mai một để hóa độ chúng sanh sớm thành đạo quả. Từ Phẩm Chúc Lụy thứ 22 này trở về trước cho đến Phẩm Đề Bà Đạt Đa thứ 12 thì thuộc về phần "Ngộ Phật Tri Kiến", nghĩa là những phẩm chỉ trình bày sự tỏ ngộ tri kiến của Phật. Sau khi nhờ đức Phật chỉ bày Pháp Thân và Pháp Giới Tánh chân thật trong phần "Thị Phật Tri Kiến" ở phẩm thứ 11, các hàng Bồ Tát và các Thánh Chúng trong pháp hội liền được tỏ ngộ, tiếp theo nhờ các phẩm "Tùng Địa Động Xuất," "Như Lai Thọ Lượng" thứ 15, thứ 16 v.v... thì sự tỏ ngộ của các vị mới được chân thật. Kể đến nhờ phẩm "Như Lai Thần Lực" thứ 21, sự tỏ ngộ của các hàng Bồ Tát và của các Thánh Chúng mới được viên mãn. Cuối cùng, phẩm "Chúc Lụy" thứ 22 là phẩm giúp các chúng hội nói trên tỏ ngộ thêm cung các và trách nhiệm hộ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa cho được trọn vẹn. "Ngộ Phật Tri Kiến" tức là tỏ ngộ tự tánh bình đẳng nơi Pháp Thân Thường Trụ của các đức Phật không khác nhau.

(còn tiếp)



CAO ĐẸP NGƯỜI TU

*Trì bình khát thực hạnh Tăng Già (1)
Đệ tử truyền thừa Đức Thích Ca
Một bát ba y (2) hành chánh Pháp
Bát phong (3) tam độc chuyển thành hoa
Thông dong tự tại trên đường giác
Lận đận cứu mê thoát lửa nhà (4)
Pháp Ấn (5) cầm nang hành Phật sự
Ta Bà Tịnh Độ vốn không xa (6).*

thơ THÍCH VIÊN THÀNH

Pháp Hoa – Nam Úc
Cuối Mùa Vu Lan - Mậu Tuất (2018)

Ghi Chú:

1) **Khát thực hạnh của Tăng Già,**
*Trên cầu Phật đạo giác tha dân lành,
Ba y một bát tinh anh,
Diệt trừ ngã chấp, tịnh thanh cõi lòng,
Đơn giản không bệnh thông dong,
Gần gũi sanh chúng tiêu vong não phiền.*

2) **Tam y, nhất bát:** Trong Tâm Điều Giác Ngộ Của Bạc Đại Nhân, điều thứ bảy có ghi: ...Thường niệm tam y, Ngũ bát pháp khí (tức là: Thường nhớ ba y, Pháp khí bình bát) ..., vì đó là y phước điền, y giải thoát trong giới đức tinh nghiêm biểu hiện sự trang sức, là lễ phục đẹp nhất của người tu sĩ Phật giáo. Ngoài tám y ra, thì "bình bát" của Đức Phật được xem là bảo vật, là thọ mạng của Tăng Già, vì "bát" dùng để hàng ngày đi xin ăn nuôi sống thân mạng...Nên biểu tượng của việc "Truyền Tâm Ấn" cũng là truyền "Y Bát" tức là truyền pháp Y và Bát, gọi ngắn là "y bát".

3) **Bát phong:** Lợi, Suy, Vui, Khổ, Vinh, Nhục, Khen và Chê. tức là Tám Ngọn Gió làm ảnh hưởng, rối loạn tâm thần con người. Người Tu nên nhắc nhau: phải sống thật vững vàng, dù cho phải thường xuyên đối mặt với tám gió thổi mà không lay động (bát phong xuy bất động). **Tam độc:** Tham sân Si: là ba thứ ác độc mang đau khổ đến cho con người, phá hoại mọi hạnh phúc an vui của con người.

4) **Nhà lửa:** Trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật vì Thế gian này như "nhà lửa", nhưng chúng sanh đang đắm mê, vui chơi trong đó, để phải khổ lụy, nên Ngài phải dùng phương tiện để dụ dẫn ra...

5) Trong tất cả các Kinh, Đức Phật chỉ truyền duy nhất một Thông điệp đó là **Tam Pháp Ấn: Vô Thường - Khổ - Vô Ngã.** Nếu không có những Pháp Ấn này thì không phải là Kinh Phật. Ai ngộ được một trong ba Pháp Ấn này, cũng xem như đã Ngộ Đạo được một phần.

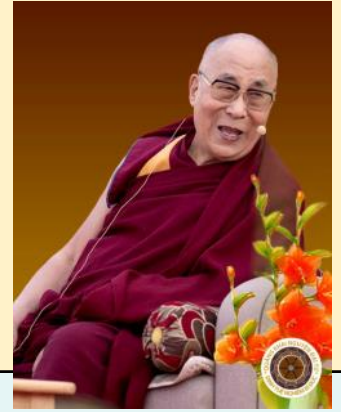
6) **Tâm tịnh là Quốc độ tịnh. Nếu biết Tu thì Phiền não tức Bồ Đề,** thì Ta Bà hoá thành Tịnh Độ đâu xa!

TỈNH THỨC VỀ SỰ CHẾT

Nguyên tác: Awareness of Death

Tác giả: **ĐỨC DALAI LAMA**

Tuệ Uyển chuyển ngữ



*Giống như khi dệt vải
Ta đi đến kết thúc
Với những sợi chỉ mịn màng xen vào nhau
Đời sống của con người cũng như vậy*
ĐỨC PHẬT -

Thật quan trọng để tỉnh thức về sự chết – để quán chiếu rằng ta sẽ không sống mãi trên cuộc đời này. Nếu ta không tỉnh thức về sự chết, thì ta sẽ không tận dụng tất cả những thuận lợi của đời sống con người quý giá này mà ta đang có được. Nó trọn vẹn ý nghĩa vì căn cứ trên việc ấy thì những tác động quan trọng có thể được hoàn thành.

Phân tích sự chết không phải để rồi sợ hãi nhưng để trân trọng đời sống quý giá này, mà trong thời gian sinh tồn ta có thể tiến hành nhiều sự thực tập quan trọng. Thay vì khiếp đảm, ta cần quán chiếu rằng khi sự chết đến, thì ta sẽ đánh mất cơ hội tốt đẹp này để thực tập. Trong cung cách quán chiếu này về sự chết, nó sẽ mang đến nhiều năng lượng hơn cho sự thực tập của ta.

Ta cần chấp nhận rằng sự chết đến trong tiến trình bình thường của sự sống. Như Đức Phật đã nói:

*Một nơi để ở không bị sự chết chạm đến
Không tồn tại.*

Nó không hiện hữu trong không trung, nó không hiện diện trong đại dương.

Nó cũng không có khi ta ở giữa núi non.

Nếu ta chấp nhận rằng sự chết là một phần của sự sống, thế thì khi nó thật sự đến, ta có thể đối diện nó một cách dễ dàng hơn.

Khi người ta biết rõ trong thâm tâm rằng sự chết sẽ đến nhưng lần tránh suy nghĩ về nó một cách cố ý, như vậy không thích đáng với hoàn cảnh và đây là chướng ngại ẩn tàng. Cũng đúng như vậy khi tuổi già không được chấp nhận như một phần của sự sống lại bị coi là không muốn và bị lẩn tránh trong tư tưởng. Điều này đưa đến một tinh thần không được chuẩn bị, thế rồi khi tuổi già xảy đến không thể tránh khỏi, thì rất khó khăn.

Nhiều người già thân thể như thể hồn luôn luôn trẻ trung. Đôi khi tôi gặp những người bạn lâu năm, chẳng hạn như những nghi

sĩ nào đó trong những quốc gia như Hoa Kỳ, tôi chào họ với câu, “My old friend” (Người bạn cũ của tôi), có nghĩa là chúng ta đã biết nhau lâu rồi, không nhất thiết là già. Nhưng khi tôi nói thế, một số người trong họ [lại nghĩ tôi nói là: “Người bạn già của tôi”], đã sửa sai tôi có tính cách nhấn mạnh, “Chúng ta không già! Chúng ta là những người bạn lâu năm.” Thật sự, họ đã già – với những sợi lông ở lỗ tai, một dấu hiệu của tuổi già – nhưng họ không thoải mái với cảm nhận tuổi già.

Tôi thường nghĩ về tuổi thọ tối đa của đời sống con người như một trăm tuổi, vốn, so sánh với tuổi thọ của hành tinh, thì rất ngắn. Sự tồn tại ngắn ngủi này nên được sử dụng trong một cung cách thế nào mà không gây khổ đau cho người khác. Nó nên là một chỉ nguyên không làm việc tiêu cực, nhưng là những hành động tích cực hơn – tối thiểu không làm tổn hại người khác, hay tạo rắc rối cho họ. Trong cách này, khoảng thời gian ngắn ngủi của chúng ta như một khách du lịch trên hành tinh này sẽ đầy đủ ý nghĩa. Nếu như một khách du lịch viếng thăm một nơi nào đó trong một thời gian ngắn và tạo thêm rắc rối, thì thật là ngớ ngẩn. Nhưng nếu như một khách du lịch ta làm cho người khác hạnh phúc trong thời gian ngắn ngủi ấy, như vậy là thông tuệ; khi ta di chuyển đến một nơi khác, ta cảm thấy hạnh phúc. Nếu ta tạo ra các rắc rối, mặc dù tự ta không chạm trán với bất cứ khó khăn nào trong thời gian lưu trú, thì ta sẽ tự hỏi có lợi lạc gì trong sự thăm viếng của ta.

Trong đời sống một trăm năm, phần ban đầu là tuổi ấu thơ và phần cuối cùng là trong tuổi già, thông thường giống như một động vật ăn và ngủ. Đoạn giữa, có thể là sáu mươi hay bảy mươi năm được sử dụng một cách đầy đủ ý nghĩa. Như Đức Phật đã nói:

Phân nửa cuộc đời là giấc ngủ. Mười năm là tuổi thơ. Hai mươi năm mất trong tuổi già. Hai mươi năm tiếp tục là sầu khổ, phiền hà, đau thương, và bối rối chiếm mất nhiều thời gian, và hàng trăm bệnh tật thân thể tàn phá thêm nữa.

Để làm cho cuộc sống đầy đủ ý nghĩa, điều quan trọng là hãy chấp nhận tuổi già và sự

chết như những bộ phận của sự sống. Việc cảm thấy rằng sự chết là hầu như không thể xảy ra chỉ tạo thêm tham lam và rắc rối hơn – đôi khi ngay cả cố ý gây tổn hại cho người khác. Khi chúng ta nhìn sâu vào những nhân vật vĩ đại – những hoàng đế, các triều đại, và v.v... - đã xây dựng những cung điện và những thành quách cứ ngu như thể nào, thì chúng ta thấy bên trong tâm hồn họ là một ý tưởng rằng họ sẽ sống trên đời này mãi mãi. Sự tự lừa dối này đưa đến kết quả của nhiều khổ đau hơn và nhiều rắc rối hơn cho nhiều người khác.

Ngay cả đối với những người không tin vào những kiếp sống tương lai, việc quán chiếu vào thực tại là phong phú, hữu ích, khoa học. Bởi vì những con người, các tâm thức và tất cả những thứ khác làm các hiện tượng thay đổi từng thời khắc, điều này mở ra khả năng cho sự phát triển tích cực. Nếu các hoàn cảnh không thay đổi, thì chúng sẽ mãi mãi duy trì bản chất của khổ đau. Một khi chúng ta biết mọi thứ là luôn luôn thay đổi, ngay cả nếu chúng ta đang trải qua một thời điểm vô cùng khó khăn, thì chúng ta có thể tìm thấy sự thoải mái trong việc biết rằng hoàn cảnh sẽ không duy trì trong cách ấy mãi mãi. Vì vậy cho nên, không cần phải thất vọng.

Sự may mắn cũng chẳng phải thường hằng, bởi thế, không lợi ích cho việc dính mắc quá nhiều khi mọi thứ đang diễn tiến tốt đẹp. Một viễn cảnh thường hằng hủy hoại chúng ta. Ngay cả nếu chúng ta chấp nhận rằng có những kiếp sống tương lai, thì hiện tại trở thành sự bận tâm của chúng ta, và tương lai chỉ được xem là việc nhỏ thôi. Điều này làm hỏng một cơ hội tốt khi đời sống của ta được phú cho mọi tiện nghi và thông dụng để dẫn thân trong những sự thực tập tích cực. Một quan điểm về vô thường sẽ hữu ích.

Việc tỉnh thức tỉnh về vô thường làm ta đi tìm sự luyện tập – thuần hóa tâm thức – nhưng điều này không có nghĩa là hành hạ, hay sự kiểm soát từ bên ngoài. Sự luyện tập không có nghĩa là cấm đoán, đúng hơn, nó có nghĩa là khi có một sự mâu thuẫn giữa những quan tâm dài hạn và ngắn hạn, thì ta hy sinh lợi ích ngắn hạn vì mục tiêu lâu dài. Đây là kỷ luật tự giác, vốn xuất phát từ việc xác định nguyên nhân và hệ quả của nghiệp. Thí dụ, vì mục tiêu làm cho bao tử của tôi trở lại bình thường sau cơn bệnh gần đây, tôi đang tránh thực phẩm chua và thức uống lạnh vốn có vẻ ngon và hấp dẫn. Loại luyện tập hay kỷ luật này có nghĩa là sự bảo vệ. Trong một cung cách tương tự, phản chiếu về sự chết làm ta đi tìm kỷ luật tự giác và tự bảo vệ, chứ không phải là sự hành hạ.

Loài người có mọi tiềm năng để tạo nên những thứ tốt đẹp, nhưng việc sử dụng hoàn toàn nó đòi hỏi tự do, khai phóng. Chế độ chuyên chế ngăn trở sự tăng trưởng này. Trong một cung cách bổ sung, chủ nghĩa cá nhân có nghĩa là ta không mong đợi điều gì đó từ bên ngoài hay ta đang chờ đợi những mệnh lệnh;



đúng hơn, tự chính ta tạo ra sáng kiến. Do thế, Đức Phật thường kêu gọi “sự giải thoát cá nhân”, có nghĩa là sự tự giải thoát, không qua một tổ chức. Mỗi cá nhân phải sáng tạo một tương lai của chính họ. Tự do và chủ nghĩa cá nhân đòi hỏi kỷ luật tự giác. Nếu những thứ này bị lợi dụng vì mục tiêu của các cảm giác phiền não, thì sẽ có những hậu quả tiêu cực. Tự do và kỷ luật tự giác phải làm việc với nhau.

MỞ RỘNG NHẬN THỨC CỦA TA

Theo nhận thức của Phật giáo, mục tiêu tối thượng của tất cả là để đạt được Quả Phật nhằm để có thể cứu giúp vô số chúng sanh; tuy nhiên, một trình độ trung bình của việc thành tựu có thể giải thoát ta khỏi vòng sanh, già, bệnh, chết; một trình độ thấp hơn, nhưng vẫn là một trình độ quý giá của thành tựu là sự cải thiện các kiếp sống tương lai của chúng ta. Từ việc cải thiện dần dần các kiếp sống giải thoát của chúng ta có thể đạt đến được, và căn cứ trên điều này, cuối cùng Quả Phật có thể thành tựu được. Trước tiên, nhận thức của chúng ta mở rộng để bao gồm các kiếp sống tương lai; sau đó qua sự thấu hiểu toàn diện cảnh ngộ của chính mình, thì nhận thức của chúng ta thâm nhập sâu xa để bao gồm tất cả các chu kỳ của khổ đau từ kiếp này đến kiếp khác, được gọi là vòng luân hồi hay samsara. Cuối cùng, sự thấu hiểu này có thể được mở rộng đến những người khác, qua nguyện ước của từ bi mong tất cả chúng sanh được thoát khỏi khổ đau và các nguyên nhân của đau khổ. Lòng từ bi này đưa chúng ta đến nguyện vọng thành tựu Quả Phật.

Chúng ta phải quan tâm với những khía cạnh sâu xa hơn của đời sống vốn ảnh hưởng những kiếp sống tương lai trước khi thấu hiểu toàn bộ bản chất của khổ đau và vòng luân hồi. Sự thấu hiểu này về khổ đau, hóa ra, được đòi hỏi cho sự phát triển toàn diện của lòng từ bi.

NHỮNG BẤT LỢI CỦA VIỆC KHÔNG TỈNH THỨC VỀ SỰ CHẾT

Thật lợi ích để tỉnh thức rằng ta sẽ chết. Tại sao? Nếu ta không tỉnh thức về sự chết, thì ta sẽ không chánh niệm về sự thực tập, và sẽ chỉ lãng phí đời sống của ta một cách vô nghĩa, không thăm tra những loại thái độ và hành động nào làm hiện hữu khổ đau và những thứ nào mang đến hạnh phúc.

Nếu ta không chánh niệm rằng chẳng bao lâu ta sẽ chết thì ta sẽ thất bại dưới sự quay cuồng của một cảm nhận sai lầm về vĩnh cửu hay thường hằng "Sau này tôi mới chết, lâu lắm kia." Rồi thì, đến lúc ấy, ngay cả ta muốn cố gắng để hoàn thành điều gì đó đáng giá, ta cũng sẽ không có năng lượng. Nhiều người Tây Tạng đi vào tu viện lúc tuổi trẻ và học hỏi những kinh luận về sự thực tập tâm linh, nhưng khi đến lúc để thực hành thật sự, năng lực để làm như vậy dường như vắng bóng. Đây là bởi vì họ không có một sự thấu hiểu chân thật về vô thường.

Nếu, đã tư duy về vấn đề thực tập như thế nào, thì ta sẽ thực hiện một quyết định rằng ta chắc chắn phải làm như thế trong một khóa tu vài tháng hay thậm chí trong nhiều năm, ta đã được động viên bởi kiến thức của ta về vô thường. Nhưng nếu sự cần kíp ấy không được duy trì bởi việc quán chiếu lặp đi lặp lại về những tàn phá của vô thường thì sự thực tập của ta sẽ đuối dần. Đây là tại sao một số người cứ ẩn tu bao năm dài nhưng kinh nghiệm không ảnh hưởng sâu sắc trên đời sống của họ sau đây. Việc quán chiếu về vô thường không chỉ động viên cho sự thực tập của ta, nhưng cũng cấp năng lượng cho nó.

Nếu ta có một cảm nhận mạnh mẽ về điều chắc chắn của sự chết và việc không biết chắc khi nào nó đến, thì ta sẽ được động viên từ bên trong. Nó sẽ giống như là một người bạn đang cảnh báo, "Hãy cẩn thận, hãy nghiêm túc, một ngày nữa đã qua."

Thậm chí ta có thể trở thành một tu sĩ. Nếu ta làm như thế, ta sẽ được cho một cái tên mới và quần áo mới. Ta cũng có thể sẽ ít bận rộn hơn; ta sẽ phải thay đổi thái độ, hướng chú ý đến những mục tiêu sâu xa hơn. Tuy nhiên, nếu ta tiếp tục tự bận rộn với những mối quan tâm hời hợt - thức ăn ngon, áo quần đẹp, chỗ ngủ tốt, đối thoại hài lòng, nhiều bạn bè và người quen, và ngay cả tạo ra kẻ thù nếu người nào đó làm việc gì đấy mà ta không thích và rồi thì cãi vã và đấu đá - ta sẽ không có gì khá hơn trước khi ta vào tu viện, và có thể ngay cả tệ hơn. Hãy nhớ rằng xa rời khỏi những hành động hời hợt nông cạn này vì ngượng ngùng hay sợ những người đồng tu nghĩ về mình là không đủ, mà sự thay đổi phải đến từ bên trong.

Đây là sự thật cho cả tu sĩ và cư sĩ thực hiện sự tu tập.

Có lẽ ta bị bao vây bởi một cảm nhận về thường hằng vĩnh cửu, bằng việc nghĩ rằng ta

sẽ không chết một cách sớm sủa và rằng trong khi vẫn còn sống, thì ta cần thức ăn, áo quần, và những cuộc đối thoại tốt đẹp. Vì những tham muốn cho những ảnh hưởng lạ lùng của hiện tại, ngay cả nếu chúng chỉ có ý nghĩa nhỏ nhoi về sau, thì ta lại sẵn sàng áp dụng mọi loại trợ trên, phóng đại và phươg chức để có được những gì chúng ta muốn - mượn nợ với lãi suất cao, nhìn xuống những người bạn, bắt đầu thủ tục tòa án - tất cả vì lợi ích của không gì hơn là những sự dự phòng.

Vì ta đã đắm mê đời sống của ta qua những hành vi như thế, nên tiền bạc trở nên hấp dẫn hơn là sự học hành, và ngay cả nếu ta cố gắng để thực tập, thì ta không chú ý nhiều đến nó. Nếu một trang sách bị mất, ta ngáp ngừng tìm lại, nhưng nếu tiền bạc rơi xuống đất thì không cần phải hỏi. Nếu ta chạm trán với người thật sự đáng hiển đời sống của họ để thâm nhập sâu sắc hơn với những mục tiêu tâm linh, ta có thể nghĩ tốt về sự tận tụy ấy, nhưng tất cả là thế; trái lại nếu ta thấy ai đó ăn vận áo quần lộng lẫy, phô trương sự giàu sang của họ, thì ta có thể mong ước cho điều ấy, thèm khát, hy vọng được những thứ ấy - với sự dính mắc ngày càng nhiều hơn. Cuối cùng, ta làm mọi việc để được những thứ ấy.

Một khi ta hăm hở trong sự lộng lẫy của kiếp sống này, những cảm xúc phiền não sẽ gia tăng, vốn hóa ra tất yếu sẽ mang đến nhiều hơn những hạt giống xấu. Những cảm xúc chướng ngại ẩn tàng này chỉ hướng đến rắc rối, làm cho chính ta và những người chung quanh không thoải mái. Thậm chí nếu ta học hỏi tóm tắt vấn đề thực tập như thế nào về những giai đoạn của con đường Giác Ngộ, thì ta lại đòi hỏi ngày càng nhiều hơn những thứ vật chất và liên hệ ngày càng nhiều với những người khác đến mức độ nơi ta ở, để nói như vậy, việc thực tập những tính hời hợt của kiếp sống này, thường trầm tư traу đổi tham khát bạn bè và thù ghét kẻ thù và cố gắng tìm ra những phương cách để đáp ứng những cảm xúc phiền não này. Ở điểm ấy, ngay cả nếu ta nghe về những thực tập thật sự, lợi lạc, ta có khả năng cảm thấy, "Vâng, đó là như vậy, nhưng..." Một chữ "nhưng" tiếp theo sau những chữ "nhưng" khác. Thật sự, ta đã trở thành quen thuộc với những cảm xúc phiền não suốt vòng sanh tử luân hồi, nhưng bây giờ ta đã thêm vào chính sự thực tập nông cạn hời hợt này. Điều này làm cho tình cảnh thậm chí tệ hại hơn, đẩy ta ra xa khỏi những gì thật sự hữu ích.

Bị lèo lái bởi những tham muốn ấy, ta sẽ không tìm thấy thoải mái. Ta không làm cho người khác hạnh phúc - và chắc chắn ta cũng vậy. Khi ta trở thành vị kỷ hơn - "cái này của tôi, cái kia của tôi," thân thể tôi, tài sản của tôi" - bất cứ người nào gây trở ngại, tức thời trở thành một đối tượng của sân hận. Mặc dù, ta có nhiều "bạn bè tôi" và "thân nhân tôi", nhưng họ không thể giúp đỡ gì lúc ta sanh ra hay lúc ta chết; ta đến đây đơn độc, và ta sẽ ra



đi đơn côi. Nếu ngày ta chết, một người thân có thể đồng hành cùng ta, thì sự dính mắc sẽ có giá trị, nhưng không thể như vậy. Khi chúng ta tái sinh trong một hoàn cảnh hoàn toàn xa lạ, nếu người thân của ta từ kiếp trước có thể giúp đỡ được điều gì đó, thì đấy cũng là điều gì đó nên quan tâm đến, nhưng nó cũng không phải vậy. Tuy nhiên, giữa sanh và tử (khoảng thời gian tại thế), trong vài thập niên đó là "bạn bè tôi", "chị em tôi", "anh em tôi." Sự nhấn mạnh không đúng chỗ này hoàn toàn không lợi ích gì cả, ngoại trừ sẽ tạo thêm hoang mang, tham luyến, và thù hận.

Khi những người bạn được làm nổi bật quá mức, thì những kẻ thù cũng bị làm nổi bật quá mức. Khi ta chào đời, ta không biết bất cứ người nào và cũng không ai biết ta. Mặc dù tất cả chúng ta tất cả chúng ta đều bình đẳng trong việc muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau, nhưng chúng ta thích đối diện với một số người và nghĩ, "Đây là những người bạn của tôi," và không thích đối diện với những người khác và nghĩ, "Đây là những kẻ thù của tôi." Chúng ta gắn vào những bản chất và tên hiệu cho họ và cuối cùng thực tập việc phát sinh những tham muốn cho những người bạn và phát sinh thù hận cho những kẻ thù. Có ý nghĩa gì ở đây trong điều này? Không. Vấn đề là có quá nhiều năng lượng đang được khuếch trương trong việc quan tâm cho một trình độ không gì sâu xa hơn là những mối quan hệ thiển cận của kiếp sống này. Sự thậm thâm bị thua thiệt với sự tầm thường.

Nếu ta không thực tập và vào ngày ta chết, ta được vây quanh bởi những người bạn và những thân nhân khác liên hệ sinh thời đang thốn thức, thay vì có một người nào đó nhắc nhở ta về sự thực tập đạo đức, thì sự bị thương của họ sẽ chỉ mang đến rắc rối, và ta sẽ mang lấy nó cho chính ta. Sai lầm ở chỗ nào? Do không chánh niệm về vô thường.

NHỮNG THUẬN LỢI CỦA VIỆC CHÁNH NIỆM VỀ VÔ THƯỜNG

Tuy nhiên, nếu ta không đợi đến phút cuối của cuộc đời cho nhận thức rằng ta sẽ chết, và ta sẽ lượng định hoàn cảnh của ta bây giờ một cách thực tế, ta sẽ không bị áp đảo bởi những

mục tiêu nông cạn, tạm thời. Ta sẽ không quên lãng những vấn đề quan trọng về lâu dài. Thật tốt đẹp hơn để quyết định ngay từ lúc đầu rằng ta sẽ chết và khám phá điều gì đáng giá. Nếu ta giữ trong tâm ta vấn đề kiếp sống này sẽ biến mất nhanh chóng như thế nào, thì ta sẽ lượng định thời gian và làm những gì có giá trị. Với một cảm nhận mạnh mẽ về sự chết nhất định sẽ đến, thì ta sẽ cảm thấy nhu cầu của việc dẫn thân trong sự thực tập tâm linh, việc cải thiện tâm thức chúng ta, và sẽ không lãng phí thời gian của ta trong đủ thứ những việc xao lãng xếp loại từ ăn uống đến việc tán gẫu vô ích không ngừng nghỉ.

Tất cả mọi chúng sanh muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau. Chúng ta sử dụng nhiều trình độ của kỹ thuật cho việc loại trừ khổ đau không mong muốn trong những hình thức nông cạn và sâu xa của nó, nhưng chính con người đã dẫn thân trong kỹ thuật trong buổi đầu của đời sống họ để tránh khổ đau về sau này. Cả những người có và không thực tập tôn giáo đã tìm cầu suốt đời sống của họ để giảm thiểu một số khổ đau và loại trừ những thứ khác, đôi khi ngay cả chịu đựng đau đớn như một phương tiện để chiến thắng nỗi khổ lớn hơn và đạt được một mức độ nào đó của hạnh phúc.

Mọi người cố gắng để loại trừ khổ đau nông cạn, nhưng có một loại kỹ thuật khác quan tâm đến việc loại trừ khổ đau ở một trình độ sâu hơn – mục tiêu giảm thiểu tối đa đến chấm dứt khổ đau trong những kiếp sống tương lai và, xa hơn thế, ngay cả loại trừ tất cả mọi hình thức khổ đau của tự thân cũng như cho tất cả chúng sanh. Sự thực tập tâm linh là loại kỹ thuật sâu sắc này.

Những kỹ thuật này liên hệ đến việc điều chỉnh thái độ; vì vậy, sự thực tập tâm linh một cách căn bản có nghĩa là điều chỉnh tư tưởng của ta một cách hợp lý. Trong Sanskrit nó được gọi là dharma, giáo pháp, có nghĩa là, quy luật, phương pháp, "ngăn lại". Điều này có nghĩa là bằng việc điều chỉnh những thái độ chướng ngại ẩn tàng, thì chúng ta được giải thoát khỏi một trình độ của khổ đau, và vì vậy được ngăn lại khỏi một sự khổ đau nào đó. Sự thực tập tâm linh bảo vệ, hay ngăn lại, chính ta và những người khác khỏi khổ đau.

Từ việc trước tiên thấu hiểu hoàn cảnh của chính ta trong vòng luân hồi và tìm cầu để ngăn lại chính ta khỏi khổ đau, chúng ta mở rộng việc nhận thức rõ của mình đến những chúng sanh khác và phát triển lòng từ bi, vốn có nghĩa là tự cống hiến để ngăn lại khổ đau của người khác. Nó có ý nghĩa thực tiễn cho ta, chỉ là một chúng sanh, chọn lựa cho việc bảo trọng những người khác, nhưng cũng là, bằng việc tập trung vào lợi ích của những người khác, tự chính ta sẽ hạnh phúc hơn. Lòng từ bi làm giảm sự sợ hãi về nỗi đau của chính ta và gia tăng sức mạnh nội tại. Nó cho ta một cảm giác truyền lực, của việc có thể hoàn thành nhiệm vụ của ta. Nó giúp sức cho sự hăng hái.

Để tôi cho quý vị một thí dụ. Mới đây, khi tôi ở Bồ Đề Đạo Tràng, tôi bị nhiễm trùng đường ruột mãn tính. Trên đường đến nhà thương, cơn đau ở bụng tôi trở nên nghiêm trọng, và tôi đổ mồ hôi rất nhiều. Chiếc xe đang đi ngang vùng núi Linh Thứu (nơi Đức Phật giảng kinh), nơi những dân làng cực kỳ nghèo khổ. Trong tổng quát, bang Bihar thì nghèo, nhưng đặc biệt vùng ấy thậm chí nghèo hơn. Vì vậy tôi ngay cả không thấy trẻ con đến trường hay đi học. Chỉ sự nghèo cùng. Và bệnh tật, tôi có một ký ức rõ ràng về một bé trai bại liệt có những thanh kim loại bạc màu trên đôi chân và đôi nạng kim loại tận nách. Rõ ràng không ai săn sóc cậu bé. Tôi rất xúc động. Một lát sau, có một ông già ở chỗ bán trà, chỉ có một mảnh vải dơ bẩn trên thân, té xuống đất, nằm ở đấy mà không ai quan tâm.

Sau này, ở bệnh viện, tư tưởng của tôi cứ vẩn vơ về những gì tôi đã thấy, quán chiếu vấn đề buồn thảm thế nào khi ở đây có những người săn sóc cho tôi nhưng những người nghèo khổ ấy không ai để ý. Đó là chỗ mà tư tưởng của tôi đã diễn biến, thay vì với sự đau khổ của chính tôi. Mặc dù mồ hôi đang đổ ra khắp thân thể tôi, nhưng sự quan tâm của tôi ở nơi khác.

Trong cách này, mặc dù thân thể của tôi đang chịu đựng nhiều đau đớn (một cái lỗ đã thủng trong thành ruột của tôi) làm giấc ngủ khó khăn, nhưng tâm thức của tôi đã không bị bất cứ sự sợ hãi hay không thoải mái nào. Hoàn cảnh chỉ có thể tệ hại hơn nếu tôi đã tập trung vào các rắc rối của chính tôi. Đây là một thí dụ từ một kinh nghiệm nhỏ của tôi về vấn đề một thái độ từ bi đã hỗ trợ ngay cả tự thân, nên lại một mức độ nào đó của nỗi đau thân thể và tránh xa nỗi đau tinh thần, mặc dù thực tế người khác có thể không hỗ trợ trực tiếp.

Lòng từ bi làm cho mạnh thêm quan điểm của ta, và với sự can đảm ấy chúng ta thư thái hơn. Khi nhận thức của ta bao gồm nỗi đau khổ của các chúng sanh, thì nỗi khổ đau của riêng ta tương đối nhỏ.

Ấn Tâm Lô
Wednesday, August 1, 2018



VÔ NGÃ

*hiện tượng là vô ngã
sự vật là vô thường
buổi sáng hoa búp nở
buổi chiều hoa búp tàn
ngàn xưa đã như vậy
khởi thủy là chữ duyên
nơi Hà Nhai vẫn độ
neo đó 1 con thuyền
nhỏ neo là bến giác
nước chảy chảy ru phiền
bao si mê sân hận
theo gió lộng từng cơn
vũ trụ là vô ngã
thân ta là vô thường*



TRĂNG GIÀ

*nhìn lên 1 mẫu trăng già
chú Cuội đứng hót lá đa suốt ngày
bầy trâu con béo con gầy
con thoi ăn lúa con ngậy ngó nhìn
nhìn theo đồng lúc chiêm chiêm
bầy chim cũng họp chợ phiên tháng 10*

ĐÔI

*đế vương khanh tướng công hầu bá tử nam
tổng thống tổng bộ trưởng thủ trưởng
chủ tịch ủy viên chết xuôi 2 tay
trên bệ thờ leo lét cây nhang bát nước
2 dây đèn cây
thế ra lại thua con cà cuống
chết đến đít còn cay?*

LUÂN HỒI

*mới là con tâm
hoá ra con bướm
đẻ ra con sâu
con sâu ăn lá dâu
kéo kén thành con tằm
1 vòng hoá thân*

thơ CHU VƯƠNG MIỆN

ĐỨC PHẬT: THẤY PHÁP LÀ THẤY TA

Nguyễn Giác

Bài viết này để trả lời một vài câu hỏi nhận được gần đây. Nếu giúp được một số độc giả, xin hồi hướng công đức từ bài viết để Phật pháp trường tồn. Trường hợp các câu trả lời bất toàn hay sơ sót, người viết, với vốn học và vốn tu đều kém cỏi, xin lắng nghe quý tôn đức chỉ dạy thêm.

Một câu thắc mắc là, có cần giác ngộ hay không? Câu này người viết không dám trả lời bằng thể khẳng định.

Tuy nhiên, trong rất nhiều kinh, và trong các tích truyện Nikaya đều cho biết có một thời điểm xảy ra trong tâm của người tu, từ lúc đó người này biết rằng sanh đã tận, và mọi chuyện đã khác. Thí dụ, trong Trưởng Lão Ni Kệ (Therigatha), có rất nhiều trường hợp đặc quả A La Hán sau khi nghe Đức Phật đọc một bài kệ, hay khi nhìn thấy nước chảy xuôi từ bắp đùi, hay khi dùng kim nhấn ngọn bắc đèn xuống dầu... Thí dụ, trong Pháp Cú Tích Truyện, các trường hợp tức khắc đắc quả A La Hán có ghi lại tích của 500 vị tăng trong bài Kệ 170 sau khi nghe Đức Phật đọc một bài kệ, hay về chàng làm xiếc Uggasena còn lơ lửng trên cây đã tức khắc tự biết sanh đã tận sau khi nghe Đức Phật dạy "buông bỏ cả quá, hiện, vị lai," hay như Kệ 142 về quan đại thần Santati vừa mới gây nghiệp sát và nghiệp sắc dục nhưng đã giải thoát tức khắc sau khi Đức Phật đọc bài kệ tương tự về "vô sở trụ" và rất nhiều trường hợp khác. Tương tự, nhiều trường hợp ở Kinh Tập. Nghĩa là, có một khoảnh khắc như thế của tâm thức, muốn gọi là gì cũng được. Tốt nhất, chớ nên bận tâm chuyện đồn ngộ hay không đồn ngộ, chỉ cần lặng lẽ phòng hộ sáu căn trọn ngày là đủ.

Một câu thắc mắc rằng, có phải Tứ Niệm Xứ (niệm thân, thọ, tâm, pháp) là pháp duy nhất để giải thoát hay không? Bất kỳ ai đọc kinh căn trọng, cũng thấy chữ "duy nhất" là sai. Thí dụ, trong Trung Bộ có hai kinh dạy về Không Tam Muội, hay "àn trú Không." Tương tự,

trong Tương Ứng Bộ cũng có nhiều kinh về Không (Emptiness), đặc biệt Đức Phật từng cảnh báo trong Kinh SN 20.7 rằng trong tương lai (không xác định thời lượng, nhưng có lẽ thời này tới rồi vậy) sẽ tới lúc nhiều vị sư không chịu lắng nghe, không chịu hiểu, không chịu học thuộc các kinh sâu thẳm, vì diệu về pháp Không (*in a future time there will be mendicant who won't want to listen when discourses spoken by the Realized One—deep, profound, transcendent, dealing with emptiness—are being recited. They won't pay attention or apply their minds to understand them, nor will they think those teachings are worth learning and memorizing* - bản dịch Sujato).

Hay như Kinh AN 11.10, Đức Phật nói rằng trong hàng đệ tử của Ngài có những tu sĩ giỏi như tuần mã, khi thiền tư mà không dựa vào đất-nước-gió-lửa

và cũng không dựa vào những gì được thấy, nghe, cảm thọ, nhận biết... Tương tự, nhóm Kinh Tập là ngôn ngữ của Bát Nhã, của Long Thọ. Hay như Kinh Bahiya, dạy về an tâm với pháp Như Thị. Hay như trong Trưởng Lão Ni Kệ, có Ni Trưởng Sona, và một số vị khác đắc quả bằng Định Vô Tướng (không niệm bất kỳ một tướng nào của ngũ uẩn, nghĩa là nghịch hướng với niệm theo bốn đối tượng). Nghĩa là, có nhiều pháp giải thoát không phải Tứ Niệm Xứ. Trong khi đó, Tứ Niệm Xứ là niệm có đối tượng (thân, thọ, tâm, pháp) và là niệm "ở đây và bây giờ," trong khi đọc trở ngược đoạn văn trên về Pháp Cú Tích Truyện, sẽ thấy rằng Đức Phật dạy pháp niệm không-đối-tượng, nghĩa là "xa lìa quá, hiện, vị lai." Nghĩa là, mỗi người tùy nhân duyên nhiều đời, sẽ gặp pháp thuận lợi riêng cho mình.

Tới đây sang câu hỏi khác. Một ý thắc mắc rằng, Đức Phật có một lần nói rằng thấy Pháp chính là thấy Như Lai. Như vậy, Pháp là gì? Chỗ này không dám nói ý riêng, chỉ xin dẫn kinh ra. Xem như đây là một cơ hội đọc lại lời Đức Phật dạy.



Trong kinh, chữ Pháp (Dhamma, viết theo Nam Tông; Dharma, viết theo Bắc Tông) có nghĩa rất mênh mông. Có khi chữ Pháp là lời Đức Phật dạy, có khi là chiếc bè để vượt qua dòng sông sanh tử, có khi là Luật Duyên Khởi, có khi là sự thật của vũ trụ (Tứ Diệu Đế, trong đó Bát Chánh Đạo nằm trong Đạo Đế), có khi là Tam Học (Giới Định Huệ), có khi là đối tượng của tâm, có khi là vận hành của ba cõi (12 xứ, gồm 6 nội xứ và 6 ngoại xứ), có khi là toàn thể 18 giới (6 căn, 6 trần, 6 thức), có khi là những yêu cầu tu học (như Kinh AN 5.73, yêu cầu phải học các đoạn đối thoại, học các chuyện kể, học các giải thích về pháp nghĩa, học các vần thơ...) và vân vân. Nghĩa là mênh mông. Nghĩa là, có nói gì đi nữa, cũng không đầy đủ.

Nơi đây sẽ tìm hiểu sơ lược một số kinh ngắn để xem Pháp đã được tuyên thuyết như thế nào. Tuy rằng kinh ngắn, nhưng đều siêu xuất tuyệt vời. Đức Phật từng nói trong kinh AN 4.113 rằng, tuần mã chỉ cần thấy bóng roi là biết hướng để đi, không cần gì dài dòng phức tạp; do vậy, có khi kinh ngắn nhưng lại đầy đủ cho một đời tu học. Nơi đây sẽ chủ yếu chọn đọc một số kinh ngắn trong tiếng Anh có cú pháp đơn giản, để tiện cho độc giả tham khảo các bản Anh dịch, để thấy một pháp tu tiện dụng và thích nghi. Nơi đây sẽ đọc một góc rất nhỏ trong cánh rừng Phật pháp, không dẫn các kinh Trường Bộ, Trung Bộ và nhiều kinh Tương Ưng Bộ vì độ dài khó tóm lược, và cũng không dẫn ra nhóm Kinh Tập vì khó dịch và khó tóm lược trong vài dòng. Như vậy, Pháp là gì?

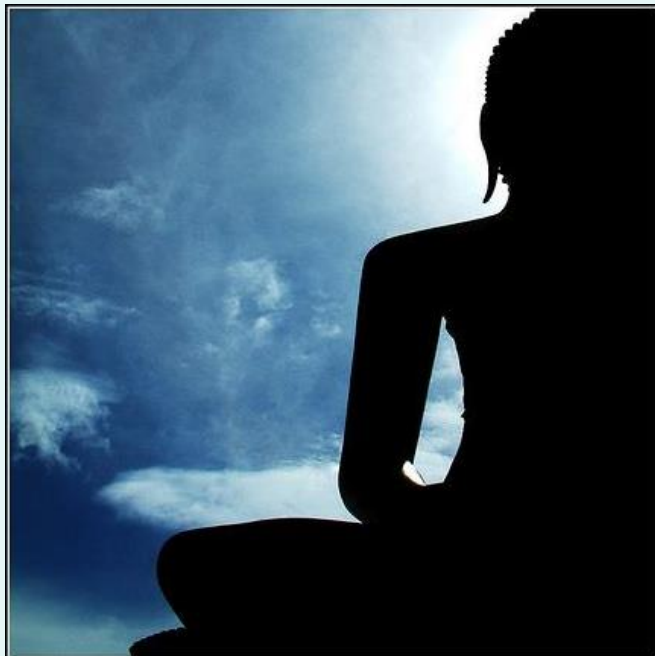
Kinh SN 22.87: Đủ rồi Vakkali! Thân bất tịnh này (của ta) có gì đâu mà nói? Vakkali, ai thấy Pháp là thấy ta; ai thấy ta là thấy Pháp. Thực sự thấy Pháp, sẽ thấy ta; thấy ta, sẽ thấy Pháp. (1)

Kinh AN 3.52: Với thể giới như thể đang bốc cháy với già, bệnh và chết, bất kỳ phòng hộ thân, khẩu và ý được tu tập nơi đây sẽ là hằm trú, hang động, hải đảo và nơi tỵ nạn sau khi chết sau thể giới này. (2)

Kinh AN 3.71: Có con đường Bát Chánh Đạo này: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. (3)

Kinh AN 4.37: Trang bị bốn phẩm chất này, một vị sư không có thể rơi ngã và sẽ đi trong hiện diện của Niết Bàn... Khi một vị sư (a) giữ gìn giới luật, (b) phòng hộ các căn, (c) ăn điều độ, và (d) tận lực tinh giác... Làm sao phòng hộ các căn? Đó là khi mắt thấy một hình thể, nhà sư không nắm giữ bất kỳ đặc tướng nào (của hình thể đó) hay nắm giữ bất kỳ các biến thể của hình thể đó (*on seeing a form with the eye, does not grasp at any theme or variations by which*)... tương tự với tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm... (4)

Kinh AN 5.73: Có trường hợp khi một nhà sư học Pháp: các đoạn đối thoại, các chuyện kể



trong hỗn hợp thơ và văn trong đời thường, các giải thích, các vần thơ, các tự thuyết đột khởi, các lời trích dẫn, các chuyện bản sinh, các sự kiện kỹ vĩ, các buổi hỏi và trả lời. Vị này không dùng cả ngày để học Pháp. Vị này không rời bỏ sự cô tịch. Vị này tự an tịnh nội tâm. Đó gọi là một vị sư an trú trong Pháp. (5)

Kinh AN 7.64: Có trường hợp khi một nhà sư biết Pháp: các đoạn đối thoại, các chuyện kể trong hỗn hợp thơ và văn nói đời thường, các giải thích, các vần thơ, các tự thuyết đột khởi, các lời trích dẫn, các chuyện bản sinh, các sự kiện kỹ vĩ, các buổi hỏi và trả lời. Nếu vị này không biết Pháp -- các đoạn đối thoại, các chuyện kể trong hỗn hợp thơ và văn nói đời thường, các giải thích, các vần thơ, các tự thuyết đột khởi, các lời trích dẫn, các chuyện bản sinh, các sự kiện kỹ vĩ, các buổi hỏi và trả lời - - vị này không gọi được là người có cảm nhận về Pháp (*he wouldn't be said to be one with a sense of Dhamma*). (6)

Kinh AN 8.63. Trong kinh này, Đức Phật dạy về những cách tu tập Tứ Vô Lượng Tâm (từ, bi, hỷ, xả) và Tứ Niệm Xứ (niệm thân, thọ, tâm, pháp) như là căn bản pháp tu định. Định này không có nghĩa là ngồi nhập định như nhiều người nghĩ, nhưng chính là định trong đi đứng nằm ngồi. Kinh viết, "Khi định này được thiết lập như thế, được tăng thượng như thế, rồi bất kỳ nơi đâu người đi, người sẽ đi trong thoải mái. Bất kỳ nơi đâu người đứng, người sẽ đứng trong thoải mái. Bất kỳ nơi đâu người ngồi, người sẽ ngồi trong thoải mái. Bất kỳ nơi đâu người nằm, người sẽ nằm trong thoải mái." (*... wherever you go, you will go in comfort. Wherever you stand, you will stand in comfort. Wherever you sit, you will sit in comfort. Wherever you lie down, you will lie down in comfort.*) (7)

Kinh AN 10.60. Trong kinh này, ngài Anan-

da trình với Đức Phật rằng nhà sư Girimananda đau bệnh nguy kịch. Đức Phật nói rằng ngài Ananda hãy tới nói với nhà sư bệnh về 10 pháp tưởng, có thể rằng đau bệnh sẽ tức khắc hết. Sau khi nghe ngài Ananda nói (**tức là, chỉ mới nghe Pháp thôi**), nhà sư Girimananda tức khắc hết đau bệnh (*Then after Girimānanda heard these ten perceptions his illness died down on the spot.*). Kinh viết, "(1) Tưởng về vô thường, (2) tưởng về vô ngã, (3) tưởng về bất tịnh, (4) tưởng về nguy hiểm (của thân tâm trong cõi này), (5) tưởng về xả ly, (6) tưởng về từ bỏ tham luyến, (7) tưởng về tịch diệt, (8) tưởng về nhằm chân toàn bộ thế giới, (9) tưởng về vô thường trong tất cả hiện tượng hữu vi, và (10) niệm về hơi thở (tức là, niệm 16 pháp hơi thở)." (8)

Kinh Ud 1.9. Trong kinh này, Đức Phật nói rằng sự thanh tịnh không thể đạt được vì nghi lễ xuống tắm sông Gaya và vì nghi thức hỏa tịnh, mà "trong người nào có sự thật và Pháp, người đó mới thanh tịnh." (9)

Kinh Ud 1.10. Trong kinh này, ẩn sĩ Bahiya được một vị thiên, bạn từ nhiều kiếp xưa, hiện tới yêu cầu tìm Đức Phật để học Pháp. Bahiya đi liên tục nhiều ngày, gặp Đức Phật đang đi khất thực, chặn lại ba lần xin dạy Pháp (Let the Gracious One preach the Dhamma to me)... Đức Phật nói, "Trong cái được thấy sẽ chỉ là cái được thấy, trong cái được nghe sẽ chỉ là cái được nghe... Đó là con đường, Bahiya, người hãy tự tu luyện." Thời gian ngắn sau, Bahiya bị một con bò tông chết. Đức Phật cho làm nghi thức hỏa táng, nói Bahiya đã trở thành A La Hán, "nơi đất nước gió lửa không có chỗ bám." (10)

Kinh Ud 7.7. Đức Phật nhớ lại khi ngài rời bỏ tưởng (và khách thể hóa để thành phân biệt giữa tôi/thế giới), và do vậy xa lìa kiến. Đây là nhóm chữ khó dịch. Bản dịch Anandajoti là "*giving up of signs of conceptual diversification.*" Bản dịch Thanissaro là "*abandoning of the perceptions & categories of objectification.*" Bản dịch của Dawsonne Melanchthon Strong là "*on his own abandonment of consciousness and reasoning in connection with the hindrances.*" Bản dịch Ireland (bản giấy, sách 'The Udana and the Itivuttaka' ấn bản 2007, trang 92-3) là "*abandonment of perceptions and concepts born of proliferation.*" Còn chữ kiến (*no standing-place*), hay lập trường về tôi/thế giới hay về có/không là sinh khởi từ thế giới tâm phan duyên của tưởng. Lẽ ra trong tâm người tu phải tịch lặng hết các tưởng. Kinh viết, "Đức Phật nhớ lại thời ngài xa lìa tưởng và việc phân biệt thế giới khách thể... Người đã không còn khách thể hóa, không còn kiến sanh khởi trong tâm, người đã vượt qua xa (*One who has no objectifications, no standing-place, who has gone beyond...* – bản dịch Thanissaro)." (11)

Kinh Iti 1.7. Đức Phật dạy, hiểu Cái Tất Cả, xa lìa tham luyến Cái Tất Cả (the All), sẽ giải thoát. Cái Tất Cả là sáu căn và sáu trần, có

nghĩa là tất cả thế giới chúng ta kinh nghiệm trong/ngoài thân tâm.(12)

Kinh Iti 43. Đức Phật dạy, "Các sư, có một cái vô sanh, một cái không bị đưa tới sanh khởi, một cái không bị làm ra, một cái không bị điều kiện hóa. Các sư, nếu không có một cái vô sanh, một cái không bị đưa tới sanh khởi, một cái không bị làm ra, một cái không bị điều kiện hóa như thế, sẽ không thể có giải thoát được nhận ra từ cái được sanh ra, cái bị đưa tới sanh khởi, cái bị tạo tác, cái bị điều kiện hóa. Nhưng bởi vì có cái vô sanh, cái không bị đưa tới sanh khởi, cái không bị làm ra, cái không bị điều kiện hóa cho nên giải thoát được nhận ra từ cái được sanh ra, cái bị đưa tới sanh khởi, cái bị tạo tác, cái bị điều kiện hóa." (13)

Kinh SN 1.1. Một vị thiên hỏi rằng làm thế nào vượt qua trận lụt (của sinh tử). Đức Phật nói rằng, không đứng lại, không dẫn bước tới (bản dịch Sujato dịch là không đứng lại, không bơi đi), là sẽ tới bờ bên kia. Kinh này có thể hiểu là khi tâm hành tịch diệt (hay là khi xa lìa các niệm hữu/vô, khi xa lìa tranh cãi đúng/sai), trận lụt sinh tử tức khắc biến mất. Cả 3 bản Anh dịch đều xuất sắc, có link ở (14).

Kinh SN 1.2. Giải thoát là gì? Đức Phật giải thích là khi xóa sổ tưởng và thức, khi tịch diệt và vắng lặng các thọ. (Bản Sujato là: *the finishing of perception and consciousness, and the cessation and stilling of feelings*; Bản Bodhi là: *By the extinction of perception and consciousness, By the cessation and appeasement of feelings...*) (15)

Kinh SN 1.27. Ba câu hỏi là: Từ đâu, dòng sông (sinh tử) trở ngược? Từ đâu, vòng (sinh tử) không còn xoay? Từ đâu, danh và sắc (tức, thân và tâm) ngưng với không gì còn lại? Đức Phật trả lời rằng nơi đất nước gió lửa không còn thấy chỗ trụ nữa, nơi đó dòng sông sẽ trở ngược, vòng chu kỳ sẽ hết xoay, và nơi đó danh và sắc không còn để lại gì nữa.(16)

Kinh SN 1.41. Kinh này dạy bồ thí, cúng dường. Chư thiên đọc thơ trước Đức Phật. Rằng thế giới này bốc cháy với giá và chết, chúng sinh nên tự cứu bằng cách bồ thí, vì những gì được trao tặng là những gì được cứu... Thân này sẽ chết cùng với tất cả tài sản, biết như thế, người trí huệ sẽ sống biết đủ, cùng lúc là bồ thí. Sau khi bồ thí và sống biết đủ, họ sẽ lên cõi trời. (17)

Kinh SN 2.26. Đức Phật trả lời một vị thiên rằng không có thế nào du hành để tới nơi nào gọi là tận cùng thế giới, nơi người đó sẽ không sinh ra, già đi, hấp hối, từ trần, hay tái sinh... Giải thoát phải từ nơi tâm thân này, với tưởng và tâm (with its perception and mind) mà ta nói về thế giới, về cội nguồn (thế giới), về tịch diệt (thế giới), và về pháp tu dẫn tới sự tịch diệt.(18)

Kinh SN 4.19. Kinh này nghe y hệt Pháp Bảo Đàn Kinh. Nơi đây, hình ảnh con trâu lại là hiển lộ của tâm (mắt, tai...). Ma Vương giả làm một nông dân mang chiếc cày trên vai, tới gặp

Đức Phật và hỏi xem có thấy con trâu của y ở đâu không. Sau vài câu nói chuyện, Đức Phật trả lời Ma Vương rằng, "Cái riêng của người chính là mắt, của người là cái được thấy, của người là cánh đồng nhãn thức. Ma Vương, nơi không có mắt (căn), không có cái được thấy (trần), không có nhãn thức (thức) -- người không có chỗ nơi đó. Cái riêng của người chính là tai... mũi... lưỡi... thân... tâm, của người chính là niệm, của người chính là cánh đồng ý thức. Nơi không tâm, không niệm, không ý thức -- người không có chỗ nơi đó, hỏi Ma Vương!" (*Yours alone, ascetic, is the eye, yours are sights, yours is the field of eye contact consciousness. Where there is no eye, no sights, no eye contact consciousness—you have no place there, Wicked One! Yours alone is the ear ... nose ... tongue ... body ... mind, yours are thoughts, yours is the field of mind contact consciousness. Where there is no mind, no thoughts, no mind contact consciousness—you have no place there, Wicked One!*) (19)

Kinh SN 8.4. Hai nhà sư Vangisa và Ananda vào thành Savatthi khất thực. Ngài Vangisa đột nhiên thấy tâm tham đâm khởi lên, mới nói với ngài Ananda rằng xin giúp vì tâm ngài bốc cháy lửa dục. Ngài Ananda đưa ra một loạt pháp đối trị, trả lời rằng tâm của bạn bốc cháy, vì tưởng bị hỏng rồi, "Hãy tránh nhìn những gì quyến rũ vì tham đâm sẽ gợi lên. Hãy xem tất cả pháp hữu vi như cái khác, như khổ đau và vô ngã. Hãy dập tắt lửa dục, chớ để bốc cháy nữa. Hãy thiền tập về những gì xấu xí, những gì nhất tâm, những gì an tịnh; với pháp niệm thân, hãy xa lìa các ảo ảnh. Hãy thiền tập về vô tướng, buông xả hết cái [tâm] chấp ngã; và khi bạn hiểu cái [tâm] chấp ngã đó, bạn sẽ sống an bình." (Bản dịch Sujato: *Meditate on the signless, give up the underlying tendency to conceit; and when you comprehend conceit, you will live at peace.* Bản dịch Thanissaro: *Develop the theme-less. Cast out conceit. Then, from breaking through conceit, you will go on your way at peace.*) (20)

Nghĩa là, ngài Vangisa vào thành và thấy tâm bốc lửa vì những hình thể xinh đẹp, được ngài Ananda đưa ra một loạt lời khuyên: hãy thiền với đề mục bất tịnh, rồi định tâm, rồi niệm thân, sau cùng là niệm vô tướng. Chữ vô tướng (signless) theo Thanh Tịnh Đạo có nghĩa là "không có tướng năm uẩn." (Signless, being secluded from the sign of the five aggregates, taken as having no graspable entity (aviggaha).") Comm. to VM [Visuddhimagga] XVI, 23 (quoted, PP [The Path of Purification, by Ven. Nanamoli, Colombo 1956] p. 564n.) Có một giải thích khác, rằng vô tướng là "không có tướng tham sân si," nhưng giải thích này có lẽ không đúng, vì như thế là xong rồi, đâu cần tu nữa. Nghĩa là, các luận sư suy đoán, và có khi bất đồng. Pháp định vô tướng ít được giải thích trong kinh, có nghĩa là thời



đó, pháp này Đức Phật đã dạy rất cẩn kỹ (cho nên không bị thắc mắc nhiều).

Nơi đây, nên dẫn ra Kinh SN 22.80, Đức Phật nói có ba loại tâm bất thiện, và búng gổc rể hoàn toàn tâm bất thiện là, hoặc tập pháp Tứ Niệm Xứ, hoặc tập pháp Định Vô Tướng.

(Bốn bản Anh dịch SN 22.80 trích như sau. Bản dịch Sujato: *...where do these three unskillful thoughts cease without anything left over? In those who meditate with their mind firmly established in the four kinds of mindfulness meditation; or who develop signless immersion.* Bản dịch Bodhi: *...For one who dwells with a mind well established in the four establishments of mindfulness, or for one who develops the signless concentration.* Bản dịch Maurice O'Connell Walshe: *...And these three unskilled states disappear utterly in him whose heart is well established in the four foundations of mindfulness, or who practices concentration on the signless.* Bản dịch Thanissaro: *...unskillful thinking cease without remainder in one who dwells with his mind well established in the four frames of reference or who develops the themeless concentration.*) (21)

Cần ghi nhận rằng Pháp Định Vô Tướng đã được Thiền Tông giải thích bằng nhiều phương tiện, như ngài Bồ Đề Đạt Ma (nói về 5 ngoại xứ và 6 nội xứ: ngoài, dứt hết các duyên; trong, không tư lường dính mắc) hay ngài Huệ Năng (Tịch tịch đoạn kiến văn, đàng đàng tâm vô trước); hay như Tín Tâm Minh và Chứng Đạo Ca, và rất nhiều lời dạy khác của Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ. Chúng ta có thể nói gọn rằng, vì vô tướng là xa lìa tướng ngũ uẩn, nên tịch diệt gổc rể [của hành] phải là nơi thức uẩn (khi danh-sắc bị phá hủy chính là nơi thức vô tướng, vô tận và toàn sáng, "Where consciousness is signless, boundless, all-luminous."). Xem đối chiếu Kinh DN 1 và Kinh MN 49 ở link (22).

Kinh SN 40.9. Mục Kiên Liên, đừng quên an trú trong pháp định vô tướng của tâm. Hãy chú tâm vào pháp định vô tướng của tâm; vào nhất tâm và an trú trong định vô tướng. (*Moggallāna! Don't neglect the signless immersion of the heart, brahmin! Settle your mind in*

the signless immersion of the heart; unify your mind and immerse it in the signless immersion of the heart.' - bản dịch Sujato) (23)

Kinh AN 6.13. Đức Phật nói rằng có nhà sư nói là đã tu pháp vô tướng nhưng thức vẫn còn trôi chảy theo tướng (*still my consciousness follows the drift of signs*). Đức Phật nói rằng như thế là sai rồi, vì nếu đã tu được pháp vô tướng thì không thể nào thức trôi theo các tướng được nữa (*It's impossible, there is no way that — when the signless has been developed, pursued, handed the reins and taken as a basis, given a grounding, steadied, consolidated, and well-undertaken as an awareness-release — consciousness would follow the drift of signs.* - bản dịch Thanissaro) (24)

Kinh 41.7. Cư sĩ Citta nói: thế nào là vô tướng tâm giải thoát? Đó là khi một nhà sư, không chú tâm vào bất kỳ tướng nào, vào và an trú trong định vô tướng của tâm. (Bản dịch Sujato: *And what is the signless heart's release? It's when a mendicant, not focusing on any signs, enters and remains in the signless immersion of the heart. This is called the signless heart's release.* Bản dịch Bodhi, trang 1326, sách "The Connected Discourses of the Buddha": *Here, with nonattention to all signs, a bhikkhu enters and dwells in the signless concentration of mind. This is called the signless liberation of mind.*) (25)

Kinh AN 10.2. Chỉ cần giữ giới thanh tịnh, và không cần khởi lên ước muốn gì hết (tâm hành xứ diệt) rồi sẽ tự động đắc quả A La Hán. (Bản dịch Bodhi: *Bhikkhus, for a virtuous person, one whose behavior is virtuous, no volition need be exerted... Thus, bhikkhus, one stage flows into the next stage, one stage fills up the next stage, for going from the near shore to the far shore.*) (26)

Trong Trưởng Lão Tăng Kệ Thag 8.1, ngài Maha-Kaccana có bài thơ hai đoạn, nơi đây viết như văn xuôi cho gọn (có thể đối chiếu với bài kệ của Bồ Đề Đạt Ma: Ngoài dứt hết các duyên, trong không tư lường dính mắc, tâm hết như tường vách...):

"Người này nghe tất cả với tai, Người này thấy tất cả với mắt, Người trí không nên kinh chống tất cả những gì được thấy và được nghe.

Người có mắt nên như mù, Người có tai nên như điếc, Người có trí nên như câm, Người có sức khỏe nên như mong manh. Rồi thì, khi mục tiêu đạt tới, Người này có thể nằm trên giường ra đi an ổn." (Bản Bodhi: *One with eyes should be as if blind, One with ears as if deaf, One with wisdom as if mute, One with strength as if feeble. Then, when the goal has been attained, One may lie upon one's death bed.*) (27)

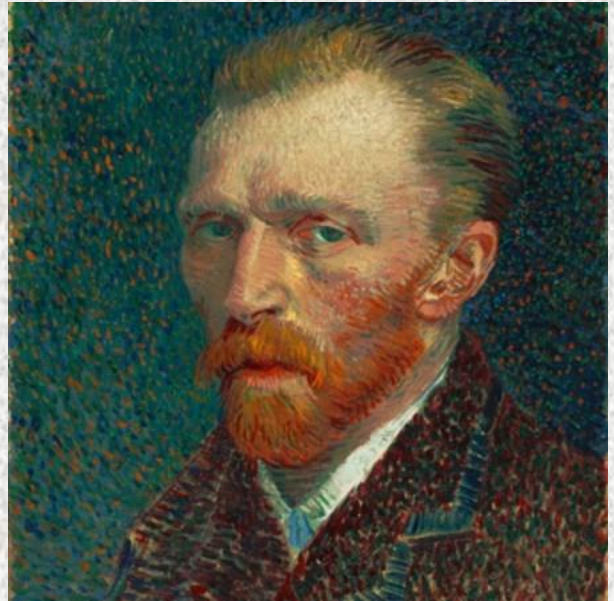
Nơi đây xin ngưng bút. Vì nói tới Pháp là vô cùng tận. Nhưng vốn thật như chư tổ viết: Pháp pháp bốn vô pháp...

Nguyên Giác

GHI CHÚ:

- (1) Kinh SN 22.87: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/sn/sn22/sn22.087x.wlsh.html>
- (2) Kinh AN 3.52 - <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/an/an03/an03.052.than.html>
- (3) Kinh AN 3.71 - <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/an/an03/an03.071.than.html>
- (4) Kinh AN 4.37: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/an/an04/an04.037.than.html>
- (5) Kinh AN 5.73: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/an/an05/an05.073.than.html>
- (6) Kinh AN 7.64: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/an/an07/an07.064.than.html>
- (7) Kinh AN 8.63: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/an/an08/an08.063.than.html>
- (8) Kinh AN 10.60: <https://suttacentral.net/an10.60/en/sujato>
- (9) Kinh Ud 1.9: In whom there is truth and Dhamma, he is pure -- <https://suttacentral.net/ud1.9/en/anandajoti>
- (10) Kinh Ud 1.10: In what is seen there must be only what is seen, in what is heard there must be only what is heard, in what is sensed there must be only what is sensed, in what is cognized there must be only what is cognized. This is the way, Bāhiya, you should train yourself. - <https://suttacentral.net/ud1.10/en/anandajoti>
- (11) Kinh Ud 7.7: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/kn/ud/ud.7.07.than.html>
- (12) Kinh Iti 1.7: <https://suttacentral.net/iti7/en/ireland>
- (13) Kinh Iti 43: "There is, bhikkhus, a not-born, a not-brought-to-being, a not-made, a not-conditioned. If, bhikkhus, there were no not-born, not-brought-to-being, not-made, not-conditioned, no escape would be discerned from what is born, brought-to-being, made, conditioned. But since there is a not-born, a not-brought-to-being, a not-made, a not-conditioned, therefore an escape is discerned from what is born, brought-to-being, made, conditioned." - <https://suttacentral.net/iti43/en/ireland>
- (14) Kinh SN 1.1. Bản Sujato: <https://suttacentral.net/sn1.1/en/sujato>
Bản Bodhi: <https://suttacentral.net/sn1.1/en/bodhi>
Bản Thanissaro: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/sn/sn01/sn01.001.than.html>
- (15) Kinh SN 1.2. Bản Sujato: <https://suttacentral.net/sn1.2/en/sujato>
Bản Bodhi: <https://suttacentral.net/sn1.2/en/bodhi>
- (16) Kinh SN 1.27. Bản Sujato: <https://suttacentral.net/sn1.27/en/sujato>
Bản Bodhi: <https://suttacentral.net/sn1.27/en/bodhi>
- (17) Kinh SN 1.41: <https://suttacentral.net/sn1.41/en/sujato>
- (18) Kinh SN 2.26. <https://suttacentral.net/sn2.26/en/sujato>
- (19) Kinh SN 4.19. <https://suttacentral.net/sn4.19/en/sujato>
- (20) Kinh SN 8.4. <https://suttacentral.net/sn8.4/en/sujato>
- (21) Kinh SN 22.80. Bản Sujato: <https://suttacentral.net/sn22.80/en/sujato>
Bản Bodhi: <https://suttacentral.net/sn22.80/en/bodhi>
Bản MOW: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/sn/sn22/sn22.080.wlsh.html>
Bản Thanissaro: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/sn/sn22/sn22.080.than.html>
- (22) Bản đối chiếu: http://www.leighb.com/dn11_85.htm
- (23) Kinh SN 40.9 - <https://suttacentral.net/sn40.9/en/sujato>
- (24) Kinh AN 6.13 - <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/an/an06/an06.013.than.html>
- (25) Kinh 41.7. Bản Sujato: <https://suttacentral.net/sn41.7/en/sujato> - Bản Bodhi: <https://tinyurl.com/ybwlaqxv>
- (26) Kinh AN 10.2 - <https://suttacentral.net/an10.2/en/bodhi>
- (27) Thag 8.1 - <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/kn/thag/thag.08.01.bodh.html>

thơ PHÁP HOAN



MẮT NGỦ

*Thơ không đến với tôi tới hôm nay
thơ ngủ say như người hành khách bên
kia tiệm cầm đồ
thơ bay đi cùng những chiếc lá khô
thơ sáng lên trong vũng lầy trên phố
Thơ thoáng hiện ra ở trên khung cửa sổ
khi ánh đèn một chiếc xe tải lướt qua
và như khói thuốc, thơ tan ra
trên môi của gã đàn ông cuối phố.*

(Mẹ kể trong vườn nhà tôi có một trái bom chưa nổ, vùi sâu dưới lớp đất đá mấy chục năm qua, không ai biết địa điểm chính xác của nó. Với mẹ, trái bom theo thời gian đã trở thành một phần của khu vườn, một phần ký ức của mẹ.)

MẸ TÔI KỂ

*Mẹ tôi kể
khi có cây thối xao động trong vườn
khi con chim ngủ yên trong tổ âm.
Mẹ kể về những trái bom
đội lên những mái nhà
như táo mùa thu chín rụng.
Mẹ kể về những người lính
nằm chết trên cánh đồng
mạ non mọc ra từ cỏ họg.
Mẹ kể về những dòng sông
về đất nước thời tuổi thơ của mẹ
nơi những ký ức vẫn âm thầm ngủ
như trái bom ngủ quên trong vườn
môi đêm nằm trên giường
tôi luôn nghe thấy tiếng đập của nó
sâu trong lòng đất đá
bốn mươi bảy năm qua
trong khu vườn những giấc mơ của mẹ.*

BỨC CHÂN DUNG CUỘC ĐỜI

*Tôi nhìn vào khuôn mặt anh bằng chính đôi mắt của anh
Tôi thấy những ký ức màu xanh
Chảy ra từ khoé mắt
Tôi thấy chân trời sự thật
Lấp lánh giữa làn môi
Khi anh thầm gọi tên tôi trong bóng tối*

*Màu sắc đã đánh mất quyền lực thẩm sâu nhất của mình
Lịch sử khuôn mặt vừa trải qua một trăm năm bi thảm
Giác mộng đang mở tiệc tung bừng
Trên chòm râu phát sáng
Sau những biến chứng của thời gian*

*Cả gian phòng ngập trong dòng ánh sáng mơ màng
Như bên trong ngôi đại giáo đường trước giờ thánh lễ
Khi những người xem tranh thận trọng trở về với bản thân
Trong những bức chân dung của chính cuộc đời họ*

*Khuôn mặt anh chìm dần vào bóng tối
Cho đến khi chỉ còn lại đôi mắt xanh thăm buồn
Đang lặng lẽ nhìn tôi
Trong khoảnh khắc hai linh hồn đối mặt*

*Bất chợt tôi nhìn thấy đường bay của loài hải âu đen trước bão
Và tôi nghe thấy tiếng từng cơn gió đang thét gào trên sóng
Và tôi nhìn thấy cánh bướm nổi đầu khô đời tôi
Đang đi vào đại dương của mắt anh – không bờ bến...*

Germany, 2012. Từ Lịch mùa, Ajarpress, 2016

(Cảm hứng từ bức Chân dung tự họa (1889) của Vincent van Gogh, trong một lần xem tranh tại bảo tàng Wallraf-Richartz, Köln, 2012)

Ngôi chùa không tên

TN ĐIỀU PHỨC

Ngôi chùa nhỏ, nằm khiêm tốn lẫn khuất giữa màu xanh cây lá. Mái ngói, có lẽ trải qua bao ngày mưa nắng nên đã chuyển dần sang màu xám đen. Phía sau chùa là con sông đầy phù sa, êm đềm trôi như cuộc sống bình dị của người dân quê tôi.

Xa quê hương năm lên tám, tôi cố nhớ nhưng dường như chùa quê tôi không có tên. Đây là ngôi chùa duy nhất trong làng thuộc thôn Xuân Phong. Đối với mọi người thì chùa là nơi linh thiêng và có ý nghĩa quan trọng nhất, cũng là nơi tập hợp những con người đến với nhau bằng sự chân thành, đồng cảm. Má tôi thường dặn: "Mỗi khi đi ngang qua chùa hay những chỗ thờ phượng con nhớ cúi đầu" - điều này đã thành thói quen không thể thiếu trong tôi.

Ký ức tuổi thơ tôi về ngôi chùa thân yêu là pho tượng đức Phật Bốn Sư trên bệ thờ. Ngài có nụ cười, ánh mắt thật bao dung. Tiếng chuông mõ và lời kinh rì rầm của người lớn làm tôi vui tai. Những ngày rằm, mồng một được theo má đến chùa lạy Phật là niềm hân hoan nhất của tôi. Má thường mặc chiếc áo dài màu khôi hương đơn sơ, còn tôi thì được má "diện" cho những bộ đồ đẹp nhất. Chân tung tăng nắm tay má đến chùa. Mấy bụi hoa mắc cỡ ven đường lên chùa luôn là sự say mê hấp dẫn, tôi thích nhìn những cành lá khép lại mỗi khi đưa chân chạm vào còn những bông hoa thì vẫn ngạo nghễ nở xoe tròn.

Chùa quê tôi không có thầy. Vào những dịp lễ lớn như Phật đản, Vu lan... mới có một thầy trên tinh về làm lễ và thuyết pháp. Tôi thấy mọi người đều xuýt xoa, chí thành, quý kính thấy như một vị Phật sống. Mọi người cúi đầu lắng nghe từng lời dạy của thầy, như những hạt mầm dưới đất đón trận mưa rào.

*"Quê tôi có gió bốn mùa
Cỏ trắng giữa thảng cỏ chùa quanh năm"*

Có chùa tất nhiên là có thờ Phật. Nghĩ cũng ngộ, ở đâu chẳng có gió? Nơi nào lại chẳng có trắng? Mà có chùa quanh năm thì chẳng khác gì chùa luôn hiển hiện, Phật luôn hiện hữu bên ta? Vậy thì, chỉ khi nào chúng ta không cần gió, không cần trắng thì sẽ không cần chùa. Chúng ta có thể sống trong gió, trong trắng, trong đại bi tâm bao la như bầu trời của chư Phật, nhưng vì mãi ngược xuôi lo đời cơm áo, sống theo vội vã quay cuồng, nên không còn

cảm nhận ra sự cần thiết tưởng như đơn giản của chất thiêng liêng này.

"Mai này tôi bỏ quê tôi

Bỏ trắng, bỏ gió, chao ôi bỏ chùa!"

Phải chăng đây là xúc cảm ngậm ngùi nhất của kẻ xa quê? Khi chiến tranh chấm dứt tôi theo má về thăm quê cũ, chùa xưa. Ngôi chùa thân yêu của tôi không còn nữa, những gì còn lại chỉ là sân gạch đầy rêu, cỏ dại mọc um tùm. Nhà dân cất lẩn xung quanh khuôn viên chùa. Tôi đứng lặng người - nỗi đau trước sự đổ nát trào dâng.

Tôi trở về phổ mang theo sự trần trở không nguôi. Chúng tôi đã vận động bà con, bạn bè... ai cũng hoan hỷ đóng góp trùng tu lại ngôi chùa nhỏ duy nhất của thôn Xuân Phong. Nhưng rồi duyên không đủ, ước nguyện không thành. Hoài bão của chúng tôi không thực hiện được bởi những con người cho rằng đức tin là điều "xa xỉ."

Niềm đau tục để luôn trĩu dây mỗi khi tôi nhớ đến ngôi chùa "không tên" thời trẻ dại. Đối với tôi, ngôi chùa như bức tranh thủy mặc không sắc màu đã in sâu trong tâm tưởng, thật khó nhạt phai trong cõi vô thường. Tôi phải tự nhủ lòng: nơi đâu có chùa thì nơi đó chính là quê hương.

Xuân Phong ơi! Tôi vẫn ước mong có một ngày trở lại, sẽ được nhìn thấy có một ngôi chùa nhỏ bên dòng sông hiền hòa; được nhìn lại những bàn tay thô sạm nắng chắp lại kính thành trước đấng Từ Tôn.

Cánh diều tuổi thơ tôi đã bị đứt vào buổi chiều gió lớn, khi mãi mê nô đùa cùng chúng bạn nơi bãi cát sau sân chùa, lẽ nào tôi không nổi lại được để cho cánh diều ước mơ mãi bay xa...



KHÔNG PHẢI LỖI THẦY THUỐC

Thuở xưa có một thanh niên
Ôm đau, bệnh nặng, triền miên thánng ngày
Dù thầy giỏi, dù thuốc hay
Bệnh không thuyên giảm. Bó tay chịu rồi!
Chàng ta than vãn, kêu trời
Trần trề thất vọng, rồi bời khổ đau!
May thay độ ít lâu sau
Có ông thầy thuốc bạc đầu, trắng râu
Chât chông kinh nghiệm từ lâu
Ghé qua thăm bệnh, gât đầu phán ngay:
"Bệnh này trầm trọng lắm thay
Tuy nhiên cũng có thuốc hay chữa lành
Thịt chim trĩ kiếm cho nhanh
Mang về làm thuốc, nấu thành món ă
Thuốc này tìm thật khó khăn
Nhưng mà bảo đảm bệnh nhân sẽ lành
Muôn lo mạng sống của mình
Uống cho dứt hẳn bệnh tình triền miên
Nghe lời ta dặn chớ quên!"
Rồi thầy về chôn non tiên xa vời.



Anh chàng vội vã nhờ người
Kiếm mua chim trĩ khắp nơi xa gần
Thịt chim thật tốt vô ngần
Ăn vào bệnh giảm nhiều phần. Mừng thay!
Lòng chàng sung sướng dâng đầy
Hết lời ca tụng ông thầy là tiên.
Bệnh tình nào đã dứt liền
Thế mà chàng đã vội quên lời thầy
Một con ăn hết, ngưng ngay
Bệnh kia trở lại như ngày xưa thôi!
Chàng bèn oán trách nặng lời:
"Thầy thời không giỏi! Thuốc thời chẳng hay!"
Ông thầy bỗng có một ngày
Ghé thăm trở lại, mặt đầy ngạc nhiên
Nghe chàng kể lễ than phiền
Lời thầy chẳng đúng. Mất tiền. Tật mang,
Ôn tồn thầy mới phán rằng
Nguyên do chỉ tại lỗi chàng chứ ai:

"Trách thầy, trách thuốc là sai
Bệnh mình đã nặng thuốc thời lại ngưng
An nhiều chim trĩ mới xong
Một con nào đủ. Sao mong bệnh lành!"
Anh chàng nghe rõ ngọn ngành
Giận mình mê muội! Trách mình ngu si!

Người ta nào có khác chi!
Từ lâu Đức Phật từ dạy rồi
Chúng sanh nhiều kiếp, nhiều đời
Trăm luân cõi khổ, nổi trôi bể sâu
Phật bày phương pháp nhiệm mầu
Thoát vòng sanh tử. Ai đâu nghe lời
Tu hành biếng nhác mãi thôi
Cho nên vẫn bị luân hồi tử sanh,
Rồi than Phật chẳng độ mình
Trách luôn Phật Pháp chẳng linh, chẳng mầu!

thơ

TÂM MINH NGÔ TẦNG GIAO

(thi hóa phỏng theo Truyện Cổ Phật Giáo)

Điều đáng lo nhất

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

Hoàng Thái Hậu của vua Ba Tư Nặc mất, y tục lệ cổ truyền của xứ Ấn Độ, nhà vua và quần thần lo cử hành lễ an táng rất long trọng. Sau khi công việc xong xuôi, nhà vua cùng hoàng tộc mang cả áo vải sô gai, đi chân đến nước Xá Vệ nơi tịnh xá Kỳ Hoàn đánh lễ Đức Phật.

Lấy làm lạ Đức Phật bảo vua Ba Tư Nặc ngồi rồi hỏi rằng:

- Hôm nay sao Đại vương mặc y phục như vậy?

- Kính bạch Đức Phật Thế Tôn! Mẹ con năm nay tuổi ngoài chín mươi, bà vừa mới mất sau một cơn bệnh nặng. Con an táng xong lòng cảm thấy buồn bởi thân thuộc biệt ly, nên đến đây chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn, may đâu nhờ Ngài để vơi được đôi phần đau xót.

- Nay Đại Vương! Từ xưa đến nay điều đáng lo nhất cho nhân loại: "Sống thì thiếu thốn, già thì héo khô, bệnh thì đau đớn, và chết thì biệt ly..." Bốn thứ ấy không bao giờ hẹn với người cả.

- Bạch Thế Tôn! Thế thì bấy lâu nay con quá mê lầm: Buồn những điều không đáng buồn... nhất là lo những điều không đáng lo!...

Vua Ba Tư Nặc vừa dứt lời, thì Đức Thế Tôn dạy:

- Đại vương này! Vạn vật vô thường chuyển biến, di dịch không đứng yên: Sự sống của con người cũng y như vậy, chả khác gì nước sông xuôi dòng chảy suốt ngày đêm. Đại vương hãy chú ý nghe, tất cả các ý ấy ta sẽ tóm tắt trong bài kệ sau đây:

"Như nước chảy xuôi dòng,

Chẳng bao giờ trở lại.

*Mạng người cũng như vậy,
Không khác một mảy may."*

Im lặng một hồi lâu để cho vua Ba Tư Nặc được thấm nhuần chân lý ấy rồi Đức Phật lại tiếp thêm:

- Nay đại vương! Đời người ai cũng già, cũng bệnh, cũng chết, chứ không ai là kẻ trường sanh, thoát ly ngoài định luật ấy, dù là vua chúa. Vậy nhà vua buồn rầu một cách vô nghĩa trước cái chết thì chỉ hao tổn xác thân và tinh thần mềm yếu mà thôi. Là người con hiếu thảo, Đại vương làm tất cả phước thiện như: bố thí, trì giới, nhẫn nhục... để hồi hướng công đức ấy cho người quá cố. Nếu làm được như vậy thì không

những ảnh hưởng đến người chết, mà hiện tại người còn sẽ được nhiều phước lạc và tương lai sẽ đi lần đến nơi giải thoát.

Những lời Phật dạy làm cho bao nhiêu sầu muộn của Ba Tư Nặc và Hoàng Hậu tiêu tan và những niềm hoan hỷ hiện bày trên nét mặt.

Trên đường về vua Ba Tư Nặc nói với mọi người:

- Hôm nay chúng ta mới bắt đầu thấy được dấu Đạo. Ta hy vọng có thể làm cho Mẫu hậu ta được siêu thoát ly được bốn điều đáng lo nhất của nhân loại mà Đức Phật đã dạy nếu thật hành theo Ngài.

Tuyên Minh

"Không có vật gì thường trụ, vật gì cũng biến đổi, người ta không thể tắm hai lần trong một dòng nước, vì từ giây phút này đến giây phút khác, dòng nước ấy không còn y như cũ, nó đã biến đổi và trở thành dòng nước khác."



VÀI CỨ LIỆU VỀ NGUỒN GỐC PĀLI TRONG KHO TÀNG TIẾNG VIỆT

Chúc Phú

Tiếng Việt là một thể loại ngôn ngữ được định hình cùng với lịch sử dân tộc Việt Nam. Trong quá trình phát triển, Tiếng Việt đã kế thừa và tiếp nhận nhiều cơ sở ngôn ngữ của các quốc gia có liên hệ về giao thương, tín ngưỡng, văn hóa...

Nói rõ hơn, có nhiều cứ liệu cho thấy trong kho tàng Tiếng Việt nói chung chứa đựng nhiều yếu tố ngôn ngữ đặc thù, do bị ảnh hưởng hoặc vay mượn các thành tố ngôn ngữ khác nhau trên thế giới. Điều này, các nhà nghiên cứu chuyên ngành về ngôn ngữ học đã chứng minh với những bằng chứng khoa học, xác đáng.

Từ những liên hệ mang tính gợi mở đó, chúng tôi rất ngạc nhiên vì trong khi nghiên cứu, đối khảo kinh điển Phật giáo từ Pāli và Hán tạng, đã phát hiện nhiều trường hợp tương đồng giữa ngôn ngữ Pāli và tiếng Việt. Do chưa đủ thẩm quyền về ngành ngôn ngữ học (*linguistics*), nên chúng tôi chỉ xem khảo cứu này như là một đề xuất mang tính gợi mở, về những tương hợp lạ lùng giữa Tiếng Việt và ngôn ngữ Pāli.

1. Cơ sở làm tiền đề từ các mối liên hệ giao thương, tín ngưỡng...

Do vị trí địa lý vừa thuận lợi về đường biển và cả đường bộ, nên trong lịch sử ở nhiều thời kỳ, Việt Nam từng là điểm dừng chân của nhiều đoàn thương buôn trên biển, và là nơi tiếp đón nhiều bậc danh Tăng thạc đức đến từ các nước Phật giáo phương Nam [1]. Chỉ xét riêng hành trạng của một vài bậc cao tăng đã cho thấy điều đó.

Trước hết, theo *Cao Tăng truyện*, quyển thứ nhất. Ngài Khương Tăng Hội (康僧會) là dân nước Khang Cư (康居), sau đó vì công việc buôn bán nên cha mẹ ngài chuyển đến sống ở Giao Chỉ (交趾). Khương Tăng Hội trưởng thành ở Giao Chỉ từ bé, vì khi mười tuổi cha mẹ ngài đã qua đời. Sau khi mất tang song thân, ông xuất gia, tinh tấn tu học và đã *minh giải tam tạng, tỏ tường sáu kinh* (明解三藏. 博覽六經). Vào niên hiệu Xích Ô (赤烏) năm thứ mười (247) ông đến Kiến Nghiệp và giáo hóa Ngô Tôn Quyền quy y Tam Bảo. Ngài viên tịch vào niên hiệu Thái Khang nguyên niên (太康元年: 280)[2]. Tác phẩm còn lại của Khương

Tăng Hội gồm bảy bộ kinh, gồm hai mươi quyển. Trường hợp của ngài Khương Tăng Hội đã góp phần cho thấy, Phật pháp phát triển ở Giao Chỉ rất sớm và từ đó đã truyền sang Đông Ngô[3].

Thứ hai, ngài Đàm-ma-da-sá (曇摩耶舍) có một vị đệ tử tên là Pháp Độ (法度). Sau khi sư phụ Đàm-ma-da-sá trở về cố quốc, ngài Pháp Độ tận hành theo pháp Nam truyền. Cụ thể, tôn giả chủ trương *chuyên học tập Tiểu thừa, cấm đọc kinh Phương đẳng* [4], *chỉ lay ngài Thích-ca, không lay mười phương Phật*. (專學小乘禁讀方等. 唯禮釋迦. 無十方佛). Trong số những vị đệ tử theo tuân hành theo ngài Pháp Độ có ni cô pháp danh là Phổ Minh (普明尼), vốn là con gái của Thứ sử Giao Châu (交州刺史) tên là Trương Mục (張牧)[5].

Theo *Nam Tề Thư* (南齊書)[6], quyển thứ 58, Thứ sử Giao Châu Trương Mục (交州刺史張牧) mất vào năm đầu niên hiệu Thái Thủy (泰始), tức năm 465 của triều Lưu Tống Minh Đế (劉宋明帝: 439-472).

Thứ ba, đất Giao Chỉ từng là nơi xuất hiện nhiều bậc cao tăng như Thích Đàm Hoảng (釋曇弘)[7] chuyên tâm trì tụng kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ. Vào niên hiệu Hiếu Kiến (孝建) năm thứ hai (455) ngài đã tự thiêu ở chùa Tiên Sơn (仙山寺) thuộc quận Giao Chỉ (交趾). Các ngài như Thích Tuệ Thắng (釋慧勝)[8], Thích Đạo Thiên (釋道禪)[9] vốn là người Giao Chỉ và cùng tu ở chùa Tiên Châu Sơn (仙洲山寺). Đặc biệt, vào thời Nam Tề (南齊: 479-502), có Thái Nguyên Vương Diễm (太原王琰)[10], là tác giả của tác phẩm *Minh Tường Ký* (冥祥記) [11] nổi tiếng còn lưu lại đến ngày nay. Đáng chú ý là khi còn bé (年在幼稚), Vương Diễm từng thọ năm giới với một pháp sư của Giao Chỉ tên là Hiền (於交趾賢法師所受五戒) vào niên hiệu Kiến Nguyên năm đầu (建元初: 479) [12].



Thứ tư, dân tộc Việt vốn dĩ có một nếp sống thuần thiện, ôn hòa, dễ dàng chấp nhận và nâng đỡ những dân tộc lân bang vì những lý do khác nhau mà cùng chung sống. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển bảy, thời vua Trần Hiến Tông (1319-1341) có một xóm người Chiêm Thành gần kinh đô, gọi là thôn Bà -già. Sử ghi:

Thôn này hồi Lý Thánh Tông đánh chiếm Chiêm Thành, bắt được người Chiêm cho ở đây, lấy tiếng Chiêm đặt tên là Đa Gia Ly, sau gọi sai thành "Bà Già" [13].

Cũng theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển bảy, Trần Nhật Duật (1255-1330) thường cỡi voi sang chơi với xóm người Chiêm này vì ông giỏi nhiều ngôn ngữ trong đó có tiếng Chiêm.

Có thể nói, ngay từ thời nhà Trần, đã có những dấu ấn của ngôn ngữ Chiêm Thành trong kho tàng ngôn ngữ tiếng Việt.

Thứ năm, thực tế lịch sử ghi nhận rằng, dải đất khu vực miền Trung đã từng tồn tại nhiều đô thị cổ mà sớm nhất là nhà nước Lâm Ấp được thành lập vào năm 192 [14]. Đặc thù của nhà nước này mang ảnh hưởng của nền văn minh Ấn Độ và Phật giáo. Nhiều bằng chứng lịch sử hiện còn đăchứng tỏ điều này. Các dấu tích còn lại của vương quốc cổ này như Thành Lỗi ở Huế, những di chỉ ở làng Trà Kiệu, Phật viện Đồng Dương ở Quảng Nam, di tích thành Đồ Bàn ở Bình Định. Khảo cứu lịch sử cho thấy, thành Đồ Bàn đã chấm dứt vai trò lịch sử của mình vào năm 1471 [15].

Gần mười ba thế kỷ tồn tại, với ảnh hưởng văn hóa chủ đạo là Ấn giáo và Phật giáo, nước Lâm Ấp, Chiêm Thành hay Chăm-pa, đã có những đóng góp đáng kể về nhiều lãnh vực cho các thế hệ mai sau của dân tộc Việt Nam. Theo chúng tôi, một trong những đóng góp phi vật thể, chính là những dấu ấn của ngôn ngữ Pāli trong kho tàng Tiếng Việt.

Thứ sáu, dịch giả người Pháp G. Jeanneau, đã dịch nhiều tác phẩm thơ ca nổi tiếng của Việt Nam như *Lục Vân Tiên, Tấm Cám...* từ chữ Nôm ra chữ quốc ngữ, đã có những phát biểu quan trọng về cội nguồn của Tiếng Việt. Chúng tôi xin dẫn lại quan điểm của ông trích từ tác phẩm *Chữ văn quốc ngữ* của Nguyễn Văn Trung:

Janneau, người đầu tiên dịch "Lục Vân Tiên" bản Nôm ra chữ Quốc ngữ cho rằng tiếng Việt gần gũi với tiếng của các dân tộc Aryan; tuy Janneau không phủ nhận tiếng Việt liên

hệ với chữ nho, nhưng trong hai bài khảo cứu liên tiếp về nguồn gốc tiếng Việt, Janneau có tìm ra những yếu tố chứng minh tiếng Việt bắt nguồn từ những tiếng Aryan [16].

Các nhà ngôn ngữ học đã chứng minh, một trong những ngôn ngữ của các dân tộc Aryan chính là Pāli. Theo giáo sư Hirakawa Akira thì Pāli là một phương ngữ cổ có xuất xứ từ Vidisā hay Bhilsa thuộc khu vực Tây nam Trung Ấn [17]. Vidisā hiện nay là một thành phố thuộc bang Madhya Pradesh, thuộc Trung Ấn Độ.

Như vậy, vào năm 247, Phật giáo từ Việt Nam đã truyền sang Trung Hoa ở thời Đông Ngô; sự kiện Vương Diễm (王琰) thời Nam Tề thọ ngũ giới vào năm 497 với pháp sư Hiền ở Giao Chỉ; trường hợp con gái của Thứ sử Giao Châu là ni cô Phổ Minh (普明尼), xuất gia và tuân hành theo Phật giáo Nam truyền; đặc biệt, ở triều nhà Trần đã xuất hiện một xóm nhỏ Chiêm Thành cùng sinh sống gần kinh đô... đã cung cấp những bằng chứng xác thực cho thấy, vào khoảng mười thế kỷ đầu công nguyên, Phật giáo Việt Nam đã có một nền tảng vững chãi mà nguồn cội của nó được tiếp nhận từ các nước Phật giáo phương Nam.

Từ những tiền đề như đã nêu, đã tạo nên những ảnh hưởng đa chiều về nhiều lãnh vực văn hóa xã hội và một trong số chúng, chính là những dấu ấn đặc thù về ngôn ngữ Phật giáo Nam truyền mà ở đây là ngôn ngữ Pāli, đã từng bước xuất hiện trong kho tàng dụng ngữ Tiếng Việt.

2. Những từ Tiếng Việt có nguồn cội hoặc phát âm tương đồng với ngôn ngữ Pāli.

Tiếng nói và chữ viết là hai thành tố quan trọng của ngôn ngữ. Trong ngôn ngữ Pāli, nói đến cách phát âm (*Pronunciation*) chính là đề cập đến phương diện tiếng nói của ngôn ngữ này.

Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi xin được thống nhất cách viết tắt về ba bộ tự điển được sử dụng trong đối khảo như sau:

Từ điển Pāli - English của Pāli Text Society, phiên bản điện tử năm 1999, viết tắt là PTS [18].

Việt Nam Từ điển của Lê Văn Đức, 1970, viết tắt là VNTD [19].

Từ điển Tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học, 2003, viết tắt là TĐTV [20].

Trong chuyên khảo này, chúng tôi lần lượt giới thiệu một số tương đồng giữa Tiếng Việt và ngôn ngữ Pāli tuân theo thứ tự của bảng chữ cái Tiếng Việt, theo ba bộ tự điển nêu trên và cả số trang liên quan.

1. **ÁP**: (động từ) làm cho bề mặt của một vật sát bề mặt của một vật khác (TĐTV, tr. 9). Pāli: **API**: (căn ngữ **ap**), trên bề mặt của một vật (onto), gần (close by-PTS, p. 135).



2. **BA LÁP** (khẩu ngữ), không đứng đắn, không có nghĩa lý gì (TĐTV, tr. 22). Pāli: **PALĀPA** (động từ), nói chuyện bá láp, tầm phào, phù phiếm (chaff, as frivolous talk - PTS, p. 1003.)

3. **BÁT** (danh từ), đồ dùng có dạng bán cầu để đựng cơm, canh, nước uống (TĐTV, tr.42). Pāli: **PATTA** (nam tính và trung tính) cái bát, bình bát của một vị Tỳ-kheo (a bowl, the alms-bowl of a bhikkhu - PTS, p.927).

4. **BẮC** (động từ) đặt vào vị trí để sử dụng. *Bắc nồi lên bếp* [21] (TĐTV, tr.43). Pāli: **PACATI** (động từ) nấu, đun sôi, nướng (to cook, boil, roast - PTS, p. 871).

5. **BỂ** (trạng từ) vỡ (TĐTV, tr.57). **BHEDA** (động từ, căn ngữ **bhid**) bể, xé nát, bất hòa, sự chia rẽ (breaking, rending, breach, disunion - PTS, p. 1154).

6. **BỒ**: (danh từ) bạn thân (TĐVN, tr,123). Pāli: **BHO**: (bất biến từ) ngài, bạn thân, bạn, người thương (sir, friend, you, my dear - PTS, p. 1155).

7. **BÚP**: (danh từ) chồi non của cây. Nu hoa sắp hé nở (TĐTV, tr.92). Pāli: **PUPPHA** (trung tính, căn ngữ **puṣ**) một bông hoa (a flower- PTS, p. 1063).

8. **BỤT** (danh từ) Phật, theo cách gọi dân gian, (TĐTV, tr.92). Pāli: **BUJJHATI** (danh từ, căn ngữ **budh**), thức tỉnh, hiểu biết, nhận hiểu (to be awake, to know, recognise, - PTS, p. 1110-1111).

9. **CAM** (động từ), làm cho rung động trong lòng khi tiếp xúc với việc gì, có cảm tình và như chớm yêu (nói về quan hệ nam nữ) (TĐTV, tr.106). Pāli: **KĀMETI** (động từ, phát xuất từ **kāma**), khao khát, thèm khát (to desire, to crave - PTS, p. 487).

10. **CAP** (động từ) cắn dần từ ngoài vào, gặm (TĐTV, tr. 115). Pāli: **CAPPETI**, (căn ngữ **cabb =adana = đang ăn**), nhai (to chew - PTS, p. 606).

11. **CẶP** (động từ, khẩu ngữ), đi đôi, quan hệ với nhau thành một đôi. Pāli: **KAPPETI** (căn ngữ **kappa**), có quan hệ tính giao (to have (sexual) intercourse - PTS, p. 452).

12. **CẮT** (động từ) làm đứt bằng vật sắc (TĐTV, tr. 120. Pāli: **KARATI** (động từ, căn ngữ **kar**), cắt (cut - PTS, p. 467)

13. **CHÁI**: (danh từ) gian nhỏ lợp một mái tiếp vào đầu hồi, theo lối kiến trúc dân gian (TĐVN, tr,131). nhà phụ, liền vách với nhà chính (VNTĐ, tr.256). Pāli: **CHADA**: (Danh từ, căn ngữ **chad**) bất cứ thứ gì che phủ, bảo vệ, hay che chở, một miếng che, một mái hiên (anything that covers, protects or hides, viz. a cover, an awning cover - PTS, p. 632)

14. **CHẼ**: (động từ) tách theo chiều dọc thành từng mảnh, từng thanh (TĐTV, tr.146. Pāli: **CHEDA**: (Căn ngữ **chid**), nghĩa là chặt đứt, phá hủy, hao tổn (cutting, destruction, loss - PTS, p. 109).

15. **CUỐM** (động từ, thông tục) chiếm lấy và mang đi mất một cách nhanh chóng (TĐTV, tr, 225). Pāli: **CORA** (động từ, căn ngữ **cur**), tên trộm, kẻ cướp (a thief, a robber - PTS, p. 629).

16. **ĐỈ**: (danh từ) người phụ nữ làm nghề mai dâm (hàm ý khinh); (khẩu ngữ) lẳng lơ (TĐTV, tr.313). Pāli: **DHI**: một thán từ trách móc và ghê tởm: nhục nhã, tủi thẹn, khốn khổ (an exclamation of reproach & disgust: fie! shame!woe - PTS, p.776).

17. **ĐANH ĐÁ** (tính từ - người phụ nữ) không chịu nhin ai, sẵn sàng có những lời nói, cử chỉ quá quắt, gây cảm giác khó chịu (TĐTV, tr. 285). Pāli: **DANDHA** (tính từ) chậm lụt, khó dạy, cứng đầu, ngớ ngẩn, ngu ngốc (slow; slothful, indocile; silly, stupid - PTS, p. 719).

18. **ĐONG**: (động từ) đo thể tích chất lỏng hoặc chất rời (TĐTV, tr, 331). Pāli: **DONO**: (trung tính) thường dùng để đo sức chứa (usually as measure of capacity- PTS, p. 754).

19. **ĐỪ**: (động từ - lóng), tiếng chửi thề (TĐVN, tr. 494). Pāli: **DU** (bất biến từ), một âm tiết của thán từ **duh**, mang nghĩa xấu xa, khốn kiếp (syllable of exclamation (=duh) "bad, woe" (beginning the word du (j)-jīvitāṇ) - PTS, p. 740).

20. **GIÀ** (tính từ) ở vào tuổi có những hiện tượng sinh lý suy yếu dần, trong giai đoạn cuối của quá trình sống tự nhiên (TĐTV, tr, 383). Pāli: **JARA** (tính từ), già yếu, suy nhược (old, decayed - PTS, p.643).

21. **KHĂN** (động từ) khai phá đất hoang (TĐTV, tr, 495). Pāli: **KHANA**: (động từ, căn ngữ **kan**), đào bới (digging - PTS, p. 539).

22. **KHĂN** (tính từ) có tính chất cần kíp, không thể trì hoãn (TĐTV, tr.495). Pāli: **KHANA** (nam tính), một khoảnh khắc, một cái chớp mắt, trong cụm từ **khānen'eva** thì có nghĩa **không có thời gian**(moment, wink of time; in phrase khānen'eva "in no time" - PTS, p. 539)

23. **KHAM** (động từ) chịu được cái nặng nề so với sức lực của mình (TĐTV, tr, 491). Pāli: **KHAMA**(tính từ) nhẫn nại, khoan thứ, sự chịu đựng bền bỉ (patient, forgiving, enduring, bearing - PTS, p.545).

24. **KÍN** (tính từ) ở trạng thái giữa trong và ngoài được ngăn cách làm cho không có gì

lọt qua (TĐTV, tr. 528). Pāli: **KINNA** (quá khứ phân từ của **kirati**) được che phủ (covered – PTS, p. 502)

25. **KÍP** (tính từ) gấp đến mức phải làm ngay, không thể chậm trễ (TĐTV, tr.531). Pāli: **KHIPPA** (tính từ), nhanh, trong nghĩa văn về về cách quảng ném; mang tính so sánh nhanh như tên bắn (quick, literary, in the way of throwing, compare, "like a shot" – PTS, p.551).

26. **LẤP BẤP** (động từ) Miệng mấp máy phát ra những tiếng rời rạc và lấp lại, không nên lời, nền câu (TĐTV, tr.551). Pāli: **LAPATI**, (động từ, căn ngữ **lap**) nói làm nhảm, lảm bảm (prattle, mutter – PTS, p.1302).

27. **LÈN** (danh từ) núi đá có vách cao dựng đứng (TĐTV, tr.559). Pāli: **LENA** (trung tính), một cái hang (trong khối đá), một cái hang động (a cave "in a rock", a mountain cave – PTS, p. 1314).

28. **LÌ** (tính từ) ở trong một trạng thái cứ thế không thay đổi, bất chấp mọi tác động bên ngoài (TĐTV, tr.565). Pāli: **LĪNA**: bám chắc vào, gẫn bó, chậm chạp, đần độn (clinging, sticking, slow, dull – PTS, p. 1310).

29. **MA** (danh từ,) người đã chết (TĐTV, tr. 603). Pāli: **MARA** (tính từ, căn ngữ **mṛ**) sự chết (dying – PTS, p. 1185).

30. **MA:** (danh từ - phương ngữ), mẹ (TĐTV, tr. 605). Pāli: **MĀTAR** (danh từ giống cái), mẹ (mother– PTS, p. 1193).

31. **NÁC** (phương ngữ), nước (TĐTV, tr.655). Pāli: **NADĪ** (giống cái, số nhiều), chỉ cho nước (the waters- PTS, p. 786).

32. **NAT** (động từ), quát to cho phải sợ mà nghe theo (TĐTV, tr. 658). Pāli: **NADATI** (động từ, căn ngữ **nad**), gào thét, tạo nên một tiếng động (to roar, make a noise – PTS, p. 786).

33. **NỎ** (phụ từ, phương ngữ) Chẳng. Ví dụ, nó biết: chẳng biết, không biết (TĐTV, tr. 731). Pāli: **NO** (bất biến từ), một cách nhấn mạnh của chữ không (**na**) (a stronger **na** – PTS, p. 860).

34. **PHA** (động từ) trộn lẫn vào nhau theo một tỉ lệ nhất định để tạo thành một hỗn hợp vào đó (TĐTV, tr.760). Pāli: **PHARANA** (động từ, căn ngữ **pharati**), sự xâm nhập, tràn ngập (pervasion, suffusion – PTS, p. 1084)

35. **PHA** (động từ) cắt, xẻ một khối nguyên ra thành từng phần để tiện sử dụng (TĐTV, tr.761). Pāli: **PHALATI** (động từ, căn ngữ **pha**), tách ra, phá vỡ (to split, break open – PTS, p. 1087)

36. **PHẦN (PHẬT)** (tính từ) từ mô phỏng tiếng như tiếng của mảnh vải bay quạt vào không khí trước làn gió mạnh (TĐTV, tr.



773). Pāli: **PHANDATI** (động từ) đập mạnh, xao động (to throb, palpitate – PTS, p.1084)

37. **PHÈN** (danh từ) chất khoáng dưới đất đóng lại như muối hoặc hòa trong nước, vị chua, có nhiều màu sắc (TĐVN, tr.1151).

Pāli: **PHENA** (danh từ) bọt, cặn bã, bọt (scum, foam, froth- PTS, p.1093-1094).

38. **PHÌ:** (tính từ) có nhiều màu mỡ, giàu có (TĐVN, tr.1156). Pāli: **PHĪTA:** sang trọng, thịnh vượng, giàu có (opulent, prosperous, rich – PTS, p.1091)

39. **PHI** (danh từ) thỏa mãn nhu cầu thuộc về tinh thần (TĐTV, tr.778). Pāli: **PĪTI:** (giống cái) cảm xúc vui sướng, niềm hân hoan, vui vẻ, tràn đầy năng lượng (emotion of joy, delight, zest, exuberance – PTS, p.1053).

40. **PHUN** (động từ) làm cho chất lỏng hoặc chất hơi bay ra ngoài thành tia nhỏ qua lỗ hẹp (TĐTV, tr.791). Pāli: **PHUNATI** (động từ, nhỏ (rưới) từng giọt (sprinkle – PTS, p. 1092).

41. **RÁP** (động từ) đặt cho khớp vào nhau (TĐTV, tr.822). Pāli: **RACANA** (giống cái, căn ngữ **rac**), sắp xếp "những đóa hoa thành một tràng hoa" (arrangement "of flowers in a garland – PTS, p.1261).

42. **RỤC** (tính từ), ở trạng thái đang bùng lên, tỏa mạnh ánh sáng hay hơi nóng ra xung quanh (TĐTV, tr.839). Pāli: **RUCI** (giống cái, căn ngữ **ruc**), lộng lẫy, chiếu sáng, độ sáng (splendour, light, brightness – PTS, p. 1283).

43. **SAY** (tính từ), (giấc ngủ) rất sâu, không còn hay biết gì cả (TĐTV, tr.850). Pāli: **SAYANA** (trung tính, căn ngữ **śi**), nằm xuống, ngủ say (lying down, sleeping – PTS, p.1573).

44. **SÚC** (động từ), làm cho sạch bằng cách cho nước vào, và làm cho nước chuyển động mạnh theo đủ cách hướng (TĐTV, tr. 872). Pāli: **SUCI** (tính từ), sự dọn dẹp (clean, PTS, p. 1619).

45. **TÁCH** (động từ) làm cho rời hẳn ra, không còn gắn liền với nhau thành một khối nữa (TĐTV, tr.883). Pāli: **TACCHETI** (động từ, căn ngữ **taccha**) làm đổ mộc, làm mỏng nó ra (to do wood work, chip – PTS, p.674).

46. **THỦ NỊ, hoặc KHU ĐI[22]** (phương ngữ) cái đầu hồi nhà hình tam giác. Pāli: **THUNIRA**, cái đầu hồi của căn nhà (gable – PTS, p. 710).

47. **THU LÙ** (tính từ - khẩu ngữ), từ gợi tả hình khối to lớn như trời hấn lên, đập vào mắt và làm vướng mắt (TĐTV, tr. 959). Pāli: **THŪLA**, kênh cang, to lớn, xấu xí, thô ráp (massive, big, clumsy; rough – PTS, p. 710).

48. **VÁC** (động từ), mang, chuyển (thường



là vật nặng hoặc cồng kền) bằng cách đặt lên vai (TĐTV, tr.1094). Pāli: **VAHA** (động từ, căn ngữ **vah**), khiêng, vác (bringing, carrying – PTS, p. 1357).

49. **VAC** (động từ) làm cho đứt, lìa ra bằng cách đưa nhanh lưỡi sắc theo chiều nghiêng trên bề mặt (TĐTV, tr.1094). Pāli: **VAPATI** (động từ, căn ngữ **vap**) xén, gặt, cắt (shear, mow, to cut – PTS, p. 1346).

50. **VÀI** [23] (danh từ), số ước lượng không nhiều, khoảng hai, ba (TĐTV, tr.1095). Pāli: **DVAYA** (tính từ chỉ số đếm), gấp hai, một đôi, một cặp (two fold, a pair, couple – PTS, p.757).

Có thể nói, còn rất nhiều chữ Pāli có cách phát âm và mang nghĩa tương đồng với Tiếng Việt. Trong lần đầu tiếp cận, chúng tôi xin dừng lại với 50 chữ tiêu biểu nêu trên và sẽ tiếp tục bổ sung khi đủ nhân duyên, điều kiện.

3. Nhận định

Thứ nhất, từ thống kê cho thấy, trong 50 chữ Tiếng Việt đối chiếu với chữ Pāli thì có 44 từ đơn âm tiết, 4 từ láy vần và 2 từ ghép đẳng lập hợp nghĩa. Theo ngành ngôn ngữ học, từ đơn có lịch sử hình thành rất sớm, là những từ cơ bản nhằm biểu thị các khái niệm chủ yếu trong đời sống sinh hoạt của con người. Số lượng phong phú các từ đơn trong bảng đối chiếu nêu trên, đã gián tiếp phản ánh ý nghĩa lịch sử hình thành Tiếng Việt và dấu ấn của ngôn ngữ Pāli.

Thứ hai, trong 50 chữ Pāli được khảo sát ở trên, phần lớn chúng đều có cách phát âm trùng khớp hoặc gần giống với Tiếng Việt ở một số vùng miền về thanh điệu và ý nghĩa. Đặc biệt, theo nghiên cứu công phu của nhóm tác giả bộ từ điển Pāli của PTS, phần lớn những chữ này đều có nguồn gốc từ kinh điển Pāli. Đây là bằng chứng xác thực cho thấy một bộ phận của Tiếng Việt có nguồn gốc từ Phật giáo.

Thứ ba, đa phần những chữ Tiếng Việt được khảo sát ở trên, phần lớn chúng có mặt trong *Từ Điển chữ Nôm* và hẳn hữu xuất hiện trong *Từ Điển Hán-Việt*. Điều này góp phần chứng tỏ rằng, chữ Nôm đôi khi được dùng như là một phương cách sáng tạo chữ

Hán, dùng để phiên âm chữ Pāli. Trường hợp này có thể thấy rõ ở chữ *Khu đi* [24] hay *Thu kỷ* [25] nêu trên mà nhiều học giả nổi tiếng giải thích chưa đầy đủ vì chưa đối khảo ngôn ngữ Pāli.

Thứ tư, ngôn ngữ Pāli được xem như từ ngữ và phần lớn những thư tịch được phát hiện cho đến ngày nay chỉ khu biệt trong việc ghi chép kinh điển Phật giáo (*Pālibhāsā*). Thế nhưng, Tiếng Việt đã tiếp nhận một số thành tố đặc thù của ngôn ngữ này và hiện còn sử dụng. Đây là tín hiệu đáng mừng về sức sống vững bền của một cổ ngữ liên quan đến cội nguồn thư tịch quan trọng của Phật giáo, là ba tạng Nikāya.

Thứ năm, từ những đối khảo ở trên đã mở ra một ước vọng mang tính tham khảo. Đó là, để hiểu thêm về nguồn gốc Tiếng Việt và các thành tố góp phần hình thành nên Tiếng Việt, nên chẳng các chuyên ngành nghiên cứu về ngôn ngữ ở Việt Nam, cụ thể là ngành ngôn ngữ học so sánh (*contrastive linguistics*), cần bổ sung thêm cổ ngữ Pāli như là một môn học bổ trợ. Vì lẽ, việc trang bị đầy đủ cho người học về ngôn ngữ này và quá trình lan tỏa của chúng, không những góp phần nhận ra những giá trị tinh hoa Phật giáo, mà còn hiểu thêm về nguồn cội của dân tộc Việt Nam thông qua phương diện ngôn ngữ.

[1] Ngài Phật-đà-bạt-đà-la (佛馱跋陀羅:359-429) đến Giao Chỉ bằng đường bộ và từ đây đi nhờ thuyền buôn đến Trung Hoa. Xem, 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第二, 佛馱跋陀羅. Ngài Vu-đạo-thúy (于道邃) đến Tây-Vực cầu pháp theo con đường phương Nam, đến Giao Chỉ thì lâm bệnh rồi mất, hưởng dương 31 tuổi. Xem, 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第四, 于道邃

[2] 大正藏第 55 冊 No. 2145 出三藏記集, 卷第十三, 康僧會

[3] 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第一, 康僧會

[4] Kinh *Xuất Diệu* đã định nghĩa về kinh Phương Đẳng: 方等者前略後廣, 無事不包, 故名方等.

Xem tại, 大正藏第 04 冊 No. 0212 出曜經, 卷第六.

[5] 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第一, 曇摩耶舍

[6] Theo, 南齊書, 卷五十八. Bản in vào năm thứ tư niên hiệu Càn Long (1739)

[7] 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第十二, 釋曇弘

[8] 大正藏第 50 冊 No. 2060 續高僧傳, 卷第十六, 釋慧勝

[9] 大正藏第 50 冊 No. 2060 續高僧傳, 卷第二十一, 釋道禪

[10]大正藏第 53 冊 No. 2122 法苑珠林, 卷第十四; 大正藏第 52 冊 No. 2106 集神州三寶感通錄, 卷中

[11]大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第十四

[12]大正藏第 52 冊 No. 2106 集神州三寶感通錄, 卷中

[13] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, NXB. KHXH, Hà Nội, 2004, tr. 127.

[14] Ngô Văn Doanh, *Thành cổ Chăm pa - những dấu ấn của thời gian*, NXB. Thế giới, 2011, tr.33

[15] Ngô Văn Doanh, *Thành cổ Chăm pa - những dấu ấn của thời gian*, NXB. Thế giới, 2011, tr. 186.

[16] Nguyễn Văn Trung, *Chữ văn quốc ngữ thời kỳ đầu Pháp thuộc*. Nam Sơn xuất bản, Sài-gòn, 1974, tr.60.

[17] Hirakawa Akira, *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ - từ Đức Thích Ca đến Đại thừa sơ kỳ*, Thích Nguyên Hiệp dịch, NXB. Văn Nghệ, 2018, tr.112.

[18] Pāli Text Society. *Pāli - English Dictionary*. T W. Rhys Davids Edited. Electronic Edition. 1999.

[19] Lê Văn Đức và Tgk, *Việt Nam Từ Điển*, Lê Ngọc Trụ hiệu đính, NXB. Khai Trí, 1970

[20] Viện ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê chủ biên, NXB. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, 2003.

[21] Ở một số khu vực miền Trung, từ Bắc này cũng mang nghĩa là nấu. Ví dụ, Bắc cơm: nấu cơm.

[22] Theo, Hùinh Tịnh Paulus Của, *Đại Nam quốc âm tự vị*, Saigon: Impremerie Rey, Curriol & Cie , 1895, tr 502 ghi: *Khu dĩ*. Sau đó đã giải thích: *Thu kỹ, ấy là chỗ cùng hai đầu nóc nhà, về phần giao kỹ hay là giao nguyên (tiếng nói trại)*. Trên trang Talawas, đăng ngày 26.2.2004, tác giả Hoàng Hải Văn đã có bài khảo cứu *Khu dĩ và lôn mèo*. Sau khi đối khảo các quan điểm khác nhau và đặc biệt dựa vào tư liệu của Trương Vĩnh Ký, tác giả Hoàng Hải Văn đã đi đến nhận định: *Thì ra, "khu dĩ" vốn là "cu dĩ". Thì ra, cái khoảng trống hình tam giác ấy lại là nơi trắng thanh gió mát, cái nơi mà bấy cu tranh nhau chọn làm nơi lót ổ để rồi lâu ngày bị đục trại tên để biến chuyển thành "khu"!(sic)*.

[23] Theo *Từ điển phương ngữ Huế*, bản lưu hành nội bộ của Trần Ngọc Bảo, 2017, có ghi nhận chữ **vày** mang nghĩa: *nằm, nạm, bó*. Theo chúng tôi, chữ **vày** phát âm gần với chữ **dvaya**

[24] Hùinh Tịnh Paulus Của, *Việt Nam quốc âm tự vị*, 1895, tr. 502. *Xem thêm*, Trương Vĩnh Ký, *Chuyện đời xưa*, truyện 29, Nhà sách Khai Trí, Sài gòn, 1967. tr. 45.

[25] Lê Văn Đức và Tgk, *Việt Nam Từ Điển*, Lê Ngọc Trụ hiệu đính, NXB. Khai Trí, 1970, tr. 1601.

ƠN MẸ

*Mẹ ngồi đó, lật từng trang kinh sách,
Tâm thân gầy vắt và tháng ngày qua,
Từng lời kinh tâm Mẹ thật thiết tha,
Con cảm nhận ngập tràn niềm an lạc.
Cám ơn Mẹ, từ lời ru tiếng hát,
Đưa con thơ vào giấc ngủ thành thơ,
Con lớn lên tât bật giữa chợ đời,
Vẫn vang vọng lời à ơi của mẹ,
Con mãi mê trong mộng mơ trần thế,
Mẹ âu lo sợ lạc lối con về,
Dịu dặt con ra khỏi chốn u mê,
Thức tỉnh con bằng lời kinh tiếng kệ...
Ơn của Mẹ con không làm sao kể,
Tình cho con lan tỏa khắp mười phương,
Lời Mẹ ru theo con vạn nẻo đường,
Công dưỡng dục bao la bằng biển cả.
Vu Lan về hoa hồng cài một đóa,
Hạnh phúc thay con có Mẹ trong đời,
Bước chân con dù rảo bước muôn nơi,
Nhưng không Mẹ là con không tât cả.*

Nam mô Đại hiệu Mục Kiền Liên Bồ tát

thơ

CHÂN THANH MỸ

(Kỷ niệm mùa Hiếu Hạnh
tại Từ Đàm Hải Ngoại – 2018)



ĐỊNH HƯỚNG CUỘC ĐỜI

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Trường học, gia đình, đoàn thể, tổ chức tôn giáo, có mục đích khai mở cho tuổi trẻ và con người có hướng đi sáng đến chỗ lợi lạc hữu ích rồi mới dẫn lên thánh vị.

Khi thuyền đời đã được định hướng thì phải đem hết tâm can ý lực để thực hành hầu thành tựu được mục đích.

Kẻ ý không thành, chí không quyết, lòng không bền thì chẳng bao giờ đạt được chí nguyện. Cuộc sống chỉ là chuỗi ngày phù du vô bổ.

Trong kinh có câu chuyện. Lúc Phật còn tại thế ở vùng thượng lưu sông Hằng xứ Ấn Độ, có một đạo sĩ Bà La Môn thần thông biến hóa khôn lường, tính tình kiêu ngạo. Một hôm Phật và môn đồ của ngài đi qua đó, vốn không ưa và ganh ghét cái uy danh của Đức Phật mà theo ông là không thực có, nên ông đã đón Phật và môn đồ của ngài ngạo nghễ hỏi rằng:

- Tôi nghe danh ngài đã nhiều, nay gặp nhau đây thật là vạn hạnh. Xin ngài cho biết ngài có thể qua lại dòng sông này trên mặt nước được không?

Phật đáp:

- Tôi không đi được. Còn ngài?

- Ta thì có thể du lưu đó đây không ngại.

- Ô thế thì tuyệt quá, ngài có thể cho thầy trò chúng tôi xem thấy để mở rộng tầm mắt không?

Đạo sĩ khoan khoái trả lời:

- Có gì đâu, ta rất sẵn lòng.

Thế rồi đạo sĩ tay cầm chiếc lá miệng đọc lâm râm, không mấy chốc ông đã qua lại nhiều lần. Phật khen ngợi:

- Thật là tuyệt diệu thế gian. Dám hỏi ngài tu luyện môn này bao nhiêu lâu?

- Sơ sơ mới có mười ba năm.

Phật gật gù.

- Giỏi thì có giỏi, nhưng lâu quá!

Đạo sĩ hỏi:

- Thế ông thử luyện xem có mau hơn không?

- Có chứ, ta chỉ tốn mười lăm hai chục phút là cùng! (1 khắc thời gian)

- Lý thuyết ai cũng nói được, thử thực hành xem sao?

Phật gật đầu rồi nói nhỏ với ông Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất tách chúng ra đi. Phật quay qua ngài đạo sĩ trầm ngâm một khắc rồi bảo:

- Ngài hãy xem tôi sắp

thực hành đây. Liền lúc ấy, Xá Lợi Phất và con thuyền cập bến. Phật và môn đồ xuống thuyền. Xá Lợi Phất ra lệnh cho chủ thuyền tách bến rồi cứ thế qua lại trên dòng sông được hai lần.

Khi bước lên bờ, người đạo sĩ đã ân cần đánh lễ Phật và xin xuất gia, làm môn đồ của người.

Bởi cái đích mà ta muốn đến là cõi hằng có vô sanh. Đó là tánh Phật toàn giác. Thần thông, pháp thuật công danh địa vị rồi cũng bỏ lại đời khi nhắm mắt xuôi tay. Nó có nhưng không thật nên gọi là huyền. Theo Phật là bỏ huyền mà tìm chân, là hướng đi của thuyền đời vậy.

(Trích 52 Câu Chuyện Dưới Cờ—
Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)





DẠY VIỆT NGỮ CHO ĐOÀN SINH GDPTVN HẢI NGOẠI

(*Phật Pháp Thứ Năm* — tài liệu tu học của GDPTVN)

Thưa **ACE** Huynh trưởng GDPT,

Vừa rồi NAL nhận được thư góp ý của một phụ huynh về tài liệu Việt ngữ mà một Đơn vị GDPT ở Nam California đã dùng để dạy các em.

Nhận xét của phụ huynh này không sai, và chúng ta thật sự đau xót khi đọc những lời chân tình phê bình của ông.

... *"Tôi rất buồn khi thấy tại sao Phật tử chúng ta không thể ngồi lại với nhau để soạn tài liệu dạy Tiếng Việt cho con em Phật tử được hay sao? Bao nhiêu Đại hội Huynh trưởng đã tổ chức tại Hoa Kỳ và các nước, có khi nào ACE Huynh trưởng thảo luận và đưa ra dự án, hoặc bầu một ban chuyên soạn giáo khoa Tiếng Việt để có tài liệu dạy cho đoàn sinh GDPT hay chưa? Tại sao chúng ta không thể đưa lịch sử và các câu chuyện ngụ ngôn Phật giáo vào tài liệu dạy Tiếng Việt cho đoàn sinh GDPT để các em được thấm nhuần giáo lý...?"*

Nhóm Áo Lam xin được chia sẻ với vị phụ huynh này những khó khăn trong việc soạn hay chọn tài liệu Việt ngữ để dạy cho đoàn sinh phần đông không biết nói và viết tiếng Việt. Không phải là Huynh trưởng không soạn được tài liệu cho các em nhưng GDPT không thống nhất được chương trình Việt ngữ trên toàn quốc hay toàn Hải ngoại mặc dù có Ban Hướng Dẫn các quốc gia và BHD Hải ngoại.

Vì vậy, người Huynh Trưởng khi được phân công dạy Việt ngữ thường tự mình chọn một tài liệu của một Đơn

vị Bạn đã dùng, hay tài liệu của một trường Việt ngữ nào đó mà mình thấy hay. Xin kể những ví dụ mà NAL được biết ở Hoa Kỳ: đã có nhiều tài liệu của các Ban Huynh Trưởng GDPT hay một nhóm Huynh trưởng soạn ra và chỉ dùng trong Đơn vị của mình như GDPT Miền Thiện Hoa, GDPT Miền Tịnh Khiết, GDPT Huyền Quang (Houston) có tài liệu riêng, GDPT Linh Sơn (Houston) dùng tài liệu của hệ thống trường Văn Lang. Nhưng dù dùng tài liệu nào cũng có điều chỉnh với ý nghĩa Phật hoá hay bỏ bớt những việc làm không hợp với châm ngôn Oanh Vũ (Em Tưởng nhớ Phật. Em kính mến Cha mẹ và thuận thảo với Anh Chị Em, Em thương người và vật)... Cho nên nếu sách viết trong bài tập đọc văn Âu hay văn AN "Em đi câu cá" hay "Anh em đi săn" thì người HTR sẽ đổi lại: "Chị khâu nút áo" hay "Bé ăn bánh ngọt" v.v... GDPT không dạy các em câu cá, bắt cá hay săn bắn v.v... để thực hiện châm ngôn "em thương người và loài vật."

Tóm lại, không phải là GDPT không thể soạn được, mà trái lại, các Ban Huynh Trưởng của các Đơn vị đã từng làm việc này nhưng không thể phổ biến sâu rộng vì nhiều nguyên nhân:

1) GDPT không có những nhà giáo, nhà văn có trình độ chuyên môn về Việt Văn để soạn thảo một chương trình Việt ngữ tốt bằng các trường Việt ngữ đang hành hoạt trên đất nước Hoa Kỳ. Các Huynh trưởng dạy tiếng Việt của các Đơn vị [có khi không phải là

huynh trưởng mà là bạn đoàn, có khi là người khác tôn giáo với chúng ta nhưng tự nguyện vào dạy tiếng Việt cho các em mà chúng ta thì đang cần người...

2) Những người dạy Việt ngữ không cùng quan điểm và sở thích, người thích tài liệu của trường này, người lại thích tài liệu của trường kia, cho nên việc dùng tài liệu giáo khoa thống nhất cho một đơn vị đã khó rồi, nói gì đến tất cả đơn vị trong cùng Miền hay trên cả nước Mỹ? Đó là chưa kể chỉ một quốc gia Hoa Kỳ đã có 4, 5 Ban Hướng Dẫn GDPT mà sinh hoạt, tu học đều khác nhau, cũng còn may là chương trình tu học Phật Pháp thì trên toàn cõi Hải Ngoại, nội dung không khác dù dùng tài liệu nào, do ai biên soạn...

Vài hàng đông dài xin trình bày cùng quý phụ huynh các đoàn sinh GDPT và ACE Áo Lam khắp nơi về những khó khăn không thể vượt qua của vấn đề tài liệu Việt ngữ. Xin đề nghị quý Anh Chị dù dùng tài liệu nào để dạy cũng luôn ghi nhớ rằng Việt ngữ dùng để chuyên chở Phật Pháp và Lịch sử, văn hoá, truyền thống cao đẹp của dân tộc Việt Nam.

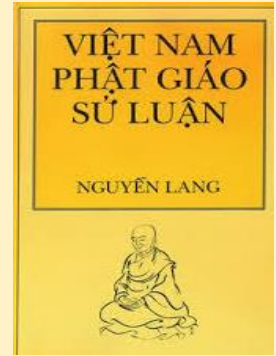
Trân trọng,
NAL



LÝ HỌC VÀ PHẬT GIÁO

(Chương XXIV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



THÁI CỰC VÀ VÔ CỰC, LÝ VÀ KHÍ

Tư tưởng Tam giáo cùng một nguồn tuệ giác (Tam Giáo Đồng Nguyên) vốn xuất phát từ các nhà Phật học. Ngay từ hồi thế kỷ thứ hai, khi các nhà Hán Nho tị nạn tại Giao Châu công kích đạo Phật, thì Mậu Bác đã dùng tư tưởng "Nho Phật Nhất Trí" để đáp lại rồi.

Hồi thế kỷ thứ ba, Tăng Hội cũng chủ trương tam giáo hợp nhất. Lúc mới từ Giao Châu sang du hóa đất Ngô (năm 225), trả lời quốc vương nước Ngô là Tôn Quyền hỏi về tam giáo, ông đã nói: "Hai tôn giáo Khổng và Lão theo khuôn thước thiên nhiên mà chế dựng cho nên tin đồ không dám đi ngược lại thiên nhiên; còn giáo lý của Chư Phật là thực hành theo phép tắc của thiên nhiên, cho nên tin đồ không dám đi ngược lại Phật" (Khổng Lão nhị giáo pháp thiên chế dựng bất cảm vi thiên; chư Phật thiết giáo thiên pháp phụng hành, bất cảm vi Phật). Từ thế kỷ thứ ba trở đi tại Việt Nam tinh thần tam giáo đồng nguyên được duy trì, mãi cho đến cuối đời Lý mới có nho thần Đàm Di Mông đả kích Phật Giáo. Sau đó tinh thần tam giáo hòa hợp lại được sống dậy mạnh mẽ với Trần Thái Tông. Tuy vậy đến cuối đời Trần lại có những nho gia đả kích Phật như Trương Hán Siêu và Lê Bá Quát.

Đến đời Lê, Phật Giáo bị nho gia kỳ thị cho đến nỗi Trang nguyên Lương Thế Vinh vì sáng tác sách Phật mà không được ghi tên trong văn miếu thờ Khổng Tử. Xét kỹ ta thấy rằng các nho gia đả kích Phật Giáo ở Việt Nam đã chịu ảnh hưởng của Lý học Tống Nho một cách sâu đậm.

Lý học có thể gọi là triết học Nho giáo đời Tống. Đó là phần hình nhi thượng học vốn đã từ lâu thiếu thốn trong Nho giáo. Tư tưởng của Khổng Tử rất nghèo về phần hình nhi thượng học, vì vậy nho gia đã đứng về thế rất yếu trong cuộc đối chọi tư tưởng ở thời Xuân Thu Chiến Quốc. Cũng vì lý do đó cho nên đến đời Tống, nho gia quyết định thành lập một phần hình nhi thượng học khá vững chắc để đưa ra một vũ trụ luận làm căn bản cho học thuyết xử thế và tu thân của Nho giáo. Kết quả là Lý học đời Tống mà các nhà khảo cứu tây phương thường gọi là tân nho học (neo-confucianisme).

Triết học này chứa mùi dùi về Phật Giáo. Tuy nhiên bản chất của Lý học là Phật và Lão học. Lương Khải Siêu gọi lý học là "ngoài Nho, trong Phật," nghĩa là Lý học tuy mang sắc thái Nho giáo lại có nội dung Phật Giáo và Lão giáo (97).

Người đi tiên phong cho Lý học là Chu Đôn Di, hiệu Liêm Khê, với khẩu hiệu "thái cực mà vô cực" của ông. Vô cực là bản thể của vũ trụ đứng về phương diện tĩnh mà nói. Động từ Tĩnh sinh, Hữu từ Vô sinh. Thái cực vi động cho nên sinh lưỡng nghi và muôn vật. Vì vậy nó có thể bị nhận lầm là hiện tượng, cho nên phải cho nó một lưng dựa thuần túy hình nhi thượng: đó là Vô cực. Nếu chỉ nói Vô cực mà thôi thì có thể bị người gán cho bản thể ấy thuộc tính hư vô; nếu chỉ nói Thái cực thì có thể bị người nói là thiếu bản thể học. Mệnh đề Vô Cực mà Thái Cực (Vô Cực nhi Thái Cực) là công thức giải đáp mâu thuẫn ấy.

Ta thấy ngay vũ trụ quan của ông nặng tính chất Lão và Phật. Trước hết, danh từ Vô Cực là lấy từ Đạo Đức Kinh. Rồi đến quan niệm Hữu và Vô cũng giống hệt như tư tưởng Đạo Đức Kinh ("Vô là tiếng gọi cái bắt đầu của trời đất, Hữu là tiếng gọi của Mẹ vạn vật": "Vô, danh thiên đại chi thủy; Hữu, danh vạn vật chi mẫu"). Tư tưởng Chân như môn và Sinh Diệt môn trong luận Đại Thừa Khởi Tín cũng cùng một tính chất ấy. Tư tưởng thẳng và nghiêng của thiên phái Tào Động nổi tiếng trước đó một thế kỷ cũng cùng một tính chất (98). Chu Liêm Khê còn chủ trương tĩnh mà không động, ấy là Hữu (Tĩnh như vô động, Hữu), tịch nhiên bất động là Thành (Tịch nhiên bất động giả, Thành), vô dục cho nên Tĩnh (Vô dục cố Tĩnh) và thành là vô vi của đạo Phật.

Nói theo Chu Liêm Khê là Trương Tải (1020-1077). Theo Trương Tải, bản thể của vũ trụ là Hư và Khí, cũng gọi là thiên địa tính hay Thái Hòa. Liên hệ giữa Hư và Khí cũng tương tự như liên hệ giữa Vô Cực và Thái Cực. Nhưng Trương Tải đi xa hơn trên con đường giải thích liên hệ ấy. Theo ông, không thể nói rằng Hư sinh ra Khí, tuy rằng nếu không có Hư thì không thể có Khí. "Hư và Khí dựa vào nhau mà có. Hư tức là Khí" (hư dữ khí hữu tương tác chi quan hệ). Như vậy, Hư và Khí không phải một cũng

không phải hai. Đứng về phương diện nhân sinh, Trương Tải chủ trương rằng vì vạn vật đều là Khí cho nên thiên hạ đều là anh em, mọi người phải thương nhau, cứu giúp lẫn nhau, và nhân là căn bản của luân lý học Khổng Giáo. Vì đức Nhân ấy cho nên con người không được trốn tránh nhiệm vụ đối với anh em của mình. Phật Giáo dạy người tránh bỏ cuộc đời, cho nên con đường của đạo Phật là con đường bắt nhân, sai lạc.

Trương Tải có đọc kinh Lăng Nghiêm và Luận Khởi Tín. Ý niệm Thái Hòa của ông là từ ý niệm Hòa hợp Tĩnh của Lăng Nghiêm. Ý niệm "không một, không hai" về liên hệ giữa Hư và Khí cũng bắt nguồn từ ý niệm phi nhất phi dị giữa Chân. Ý niệm "không một, không hai" về liên hệ giữa Hư và Khí cũng bắt nguồn từ ý niệm phi nhất phi dị giữa Chân như và Sinh Diệt. Nhiều lúc ông dùng ngay danh từ Phật học mà ông không biết. Một mệnh đề nổi tiếng của ông là "trừ ác bỏ vọng mà thành vô ngã" (trừ các khu vọng nhị thành vô ngã). Ý niệm về Nhân của ông giống ý niệm Kiềm Ái của Mặc Tử.

Lui tới với Trương Tải có anh em họ Trình là Trình Hiệu (1032-1085). Hai người này thừa kế tư tưởng của Chu Liêm Khê. Trình Hiệu cũng có kiến thức Phật học. Thay vì dùng từ ngữ Vô Cực và Thái Cực, ông chủ trương vũ trụ là Lý và Khí. Ông cho rằng Khí (bản chất của vạn vật) nằm gọn trong Lý. Lý ở đây không phải chỉ là những nguyên tắc cai quản vũ trụ mà còn là bản thể của vũ trụ. Lý ở đây giống như Tâm của Phật học, bởi lý thuyết của Trình Hiệu có tính cách của một nhất nguyên duy tâm luận. Ông đã kích Phật Giáo về những điểm sau đây:

- 1) Nhân mạnh về vấn đề sinh tử để làm cho người ta sợ hãi.
- 2) Cho căn trần là khổ
- 3) Cho ngoại cảnh là trở ngại cho việc tu hành.

Những điểm ấy, theo ông, đưa giải phóng lạc vào nhị nguyên, phân biệt tâm, cảnh, nội, ngoại. Tuy nhiên, trọng điểm của lý thuyết ông lại nặng tính chất Phật Giáo. Ông nói: "Đạo là Tĩnh vậy, tuy nhiên khi mới thốt ra chữ Tĩnh thì nó không còn là tính nữa" (Đạo tức Tĩnh xã,

ngôn tính dĩ thổ; tài thuyết tính thời, tiên dĩ bất thị tính). Ông lại nói: "Khi nói Đạo thì đó không còn là Đạo nữa" (Thuyết Đạo thời, tiên dĩ bất thị Đạo). Đó phải chăng là tư tưởng Kim Cương Bát Nhã trong Phật Giáo? Ông lại nói: "Trong ta đã có đủ vạn vật thiên nhiên, vạn vật trong trời đất đều là ta" (Tự gia thị thiên nhiên tự túc vật; thiên đại vạn vật gia thị tự ngã). Đó phải chăng là tư tưởng Duy Thức? Ông nói: "Ngoài vật không có Đạo, ngoài Đạo không có vật; Đạo cũng là Khí. Khí cũng là Đạo" (Vật ngoại vô Đạo, Đạo ngoại vô vật; Đạo diệc Khí, Khí diệc Đạo). Ta có cảm tưởng đọc: "Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc" của Tâm Kinh Bát Nhã. Nội dung và hình thức câu này đều bị ảnh hưởng nặng nề của Phật học.

Em của ông là Trình Di chú trọng nhiều tới phương diện tu dưỡng. Trình Di nói: "Điều hay nhất mà tôi học được trong Phật học là sự giữ tâm bất động." Ông chủ trương phép tĩnh tọa, chủ kính, trí tri. Ông nói: "Tâm có chủ thì tà không nhập, không có chủ thì ngoại vật tới xâm chiếm" (Tâm hữu chủ tắc thời tà bất nhập, vô chủ tắc ngoại vật lai đoạt) và "tâm làm chủ tức là kính vậy" (vì kỳ chủ giả, kính thị dã). Chữ Kính cũng có nghĩa như chữ Tĩnh, nhưng Trình Di nói: "Dùng chữ Tĩnh là đi vào Phật Giáo rồi, cho nên không dùng chữ Tĩnh mà phải dùng chữ Kính" (Tài thuyết tĩnh, tiên nhập Phật thị, bất nghị dụng tĩnh tự, chỉ dụng kính tự).

Sang tới đời nam Tống, có Chu Hy hiệu là Hối Am (1130-1200). Ông thừa kế tư tưởng của Trình Di. Sự đả kích Phật Giáo của ông rất thiếu đứng đắn vì ông không có chút kiến thức nào về Phật học. Ông nói: "Học thuyết của Phật phát xuất từ học thuyết Dương Chu, sau lại lấy thêm học thuyết của Lão Trang ghép vào" (Phật thị chi thuyết, nguyên xuất Dương Chu, hậu phụ dĩ Lão Trang chi thuyết). Điều đó chứng tỏ ông thiếu hẳn phương pháp nghiên cứu sử học, ông đả kích Phật Giáo vì Phật Giáo "hủy diệt nhân luân." Ông nói: "Phật và Lão mắc tội với tam cương ngũ thường. Lão Trang còn chưa hủy diệt hết cả nhân luân, chứ Phật thì hủy diệt nhân luân hoàn toàn cách tuyệt đối. Thiên là diệt hết nghĩa lý; người học thiên phải nói trực chỉ nhân tâm là không biết tâm, nói kiến tính thành Phật là không biết tính, cho nên diệt hết nhân luân" (Phật Lão phạm tam cương ngũ thường chi tội, Lão Trang bất diệt tận nhân luân, Thiên giả trực chỉ nhân tâm thị bất tri tâm, vân kiến tính thành Phật thị bất tri tính, cố diệt nhân luân). Tuy vậy, những nguyên tắc cùng lý và tận tính của ông, vì bắt nguồn từ tư tưởng Trình Di cho nên cũng mang màu sắc Phật học.

THÁI ĐỘ TĂNG SĨ TRƯỚC SỰ KHÍCH BÁC CỦA NHO GIA

Bị ảnh hưởng tác phẩm của những tác giả nói trên, ở Đại Việt, các nhà nho bắt đầu công kích Phật Giáo. Nho thần Đàm Dĩ Mông đã thu-



yết phục được vua Lý Cao Tông trong việc sa thải tăng sĩ. Đã đành rằng những phần tử bất hảo của tăng gia cần được loại trừ, nhưng cách thức thanh trừng tăng giới của Đàm Dĩ Mông chứng tỏ không phải vì lợi ích của Phật Giáo hay của đất nước mà vì sự kỳ thị. Năm 1179, Đàm Dĩ Mông dùng kinh Bát Nhã thi để thải bớt tăng đồ. Năm 1198 ông lại cho triệu tập tăng đồ trong xứ lại và các nơi cốc xá, chọn mỗi nơi chừng mười người có tiếng lưu lại làm tăng, còn thì đánh dấu vào tay bắt hoàn tục.

Về phía tăng sĩ, chưa bao giờ thấy xảy ra chuyện đã kích Nho giáo. Các thiền sư thỉnh thoảng có nói rằng Nho giáo không đủ để thỏa mãn nhu cầu tâm linh của họ, chứ không bao giờ lên tiếng kích bác. Thiền sư Cửu Chỉ (mất năm 1067), có một lần nói: "Khổng Mặc kẹt vào Hữu, Trang Lão kẹt vào Vô. Kinh điển thế gian không phải là phương pháp giải thoát. Duy có Phật pháp vượt cả Hữu, Vô có thể giải quyết được vấn đề sinh tử" (Khổng Mặc chấp Hữu, Trang Lão nhược Vô. Thế tục chi điển phi giải thoát pháp. Duy hữu Phật pháp bất hứa Hữu Vô, khả liễu sinh tử). Thiền sư Trí ở thế kỷ thứ mười hai cũng nói: "Nho giáo dạy con đường Quân Thần Phụ Tử, còn Phật Giáo nói về công phu của Bồ tát, Thanh Văn. Hai giáo tuy khác nhau mà đồng quy về một mối. Tuy nhiên nếu muốn giải thoát cái khổ sinh tử, cắt đứt được vọng tưởng về Hữu Vô, thì chỉ có Phật Giáo mới làm được" (Nho gia khả thuyết Quân Thần Phụ Tử chi đạo, Phật pháp khả ngôn Bồ tát Thanh Văn chi công. Nhị giáo tuy thù, kỳ quy tắc nhất. Nhiên xuất sinh tử khổ, đoạn Hữu Vô kế, phi thích tất bất năng già). Đại khái ngôn phong của Phật tử đối với Nho giáo là vậy. Họ ít kỳ thị tôn giáo. Thiền sư Viên Thông (mất 1150) đã từng ân cần khuyên vua Thần Tông về vấn đề trị loạn; ông đã lập luận trên tinh thần Nho giáo. Lý Cao Tông là một ông vua hát xướng chơi bời quá độ, thiếu nhận thức về tình trạng. Trong lúc Đàm Dĩ Mông đã kích Phật Giáo, sa thải tăng đồ, thì tăng phó Nguyễn Thường, một vị tăng giám lại can đảm can vua không nên chơi bời. Những lời can gián lại viện sách Nho giáo. Ông nói: "Tôi nghe Kinh Thi nói rằng âm nhạc làm loạn nước thì nghe như oán như giận. Nay dân thì loạn, nước thì khốn, chúa thượng thì rong chơi vô độ. Triều chính đã bắt đầu rối loạn, nhân tâm thì bắt đầu tan rã, đó là triệu chứng mất nước." Lời can gián này chứng tỏ tinh thần vô úy của Phật tử vẫn còn, nghĩa là đạo Phật chưa suy tàn vậy. Tiếc thay các nho thần đã không nghe lời vị tăng giám và nhà Lý sụp đổ.

Không những các thiền sư đời Lý ủng hộ tinh thần tam giáo hòa hợp mà còn tác động các nhà chính trị đời Lý đi theo con đường ấy nữa. Các Vua Lý đều là Phật tử. Nền giáo dục đời Lý được dẫn dắt bằng tinh thần ấy đã tạo được nhiều thế hệ trí thức có óc cởi mở, ít cố chấp. Cuộc thi tam giáo đầu tiên đã được tổ chức dưới triều Lý. Đến triều Trần, những ông

vua uyên bác về Phật Giáo như Trần Thái Tông và Trần Thánh Tông cũng áp dụng thái độ cởi mở đó, và đã mở rộng Nho giáo. Thái Tông xướng xuất ý niệm Phật Thánh phân công hợp tác. Vua tác tượng Chu Công, Khổng Tử và Mạnh Tử để thờ, mở Quốc Học Viện ở kinh sư để dạy Nho học. Trần Ích Tắc, em vua Thánh Tông cũng được khuyến khích mở trường Nho học. Các khoa thi được tổ chức tiếp sau để tuyển chọn nhân tài. Nhờ tinh thần cởi mở và phá chấp của nền giáo dục kia, nhân tài xuất hiện khá nhiều. Ngay năm 1227, nghĩa là chưa đầy hai năm sau khi lên ngôi, vua Thái Tông đã mở khoa thi Tam Giáo thứ nhất của triều đại.

Nền văn hóa và giáo dục cởi mở ấy, tiếc thay, đến cuối đời Trần đã bị bác bỏ. Các nho thần như Trương Hán Siêu, Lê Bá Quát, dưới ảnh hưởng của Lý học Tống Nho đã để tâm kỳ thị, ganh ghét. Họ than phiền chùa nhiều quá, tăng nhiều quá, văn miếu và nho học ít quá. Họ lợi dụng sự tin cậy của những tăng đồ ít học, viết những bài bia có tinh thần đả kích đạo Phật. Cùng với sự xuất hiện của lớp nho sĩ nặng ảnh hưởng văn hóa Bắc phương, thời đại vàng son của tinh thần bao dung tôn giáo được chấm dứt. Nước nhà lại rơi và chiến tranh hỗn độn.

Từ cuối đời Trần về sau, các nho gia hay trình bày đạo Phật như một tổng hợp mê tín dị đoan, có hại cho đất nước, ít khi nhìn thấy vai trò mà đạo Phật đã đóng trong lịch sử văn hóa dân tộc. Theo họ, chỉ có một tôn giáo có thể giữ nước và dựng nước, đó là Nho giáo. Các sử thần gọi Nho giáo là đạo Trung Dung (Ngô Sĩ Liên), là đạo Nhất Trung (Ngô Thì Sĩ). Sự kiện tên của trạng nguyên Lương Thế Vinh bị bỏ ra, không được thờ trong Văn Miếu chỉ phản ảnh trung thực thái độ của nho gia mà thôi. Ngô Thì Sĩ viết trong Việt Sử Tiêu An: "Đạo chỉ có một, ngoài đạo tu thân, tề gia, trị quốc và bình thiên hạ, không còn có gì được gọi là đạo nữa."

Trong khi đó, tăng sĩ và cư sĩ Phật Giáo vẫn nỗ lực nêu cao tinh thần tam giáo đồng nhất, không tỏ ý giận dữ thù oán. Các cao tăng hành hóa cả ở Đàng Ngoài-Trong đều giữ vững lập trường không kỳ thị Lão giáo và Nho giáo. Trịnh Huệ viết Tam giáo nhất nguyên thuyết (99); Hương Hải chủ trương "Tam Giáo Nhất Thể" (100); Thạch Liêm chủ trương "Nho Phật Nhất Trí." Mở đầu truyện "Quan Âm Diệu Thiện," tác giả truyện này đã phải la lên: Đừng nói đạo Phật là phá bỏ luân thường, bởi vì Chân Như của Phật, cũng như Lý của Nho, bao hàm cả Nhân và cả Hiếu:

*"Chân Như đạo Phật rất màu
Tâm trung chữ Hiếu, niệm đầu chữ Nhân
Hiếu là độ được đấng thân
Nhân là cứu vớt trăm luân mọi loài"*

Thiền sư Hương Hải viết trong Sự lý dung thông những dòng chữ sau đây:

*"Trong nơi danh giáo có ba
Nho hay giúp nước, sửa nhà, trị dân
Đạo thời dưỡng khí an thân"*

*Thuốc trừ tà bệnh, chuyên cần luyện đơn
Thích độ nhân khỏi tam đồ khổ
Thoát cứu huyền thất tổ siêu phương*

Ông viết:

*Nho dùng tam cương ngũ thường
Đạo dùng ngũ khí, giữ gìn ba nguyên*

(101)

*Thích giáo nhân tam quy ngũ giới
Thế một đường, xe phải dùng ba."*

"Thế một đường, xe phải dùng ba" là tinh thần tùy cơ hóa độ của Phật Giáo, và hình ảnh là hình ảnh mượn trong kinh Pháp Hoa. Hương Hải từng là một nho gia. Ông biết cách nói chuyện với nho gia. Ông nói: "Các bậc đại nho vẫn thường lui tới cửa thiền, và nếu đạo hạnh của họ cao siêu thì họ cũng hiểu được Thiền học. Chu Liêm Khê, Trình Hiệu, Tô Đông Pha,... những nhà nho nổi tiếng ấy đều có học Phật. Rừng Nho biển Phật bao la lắm, đừng vội càn cọt phê bình. Những ý đó thấy rõ trong bài thơ sau đây:

*"Danh nho thường vắng chốn thiền lâm
Bụi trần chẳng vướng, ngộ thiền tâm
Liêm Khê, Trình Tử nên cao thức
Tô Tử, Hàn Văn kẻ diệu âm
Vạn tượng sum la mà dễ thấy
Uyên nguyên thâm diệu lại khôn tìm
Lên mãi nguồn Nho thêm bát ngát
Vào sâu biển Phật cứ mênh mông."*

(Thượng sĩ thượng dụ bát nhã lâm,
Trần cứ bất nhiễm, liễu thiền tâm.
Liêm Khê, Trình Thị minh cao thức,
Tô Tử, Hàn Văn kẻ diệu âm.
Vạn tượng sum la cao dị hiểu,
Nhất biểu tạo hóa mất nan tìm.

Nho nguyên đảng đảng trung di khoáng
Pháp hải trùng trùng nhập chuyển thâm)

Hương Hải khen ngợi các nhà Nho kia, không phải là vì họ chống Phật Giáo nhưng vì họ có chịu học Phật. Hàn Dũ đời Đường chống Phật Giáo kịch liệt, nhưng khi lớn tuổi lại rất mộ đạo Phật và rất thân với một thiền sư tên là Đại Diên (102). Âu Dương Tu đời Tống cũng đã kích Phật Giáo dữ dội, nhưng khi lớn tuổi lại trở thành mộ Phật, đi đâu cũng xưng mình là "cư sĩ." Chính ông viết bài bạt cho cuốn sách nói về Hàn Dũ. Tô Đông Pha giao du với các thiền sư, đã trở nên một Phật tử có kích thước lớn. Chu Liêm Khê, Trình Hiệu tuy chống Phật Giáo nhưng vẫn khen là ở chỗ chịu học Phật.

Trương Hán Siêu (103) bài bác Phật Giáo nhưng sau lại cũng theo Phật Giáo. Lớn tuổi, về an trú núi Đục Thúy, nơi ông viết một bài ký cho tháp Linh Tế tỏ ý không ưa Phật Giáo, ông đã đề bài thơ sau đây, công nhận sự sai lầm của mình ngày trước:

*Tháp in trên dòng sáng
Cửa động mở đầu non
Cuộc đời như mây nổi
Biết ngày xưa lạc lầm.*

(Trung lưu quang tháp ảnh
Thượng giới khái nham phi

Phù thế như kim biệt
Nhàn thân ngộ tạc phi)

Trương Hán Siêu bài Phật nhưng không bị biếm như Hàn Dũ đời Đường. Vua Trần Dụ Tông cởi mở hơn vua Đường. Hàn Siêu sau này có tặng thiền sư Phổ Minh chùa An Lăng một bài thơ nhắc tới chuyện mình và chuyện Hàn Dũ:

*Ẩn chẳng rùng sâu là đại ẩn
Chùa nhà tu Phật mới chân tu
Tọa thiền tỉnh giấc ngàn năm mộng
Thôi đừng ngỡ nữa khách Trào Châu
(Ẩn bất lâm tuyền chân đại ẩn,
Tư ư gia tự tức chân tu
Thử nhật tham thiền như mộng giác,
Hư tướng vắng sự quái Trào châu)* (104)

Cho tới thế hệ của Ngô Thì Sĩ, nhiều nho sĩ vẫn còn giữ thái độ hẹp hòi về tôn giáo và ý thức hệ. Tuy vậy phong thái thấp kém của như sĩ đương thời về tình trạng rối ren của đất nước đã làm cho sự tôn trọng tự tín của giới nho sĩ lung lay. Đến thế hệ của Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm, v.v... các nho sĩ đã có một thái độ cởi mở hơn trước. (*)

(còn tiếp)

(97) Kinh Dịch là một tác phẩm Lão học. Những tư tưởng của Chu Dịch mà các nho gia đem ra nói của Khổng Tử vốn là tư tưởng triết học của Lão giáo

(98) Xem chương XXIII

(99) Rất tiếc chúng tôi chưa có duyên tìm được sách này. Sách viết vào khoảng giữa thế kỷ thứ mười tám.

(100) Thơ của Hương Hải:

*Nguyên lai tam giáo đồng nhất thể
Nhậm vận hà tằng lý hữu thiên.*

(101) Ba nguyên: tinh, khí và thần.

(102) Hàn Dũ làm chức gián nghị đại phu, là tác giả tập Nguyên Đạo và bài Sở ngăn việc rước xá lợi Phật. Lý luận bài Phật trong hai tác phẩm này rất là đơn giản: Phật Giáo bỏ đạo quân thần phụ tử mà đi tìm thanh tịnh tịch diệt; tăng đồ không tăng gia sản xuất; Phật là dân xứ dã man. Biện pháp của ông đề nghị rất mạnh: đạo kỳ sở đạo (Nho hóa đạo Phật), nhân kỳ nhân (bắt tăng sĩ trở ra thế tục), hóa kỳ thứ (đốt kinh Phật), lưu kỳ cư (tịch thu tu viện). Sở của ông không được vua Đường chấp nhận, và ông bị biếm.

(103) Trương Hán Siêu người làng Phúc Am, huyện Yên Khánh, Ninh Bình, mất năm 1354.

(104) Tài liệu Đình Gia Thuyết trong Đuốc Tuệ số 50, ra ngày 24.11.1935, Hà Nội.

(*) Có lẽ nên đặt Lê Quý Đôn lên cùng thế hệ với Ngô Thì Sĩ (N.H.C.)

CÂU CHUYỆN MỘT CON ĐƯỜNG...

Hoang Phong

Đức Thích-ca Mâu-ni là vị Phật lịch sử và cách nay đã lâu lắm, đã khám phá ra một Con Đường thật độc đáo, đây là Con Đường giúp chúng ta loại bỏ mọi khổ đau và tìm thấy một sự tự do đích thật. Sau khi khám phá ra Con Đường đó thì Đức Phật, lúc ấy còn rất trẻ, đã hy sinh phần còn lại của kiếp nhân sinh cuối cùng của mình để trở cho chúng ta trông thấy Con Đường ấy bằng ngón tay của chính Ngài. Hôm nay chúng ta là những người đang tu tập bằng cách hướng theo ngón tay của Ngài và bước theo các vết chân của Ngài vẫn còn in đậm trên Con Đường ấy.

Chúng ta cũng không khác gì một đoàn người cùng bước đi trên Con Đường, một đoàn người vô cùng phức tạp: khác biệt nhau về đủ mọi mặt, từ tuổi tác, sức khỏe, văn hóa đến trình độ hiểu biết... Có những người thanh thản và yên lặng tiến bước; có những người bận rộn ngược xuôi nhằm khuyến khích và dìu dắt người khác, thậm chí đưa cả lưng mình để công người yếu đuối; lại cũng có kẻ chỉ thích đứng ở các trạm đón xe và chờ người đến rước. Ấy là chưa nói đến các cảnh tượng chen lấn và móc túi, hoặc lườm gạt và lợi dụng nhau... Hơn nữa cũng có nhiều người không nhìn theo hướng ngón tay để tiến bước mà chỉ loanh quanh tìm kiếm của cải của người khác đánh rơi hoặc vớt bỏ lại, để rồi nào ôm, nào vác, nào đội lên đầu để mà vừa đi vừa vấp ngã. Không những thế, trên đường lại cũng có những đoàn người đi ngược chiều và chúng ta phải nép sang một bên để tránh không đâm sầm vào họ. Nhìn sang hai bên về đường thì chúng ta cũng sẽ thấy nhiều cảnh tượng thật huyền ảo: nào chợ búa, cửa hàng, nhà hát, sòng bài, kể cả những cảnh lườm gạt, đâm chém, bắn giết, bom nổ, nhà cháy, cầu sập..., và cũng có một số người dừng lại để mãi mê nhìn và trong lòng thì vẫn còn cứ muốn xông vào để tham gia.

Bài viết ngắn này phác họa lại bằng một vài nét thật đơn sơ hình ảnh của Con Đường đó

với đoàn người đang lầm lũi bước đi, hầu giúp cho mỗi người trong chúng ta nhìn thấy chính mình trên Con Đường đó để chọn cho mình một cách tiến bước tốt đẹp nhất.

Thật vậy khi còn tại thế Đức Phật đã từng giảng dạy về Con Đường cho mọi người theo nhiều trình độ hiểu biết khác nhau. Ngài đã giải bày cho những người nông dân chất phác, thể nhưng cũng từng đưa lên một cánh hoa và không nói lên một lời nào cả để giảng về Con Đường ấy cho những người khác. Sự kiện đó cho thấy tuy Con Đường luôn là một, lúc nào cũng là một, thế nhưng lại mang nhiều sắc thái khác nhau. Vì thế mà Vị Thầy cũng đã phải sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau. Sau khi Ngài tịch diệt thì Con Đường thay Ngài làm Vị Thầy để hướng dẫn chúng ta, và các đệ tử đã họp nhau lại để cố giữ gìn cho Con Đường luôn được chính trang và quang đăng. Họ quét dọn rác rưởi, thu dọn chướng ngại và mở rộng thêm, mỗi lần như thế thì lại gọi là một Đại Hội Kết Tập Đạo Pháp. Vì mục đích thích ứng với các trào lưu tư tưởng và các nét đặc thù văn hóa địa phương của từng thời đại và cũng do tánh khí khác biệt của các đệ tử sau này mà Con Đường đã có đôi chút biến dạng và cũng đã khoác thêm cho mình một vài trang trí mới khiến quang cảnh có phần khác đi phần nào.

Ngoài những người mặc áo màu nghệ ra thì người ta còn trông thấy trên Con Đường có cả những người mặc áo màu đen, màu lam, màu đỏ sẫm, màu nâu...

Thật thế, ngay từ lần Kết Tập tổ chức vào thế kỷ thứ III trước Tây Lịch, người ta cũng đã thấy xuất hiện hai tông phái khác nhau. Sau đó đến lần Kết Tập vào thế kỷ thứ I sau Tây lịch thì hai tông phái này đã nhân lên gấp đôi, và mỗi tông phái lại gồm có nhiều học phái, tổng cộng là 18 học phái tất cả. Thế nhưng hầu hết các học phái này đã mai một và chỉ còn lại một học phái tồn tại đến nay dưới một hình thức mới gọi là Phật Giáo Nguyên Thủy hay Theravada. Đồng thời cũng vào khoảng thế kỷ





thứ I, người ta cũng thấy xuất hiện trên Con Đường một một khuynh hướng mới gọi là Đại Thừa. Đại Thừa sau đó lại chia ra thành nhiều tông phái, học phái và chi phái khác nhau, chủ trương nhiều phép tu tập khác nhau.

Tóm lại hiện nay trên Con Đường có hai khuynh hướng hay hai chủ trương chính yếu là Phật Giáo Nguyên

Thủy Theravada và Phật Giáo Đại Thừa Mahayana. Sự khác biệt giữa hai khuynh hướng này thuộc vào lãnh vực "thực hành" nhiều hơn, trong khi đó thì "**cứu cánh**" luôn chỉ là một.

Phật giáo Nguyên Thủy còn được gọi là Phật Giáo "Nam Tông" hay "Tiểu Thừa." Sở dĩ gọi là Nguyên Thủy bởi vì phần giáo lý căn bản hoàn toàn được dựa vào các kinh sách gốc, tức các kinh sách có nội dung cổ xưa và được xem là chính thống, đấy là Tam Tạng Kinh. Tuy nhiên cũng khó biết là giữa kinh sách Nguyên Thủy và kinh sách Đại thừa thì kinh sách nào xưa hơn, bởi vì tất cả kinh sách bằng chữ viết đều xuất hiện rất gần nhau vào khoảng thế kỷ thứ I trước Tây Lịch.

Phật Giáo Nguyên Thủy còn được gọi là Phật Giáo "Nam Tông" vì sau này được phát triển tại các quốc gia thuộc vào phía đông và phía nam của bán lục địa Ấn Độ, gồm các quốc gia như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan và Campuchia. Thế nhưng trên thực tế thì cách gọi đó cũng không được chính xác lắm, bởi vì trước đây hầu hết các quốc gia này như Miến Điện (Myanmar), Thái Lan và Campuchia đều theo Phật Giáo Đại Thừa và chỉ sau đó thì mới chuyển sang Phật Giáo Nguyên Thủy do quyết định của vương quyền thời bấy giờ.

Nếu gọi Phật Giáo Nguyên Thủy là "Tiểu Thừa" thì lại càng không đúng hơn nữa, bởi vì chữ "Tiểu Thừa" được nêu lên trong các kinh sách Đại Thừa nhằm mục đích phân biệt với chủ trương tu tập mới của tông phái này, bởi vì theo Đại Thừa thì việc tu tập không nhất thiết chỉ mong cầu tìm thấy sự giác ngộ cho riêng mình còn phải giúp đỡ tất cả chúng sinh khác tìm thấy sự giải thoát. Tóm lại nếu gọi Phật Giáo Nguyên Thủy là "Nam Tông" hay "Tiểu Thừa" thì không được đúng lắm, và nếu như không muốn gọi là Nguyên Thủy thì cũng có thể gọi tông phái Phật Giáo này là Theravâda, tiếng Pa-li *theravâda* có nghĩa là *con đường xưa* hay *giáo lý xưa*. Vậy tóm lại có những gì khác biệt trên căn bản giữa hai khuynh hướng Nguyên Thủy và Đại Thừa? Sự khác biệt thứ nhất thuộc lãnh vực kinh sách, sự khác biệt thứ hai là phép tu tập của Đại Thừa rộng hơn và có phần nhập thế hơn.

Giáo lý căn bản của Phật Giáo Nguyên Thủy được quy định bởi các kinh sách xưa hay chính thống gọi là Tam Tạng Kinh, trong khi đó thì kinh sách của Đại Thừa gồm chung cả Tam Tạng Kinh và cả các kinh sách "xuất hiện muộn," tức là các kinh sách được trước tác từ thế kỷ thứ I trước Tây lịch đến các thế kỷ thứ V và thứ VI, kể cả các kinh sách tantra xuất hiện muộn hơn nữa tức vào khoảng thế kỷ thứ VIII đến thứ X. Tuy nhiên tất cả các tông phái đều cho rằng kinh sách thuộc tông phái của mình đều xuất phát từ thời kỳ của Đức Phật lịch sử, bằng cách viện dẫn là Đức Phật thuyết giảng theo nhiều trình độ khác nhau nhằm vào các đối tác khác nhau, các kinh sách liên hệ được cất giấu để tránh khỏi bị mất mát vì chiến tranh và cướp phá và chỉ được tìm thấy khi cơ duyên hội đủ. Thật thế việc khám phá kinh sách giấu kín thường xảy ra trong quá khứ ở Tây Tạng.

Tóm lại Phật Giáo Nguyên Thủy và Phật Giáo Đại Thừa không phải là hai "học phái" hay "tông phái" khác nhau, mà đúng ra chỉ là **hai thái độ hay hai chủ trương tu tập** khác nhau, và cùng tiến bước trên một Con Đường chung. Trên phương diện áp dụng thì Phật Giáo Nguyên Thủy đòi hỏi người tu hành phải tách rời sự sinh hoạt của mình ra khỏi đời sống thế tục, phải tuân thủ thật nghiêm túc giới luật, nhắc nhở mình luôn phải buông xả và hướng vào thể dạng giải thoát của một vị A-la-hán. Trong khi đó thì Phật Giáo Đại Thừa nêu lên hình ảnh lý tưởng của một người Bồ-tát nhất định chối bỏ sự giác ngộ tối thượng của mình để lưu lại trong thế giới Ta-bà hầu tiếp tục giúp đỡ tất cả chúng sinh.

Nếu muốn bước vào Đại Thừa một cách vững chắc và dễ dàng thì cũng nên có một số hành trang tối thiểu nào đó về Phật Giáo Nguyên Thủy. Nói như thế không có nghĩa là Phật Giáo Nguyên Thủy chỉ mang tính cách giai đoạn, mà thật ra tự nó cũng là một tông phái đầy đủ và toàn vẹn. Phật Giáo Đại Thừa trái lại dù mang một số khía cạnh và thể dạng khá sâu sắc, thế nhưng các phương pháp tu tập thì lại quá đa dạng. Dù sao đi nữa nếu khởi sự bước vào Con Đường với hành trang của Phật Giáo Nguyên Thủy thì đến một lúc nào đó một sự đòi hỏi khác cũng có thể sẽ tự nhiên phát sinh thúc đẩy người tu tập nên chọn thêm cho mình cách hành xử của Đại thừa. Thật ra thì đấy cũng không phải là cách loại bỏ Phật Giáo Nguyên Thủy khi đã bước được vào Đại Thừa, bởi vì sự chính xác và tinh khiết của Phật Giáo Nguyên Thủy luôn luôn là những gì thật cần thiết cho người tu tập. Tóm lại là Phật Giáo Nguyên Thủy cũng như Đại Thừa cả hai đều bổ khuyết cho nhau.

Thoạt nhìn thì Phật Giáo Đại Thừa vô cùng phức tạp, đến độ một số người tu tập theo Phật Giáo Nguyên Thủy có thể cho

rằng Phật Giáo Đại Thừa đi trệch ra ngoài Con Đường. Thế nhưng trên thực tế thì các hình thức "biến đổi" chỉ là một sự tiến hoá giúp Con Đường mở rộng thêm vào thế giới thật đa dạng này của chúng ta và mang lại cho Phật Giáo nói chung nhiều khía cạnh mới mẻ và sâu sắc hơn. Phật Giáo Nguyên Thủy tự cho mình là giữ đúng theo giáo lý do Đức Phật thuyết giảng, thế nhưng thật ra thì cũng đã biến đổi không ít theo dòng thời gian, nhằm thích ứng với các bối cảnh địa phương và các xu hướng khác nhau. Một cách thật tổng quát thì có thể xem Phật Giáo Nguyên Thủy mang ít nhiều tính cách "chính thống" khá gò bó và luôn quan tâm giữ đúng theo những gì được ghi chép trong các kinh sách xưa, trong khi đó thì Phật Giáo Đại Thừa mang nhiều khía cạnh "cởi mở" và mang ít nhiều khía cạnh "nhập thế" hơn. Vậy Phật Giáo Đại Thừa thật sự là gì?

Nếu Phật Giáo Nguyên Thủy chủ trương hình ảnh tinh khiết của một vị A-la-hán thì Phật giáo Đại Thừa đề cao trọng trách của một vị Bồ-tát. Trên Con Đường, nếu tu tập theo Phật Giáo Nguyên Thủy thì cứ nhìn vào vị A-la-hán trước mặt mà bước theo, nếu tu tập theo Đại Thừa thì sẽ cùng sánh vai với người Bồ-tát để hành động như một người Bồ-tát. Hơn nữa ngoài hình ảnh lý tưởng của người Bồ-tát ra thì Phật giáo Đại Thừa còn kết nạp thêm đủ mọi thứ thần linh địa phương, hiền hoà cũng có mà hung tợn cũng có, và đồng thời vô số các vị Phật cũng xuất hiện thêm. Do đó Con Đường đối với Đại Thừa cũng trở nên đông đảo và vui nhộn hơn. Phật Giáo Đại Thừa gồm có ba tông phái hay ba học phái lớn và chính yếu là Tịnh Độ, Thiền học và Kim Cương Thừa.

Thuở xưa tại Ấn Độ có một vị vua giàu có và rất thông minh xuất gia mang pháp danh là Dharmakara và nguyện rằng sau khi thành Phật thì nếu có bất cứ chúng sinh nào thành tâm cầu khẩn thì Ngài sẽ tiếp dẫn vào cõi Cực Lạc. Sau nhiều kiếp tu tập thì vị này đạt được sự giải thoát toàn vẹn và trở thành một vị Phật mang tên là A-di-đà, hội đủ khả năng tiếp dẫn chúng sinh đúng như lời nguyện ước trước đây của Ngài. Nếu chúng sinh nào muốn được tiếp dẫn về cõi Cực Lạc sau khi chết thì phải thành tâm kêu gọi đến lòng từ tâm của Ngài. Đây là "pháp môn" Tịnh Độ. Thế nhưng cũng cần phải hiểu là Đức Phật A-di-đà còn nguyện rằng "Cho đến khi nào vẫn còn một chúng sinh chưa được giải thoát thì mình vẫn chưa nhập vào cõi Cực Lạc," và đấy là

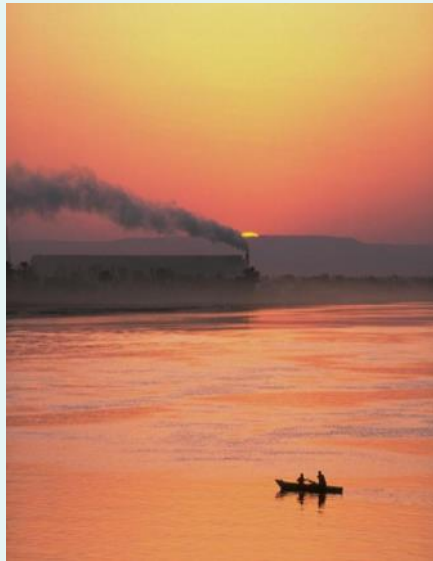
những gì cho thấy một cấp bậc cao hơn của Tịnh Độ, tức là sự liên kết chặt chẽ giữa lòng Từ Bi và sự Giác Ngộ.

Căn bản giáo lý của Tịnh Độ được căn cứ vào ba tập kinh là *Vô Lượng Thọ Kinh*, *A-di-đà Kinh* và *Quán Vô Lượng Thọ Kinh*. Pháp môn Tịnh Độ chỉ chú trọng đến đức tin và sự cầu khẩn do đó thường được xem là một phép tu tương đối "dễ dàng." Dầu sao đi nữa thì phép tu này cũng cho thấy một số trở ngại nào đó không thuận lợi lắm cho việc tìm hiểu sâu xa giáo lý của Đức Phật lịch sử là Đức Thích-ca Mâu-ni.

Thiền Tông hay Thiền Học còn gọi là *Zen* hay *T'chan*. Thiền tông được một vị thầy người Ấn là Bồ-đề Đạt-ma hệ thống hóa tại Trung Quốc vào thế kỷ thứ VI. Thế nhưng người ta thường có khuynh hướng xem Thiền Tông phát xuất từ giai thoại gọi là "niêm hoa vi tiếu" (cắm hoa mỉm cười) từ thời kỳ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tại thế. Trong một buổi thuyết giảng, Đức Phật cắm một cành hoa đưa lên nhưng không nói một lời nào, đại chúng ngỡ ngác, chỉ có một người đệ tử là Ma-ha Ca-diếp mặt bỗng bừng sáng và mỉm cười. Sự yên lặng của Đức Phật và nụ cười của Ma-ha Ca-diếp biểu trưng cho sự quán nhận hiện thực một cách trực tiếp, vượt khỏi tính cách quy ước và nhị nguyên của ngôn từ. Do đó người ta xem Ma-ha Ca-diếp là vị Tổ thứ nhất của Thiền Tông Ấn Độ và Bồ-đề Đạt-ma là vị Tổ thứ 28 mang Thiền Tông vào Trung Quốc.

Thiền Tông có thể xem như một phép tu bằng "đường tắt," và nếu đã gọi là "đường tắt" thì tất nhiên cũng có nghĩa là một con đường "ngắn" và "khó," và đương nhiên đây cũng là những gì ngược hẳn lại với con đường của Tịnh Độ trên đây. Kinh sách đặc thù của Thiền học gần như không có gì ngoài một bộ kinh của Đại Thừa nói chung rất gần với quan điểm Thiền Tông là bộ *Nhập Lăng Già Kinh*, và một số các tập sách khác ghi chép các "công án." Công án là các câu phát biểu hay các mẫu chuyện ngắn mang tính cách "bất ngờ," "phi lý" hoặc có thể là các câu trả lời "ngớ ngẩn" hay "lạc đề" nhằm mục đích giúp người tu tập phá bỏ các ngộ ngại của tư duy, vượt thoát khỏi mọi sự lý luận căn cứ vào các thứ hiểu biết bằng sự ước và khái niệm, hầu giúp cho người hành thiền tiếp cận trực tiếp với bản chất đích thật của mọi hiện tượng. Sự quán thấy trực tiếp hiện thực ấy chính là sự Giác Ngộ.

Học phái thứ ba của Đại Thừa là Kim Cương Thừa còn được gọi là Phật Giáo Tan-tra,



một thừa Phật Giáo rất toàn vẹn, bao gồm toàn bộ căn bản giáo lý của Phật Giáo nói chung từ Tam Tạng Kinh đến các kinh sách Đại Thừa và quan trọng nhất là các kinh sách tantra. Người ta thường hiểu sai và cho rằng Kim Cương Thừa là Phật Giáo của xứ Tây Tạng. Thật ra thì đây là một tông phái rất lớn, chính thức được hình thành và được hệ thống hóa một cách chặt chẽ tại Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ VIII, và sau đó thì được đưa vào các nước thuộc phía bắc Ấn Độ như Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Quốc, Nhật Bản..., và đồng thời bành trướng sang các quốc gia khác về phương nam như Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Nam Dương (Indonesia)..., trước khi các quốc gia này chuyển sang Phật Giáo Nguyên Thủy. Bằng chứng cụ thể về sự hiện diện của Kim Cương Thừa trong toàn vùng này là di tích đồ sộ của Phật Giáo tan-tra tại cư kinh đô Pagan của Miến Điện và ngôi đền Phật Giáo tan-tra lớn nhất thế giới là Borobudur tại đảo Java của Nam Dương.

Tan-tra có nghĩa là "những gì che chở cho tâm thức" tức là giữ cho tâm thức vững vàng không bị các thứ xúc cảm bấn loạn, hoang mang làm cho nó bị phân tán. Những gì khác biệt giữa Tan-tra Thừa và các tông phái khác chính là phép tu tập độc đáo của tông phái này: đây là cách lợi dụng tất cả các sức mạnh của xung năng trong tâm thức để biến chúng trở thành những sức mạnh tu tập hướng vào sự giác ngộ. Thí dụ một gốc cây cho ra những quả đắng và độc hại, thì đối với các tông phái Phật Giáo khác thì phải nhổ bỏ tận gốc, chặt bỏ tận rễ khiến cho nó không còn mọc lại được nữa, thế nhưng đối với Tan-tra Thừa thì người tu tập phải "nuốt" những quả độc đó để chuyển nó thành nguồn sinh lực tinh túy và cực mạnh để giúp mình hướng vào đường tu tập. Tóm lại đây có nghĩa là chuyển tất cả sức mạnh của mọi thứ xúc cảm, kể cả những thứ xúc cảm bấn loạn nhất, thành ra sức mạnh của sự hăng say và trí tuệ. Hơn nữa phép tập luyện tan-tra còn dựa vào nhiều biểu tượng và nghi lễ thật phức tạp (mạn-đà-la, các câu man-tra, v.v.) do đó tu tập Tan-tra hay Kim Cương Thừa phải cần đến sự chỉ dẫn và giúp sức của các vị thầy đầy đủ khả năng.

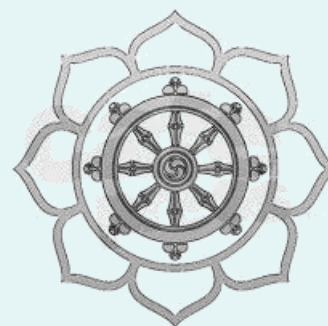
Trên đây là một vài nét phác họa về Con Đường. Phật Giáo Nguyên Thủy tương trưng cho những bước đi thật chủ yếu và vững chắc, do đó rất tinh khiết. Tịnh Độ chủ trương những bước đi "nhẹ nhàng," vì thế cũng có thể sẽ phải cần đến một thời gian khá lâu dài để có thể nhìn thấy mức đến ở cuối Con Đường. Thiên Tông là một chủ trương ngược lại và được xem là khá "khó," phải chủ động được sự vận hành của tâm thức và quán nhận trực tiếp được hiện thực, và do đó cũng có thể đòi hỏi người tu tập cần phải có một vài khía cạnh đặc biệt nào đó phù hợp với phép tu tập này. Sau hết thì Kim Cương Thừa tỏ ra toàn vẹn và tích

cực hơn cả, thế nhưng rất phức tạp và đa dạng, cần phải có một lòng quyết tâm khác thường và sự hướng dẫn của một vị thầy đầy đủ khả năng.

Trên Con Đường đó lúc nào cũng có những người tu tập vừa đi vừa ngoảnh lại, hoặc vẫn còn thích ngắm nhìn những cảnh tượng đủ loại ở hai bên đường. Có những người khấp khểnh phải nương tựa vào nhau mà đi, có những người ngồi xuống để băng bó vết thương cho những người vấp ngã, và cũng có những người đi rất nhanh. Dù sao thì tất cả mọi người trên Con Đường đều có thể bước vào giai đoạn cuối cùng vào một ngày nào đó. Vậy cái giai đoạn cuối cùng ấy sẽ như thế nào?

Càng tiến bước thì Con Đường có vẻ ngày càng trở nên rộng hơn, thênh thang và chan hòa ánh sáng. Thế rồi vào một lúc nào đó, bất chợt người lữ hành sẽ cảm thấy Con Đường biến đổi hẳn đi, tất cả các điểm chuẩn để định hướng hình như đều tan biến hết không còn xác định được đâu là phía trước, phía sau, bên phải, bên trái, bên trên, bên dưới..., vì thế dù có muốn thì người lữ hành cũng không còn bước thêm được một bước nào nữa, và cũng không thể thụt lùi lại được nữa. Người ấy có cảm giác hình như không gian, thời gian, Con Đường và cả chính mình đã trở thành một.

Dù có dùng tâm thức để "quay nhìn lại phía sau" thì người ấy cũng sẽ chẳng thấy "Con Đường" ở đâu cả. Các tông phái trước đây như Nguyên Thủy, Tịnh Độ, Thiên Tông, Tan-tra... cũng biến mất, hay ít ra cũng không còn đủ sức thu hút nữa, tương tự như các trò chơi bắn bi, đánh đáo hay nhảy dây mà người ấy từng say mê ngày còn nhỏ. Tất cả các hiện tượng đều tan biến không còn tạo ra một sự tương tác nào nữa, các nút thắt của quy luật tương liên đều được tháo gỡ, hiện tượng vô thường và quy luật nguyên nhân và hậu quả không còn gây ra một tác động nào. Sự kiện ấy cho thấy là người lữ hành đang đặt chân lên bước cuối cùng trên Con Đường. Sau cái bước ấy thì chẳng có gì để mà sinh ra và cũng chẳng có gì để mà hủy hoại, tất cả đều dừng lại và đình chỉ. Câu chuyện một cuộc phiêu lưu cũng chấm dứt ở đây.



Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



CHẰNG CÒN LÀ QUẢ TRỨNG

Phong trào học thiền Minh Sát, tu Tứ Niệm Xứ ở cố quận giờ phát triển lắm. Kể cũng đáng mừng vì mọi người tu học cái cốt lõi của đạo Phật. Tuy có nhiều vị lại cực đoan phủ nhận hoàn toàn Phật giáo Bắc truyền:

- Đây là chánh pháp và chỉ có pháp này là con đường duy nhất!

Có lần sau thời pháp, thầy lấy quả trứng đập ra tách lòng đỏ khỏi lòng trắng rồi hỏi mọi người:

- Đây có phải quả trứng không?

Mọi người bảo:

- Bạch thầy, không phải quả trứng.

Thầy cười mỉm nói

- Vậy thì quý vị hiểu rồi chứ?

SƠN CA

Bọn xấu đốt rừng, phá núi, săn bắt tàn sát muôn loài, đất đai cày xới tan hoang... Bọn thú rừng kẻ thì chết thảm, kẻ sống lây lất rất thảm thương. Sơn ca đau lòng cất tiếng ca thống thiết kêu gọi sự thức tỉnh:

- Hãy thức tỉnh, các bạn

không thể sống một mình!

Bọn chó săn chim mỗi đánh đập, bắt nhốt sơn ca và dọa:

- Câm mồm, bằng không sẽ chết!

Đồng loại có kẻ khuyên nó im đi. Sơn ca khẳng khái:

- Hát cho đồng loại, có chết cũng cam lòng. Sơn ca mà không hát thì nó đâu còn là sơn ca.

LỮ QUÁN

Họ thương nhau tha thiết, đưa nhau đi chơi ngoạn cảnh khắp nơi và vào trọ một lữ quán vô cùng sang trọng, đầy đủ tiện nghi. Nàng nũng nịu:

- Anh ơi, Em muốn ở mãi đây không muốn về nữa!

Chàng trai nói:

- Anh cũng vậy nhưng chắc chắn không được rồi!

- Sao vậy anh?

- Đừng nói cái lữ quán này mà cái quán trọ đất trời kia mình cũng phải bỏ ra đi bất cứ lúc nào. Mình chỉ là lữ khách, cái mình có thể làm là tích lũy tư lương tốt để nếu có ra đi thì còn vận tốt đến lữ quán mới!

ĐỐI ĐÃI

Từ thuở khai thiên lập địa cho đến giờ, cư dân của Sa Bà luôn xung khắc: tốt - xấu, đúng - sai, ta - địch... Có người viết luận khẳng định:

- Đây là thế giới đối đãi.

Còn nhà hiền triết bảo:

- Hai mặt của một vấn đề.

Vừa rồi có nhà độc tài dùng bạo lực đàn áp mong phế hết để xây dựng một thế giới đại đồng. Nào ngờ thế giới loạn kinh khủng, dân tình điêu đứng, đói kém xảy ra,

nhân tình thế thái suy đồi, mọi thứ điên đảo hết... Dân khóc:

- Thôi, cứ để chúng tôi sống với thế giới đối đãi này!

LẠ

Cố quận trải qua nghìn năm văn hiến; tiếng nói, chữ viết phát triển hai thế kỷ nay. Dân gian và trí thức đều sử dụng tốt, ấy vậy mà vừa rồi có kẻ được sự hậu thuẫn của thế lực ngầm tung ra cải cách:

- Từ nay mọi người phải viết, phát âm theo cách mới!

Người dân phản đối:

- Người lạ tự do vào ra, tàu lạ đâm ngư dân, hàng lạ đầu độc dân, giờ đến học tiếng lạ, phát âm lạ... Toàn những cái lạ độc hại!

Quan dùng quyền uy hiếp:

- Quân phản động dám chống phá à? Triều đình sẽ nghiêm trị!

XỨ SỞ SAMBA

Sa Bà có một xứ sở đẹp lắm, rừng rậm bao la, sông ngòi lớn nhất nhân gian. Người xứ ấy nam phụ lão ấu... đều sống rất cuồng nhiệt, nhảy múa quanh năm, những điệu Samba, Lambada... vô cùng quyến rũ. Họ mê túc cầu và cũng từng bốn lần vô địch, quả là đệ nhất thiên hạ. Họ tự hào:

- Không biết đá banh, nhảy Samba thì không phải là cư dân của bốn bang!

Tuy vậy cũng có kẻ chê đời trụy may mà có người bệnh vực:

- Làm việc tận sức, vui chơi hết mình, kẻ cũng sống một đời đáng sống đấy chứ!

STEVEN N

Georgia, 9/2018



THẾ GIỚI NÀY LUÔN LUÔN “ĐỐI ĐÃI”

Mâu thuẫn thủng áo giáp,
Người rao hàng nói thề.
Nhưng lại có thuần làm mẽ đầu mâu.
Tàu ngầm lại có máy bay sát thủ tàu ngầm.
Máy bay ném bom, bắn phá,
Lại có súng, hỏa tiễn phòng không bắn hạ máy bay.
Chiến hạm bắn phá toi bời,
Lại có hỏa tiễn diệt hạm và thủy lôi phá tan chiến hạm.
Ra-đa phát hiện máy bay,
Lại có hệ thống làm ra-đa “mù mắt”.
Hỏa tiễn tầm ngắn, tầm trung và liên lục địa,
Lại có hệ thống lá chắn phòng ngừa.
Vệ tinh điều khiển dưới đất lại có vệ tinh bắn vệ tinh tan xác.
Tàng hình lại có hệ thống chống tàng hình.
Xe tăng - nữ hoàng chiến địa,
Lại có hỏa tiễn vác vai.
Lúc đó xe tăng biến thành “cua rang muối”.
Trực thăng vận lại có kế hoạch phá trực thăng.
Võ quýt dày lại có móng tay nhọn.
Mưu kế lại có tương kế tựu kế.
Kẻ cắp lại có bà già.
Đoàn kết lại có kế hoạch phá tan đoàn kết.
Liên minh lại có kế hoạch phá liên minh.
Hợp tung lại có liên hoành.
Ăn cướp lại có cảnh sát truy lùng ăn cướp.
Khủng bố lại có kế hoạch triệt tiêu khủng bố,
Gián điệp lại có phản gián lùng tìm.
Tuyên truyền lại có phản tuyên truyền đối phó.
Bệnh quý lại có thuốc tiên.
Đạo binh khổng lồ lại có du kích quân quấy rối,
“Dĩ đoản binh phá trường trận.”
Siêu cường lại có siêu cường độ sức.
Thế võ hiêm hóc cách mấy rồi cũng ngày bị phá.
Võ sĩ vô địch nếu không giải nghệ, sớm muộn cũng bị người ta
quật ngã,
“Cao nhân tất hữu cao nhân trị.”
Thế giới này luôn luôn đối nghịch.
Luôn luôn xung khắc.
Hễ mình nói Không sẽ có người nói Có.
Hễ mình nói đúng tất có người nói sai.
Hễ mình khen tất có người chê bai.
Hễ mình nói phải tất có người nói trái.
Hễ mình nói yêu thì tất có người nói ghét.
Hễ mình nói đẹp thì tất có người nói xấu.
Hễ mình nói đen thì tất có người nói trắng.
Nếu mai đây chúng sinh không bệnh tật,
Thì bác sĩ, dược sư cũng biến mất trên đời.
Nếu lưu manh, trộm cắp chết đi rồi.
Thì cảnh sát giúp gì cho xã hội?
Vạn vật không có gì độc lập.
Phải nương tựa vào nhau mà hiện hữu.





Nếu A và B phải dựa vào nhau mà tồn tại,
Thì A và B đều giả.
Chúng ta đang sống trong một thế giới mộng ảo.
Có đó rồi mất đó,
Trôi lẩn trong nẻo Vô Thường,
Năm nghìn năm với những biến động kinh hoàng.
Nay nhớ lại, còn chẳng vài hạt bụi.
Cho nên bậc Đại Trí không chấp vào tất cả,
Cả những gì đang hiện hữu chung quanh.
Đang lẳng xẵng lớn tiếng.
Ngày nay hình tướng gái trai chưa hẳn muôn đời là như thế?
Vạn vật do duyên-giả-hợp mà thành.
Đàn ông con trai cắt xẻo đi thì gọi là gì?
Đàn bà con gái cắt xẻo đi thì gọi là gì ?
Thôi tạm gọi “ái nam ái nữ”?
Khi hai người chưa yêu nhau còn gọi “đôi trai gái.”
Khi yêu nhau rồi liền gọi “tình nhân.”
Trong đám cưới hai người thành “cô dâu, chú rể.”
Đám cưới vừa xong bỗng hóa “vợ chồng.”
Ở được vài năm chia tay, nhìn nhau xa lạ.
May mắn lắm “cố nhân” ời ta gọi.
Có khi thù, gọi “trái chủ, oan gia.”
Chém giết, phân thân để không còn nhìn nhau nữa!
Vạn vật chuyển động và đổi thay trong chớp mắt.
Loạn sinh ra rồi loạn diệt mất (*)
Như “hoa đóm” giữa hư không. (*)
Trong thế giới “trùng trùng duyên khởi.”
Thế nhưng khi hành giả đã đi vào Chánh Định,
Sẽ thấy bản thể của muôn loài.
Chẳng sinh ra mà cũng chẳng diệt mất.
Chẳng phải Không mà cũng chẳng phải Có.
Nó như vậy là vì nó như vậy,
Mà kinh điển gọi là “như thị.”
Lúc đó “thân và tâm đều vắng lặng.” (*)
Đó là chỗ chứng đắc của ba đời chư Phật,
Hiện tại, quá khứ, vị lai.
Khi hành giả còn chấp Không hay chấp Có,
Chấp Đúng hay chấp Sai.
Thì không bao giờ thấy Phật.
Bởi vì Đúng-Sai là do tâm quay đảo.
Cũng như người mắt đờ thấy “Hoa đóm giữa hư không.” (*)
Bản thể của sự vật từ vô thủy vô chung,
Chẳng có sai hay đúng,
Và cũng chẳng hề có “hoa đóm.”
Muốn thấy Phật thì Tâm phải như gương sáng.
Thấy hết, biết hết mà không bao giờ khởi niệm.
Bởi vì một niệm sinh ra tất có đôi đũa.
Đôi đũa sinh khổ đau và phiền não.
Và trôi lẩn trong sinh-tử, luân hồi.

ĐÀO VĂN BÌNH

(Mùa Vu Lan 2018-PL.2562)

(*) Kinh Viên Giác

Kịch nói

Bức tranh

của GIAO DUYÊN

Lời thưa của người viết: Kịch này diễn ý từ một điển tích Công giáo, đã được phát hình trên Đài số 9, trước năm 1975, và được báo Hòa Bình, qua ký giả kịch trường Hoàng Hoa, nhận định: "Lần đầu tiên một vở kịch được phát hình trong đêm Giáng Sinh lại lồng cả ý nghĩa Phật giáo." Nay xin đăng lại để nhắc đến một trong những điểm tương đồng giữa các tôn giáo.

Bối cảnh: Sài Gòn 1972

Bố cục: Một màn, một cảnh

Các vai:

- ÔNG LÂM (OL): trạc ngũ tuần

- BÀ LÂM (BL): trang lứa với OL

- TƯ RÂU (TR): chừng 40.

Cảnh: Phòng khách bình thường.

- BL ngồi đan áo.

- Chuông đồng hồ ngân nga rồi điểm 4 tiếng.

- OL mặc Âu phục xuất hiện.

BL Hôm nay đi làm, sao về sớm thế?

OL Anh có hẹn gặp một người tại nhà.

BL (Mỉm cười) Một người đẹp?

OL Không, một tên cướp.

BL Anh không đùa đấy chứ?

OL Nó là Tư Râu,

BL (Khẽ giật mình) Tư Râu! Báo nói nó là tên đâm thuê chém mướn, mới ra tù, anh gặp nó làm gì?

OL Chốc nữa anh cũng phải giải thích với Tư Râu, em chờ nghe một lượt. Nó đang trên đường đến đây,

- TR đột ngột xuất hiện. Hàm râu ngang ngược, nói như hét.

TR Đến rồi, chứ không phải đang đến!

- Nhạc bùng lên khoảnh khắc

- OL bất giác thối lui ít bước.

- BL đứng bật dậy, đến nép

bên OL

- OL và BL cùng thốt lên: "Tư Râu!"

TR Chào ông bà Lâm. Tôi đến đây trước cả ông nữa đây.

BL (Lẩm bẩm) Sao thế được, tôi đã...

TR Khóa cửa thì nghĩa lý gì với Tư Râu này chứ. Tôi không đến trước để quan sát, lỡ ra bị ông bà gài bẫy, hay có tên cớm nào quanh đây thì sao?

OL Ông đúng là...

TR Một tên cướp chứ gì. Vậy chẳng cần khách sáo, tôi vào ngay vấn đề: (gằn giọng) ông mượn tôi đâm chém ai, hay bắn giết ai đây?

OL Tôi chỉ mượn ông... làm người mẫu cho tôi vẽ tranh.

- Một thoáng nhạc.

TR (Trố mắt) Cái gì? Ông mượn một tên cướp làm nghệ thuật! (Quát lên) Giỡn mặt với Tư Râu sao?

OL (Nghiêm mặt) Tư Râu, ông ngồi đi! Bình tĩnh nghe tôi giải thích. (Nhỏ nhẹ với BL) Em cứ ở đây nghe câu chuyện.

- OL và BL ngồi xuống ghế dài.

- Đối diện là TR trong ghế bành.

- Nhạc miên man.

OL Tôi là một họa sĩ tài tử, con gái tôi cũng vậy. Trước khi vào dòng tu, nó có vẽ một bức tranh phong theo bức tranh "Tiệc Ly" tả buổi tiệc cuối cùng của Chúa và 12 tông đồ, trong đó có thánh Gio An hiền từ và Giu Đa hung ác, nham hiểm.

BL (Nhỏ nhẹ với OL) Chuyện này em biết, con nó có tâm sự với em. (Nhìn TR, dịu

dàng) Ông Tư Râu, con tôi vẽ thánh Gio An đẹp lắm, vì hợp với tính nết hiền hậu và tâm hồn trong sáng của nó. Nhưng, cũng vì vậy, nó không vẽ được Giu Đa!

OL Nó, (mỉm cười) và cả tôi nữa, không hình dung và cảm nhận được sự nham hiểm và hung ác, nên nét mặt Giu Đa vẫn còn để trống.

TR Tôi hiểu, hình dung và cảm nhận rất cần với họa sĩ.

OL Nhưng khi gặp ông, tôi thấy ngay ông có thể làm người mẫu để tôi vẽ Giu Đa một cách hoàn chỉnh, và...(đầy cảm hứng) nét tương phản với thánh Gio An do con tôi vẽ sẽ tuyệt vời.

TR Câu chuyện của ông rất hay. Nhưng ông thừa biết: chơi với kẻ dữ sẽ gặp chuyện dữ, Căn nhà này ở vùng hẻo lánh, lại chỉ có ông, bà, không tên cướp nào lại bỏ lỡ một cơ hội như thế này. (Vùng đứng dậy, rút súng chia thẳng OL, hét lên) Ngồi yên đó! (Vung tay chỉ BL) Còn bà, vào lấy hết tiền đem ra đây!

- Nhạc hỗn loạn.

- BL luống cuống.

BL Em...em phải làm sao đây?

OL Làm theo lời nó đi!

- BL run rẩy rời sân khấu.

TR Tốt! (Nheo mắt) Ông không tiếc của sao?

OL Tôi xem như trả công ông ngồi cho tôi vẽ.

TR (Cười kháy) Ai bảo ông tôi sẽ ngồi cho ông vẽ?

OL Nếu không, (gằn giọng) tôi sẽ liều với ông! Ông mới được thả ra, bị bắt trở lại là tù một gông đó!

TR (Sau chút ngần ngại) Ngồi mất bao lâu?

OL Không quá 10 phút.

TR Được, ông vẽ đi!

- Nhạc vẫn hỗn loạn.

- OL vội vã đi lấy một bức tranh đặt lên giá vẽ (mặt sau quay về phía khán giả nên không cần phải là bức tranh "Tiệc Ly" thật) với vẻ rất phấn khởi.

TR (Ngạc nhiên) Ông không sợ tôi? Trông ông có vẻ phần khởi.

OL Vì thấy ông đúng là người mẫu tôi cần.

TR Nghĩa là một kẻ tán tậ lượng tâm... (cười lớn)

- BL tái xuất hiện, xấp tiền cầm tay, nhìn TR, ngạc nhiên.

BL Ông cười?

TR Tôi cười mấy ông họa sĩ vợ vẫn! Tôi càng dữ bao nhiêu, bà càng sợ bao nhiêu, thì chồng bà lại mừng bấy nhiêu!

BL (Đặt tiền lên chiếc bàn nhỏ) Tiền đó! Không nhiều đâu, chúng tôi chẳng giàu có gì.

TR Nếu có nhiều đi nữa, cũng chỉ xứng đáng với vẻ hung ác và nham hiểm của Tư Râu này. Phải không, ông họa sĩ? (Lại cười lớn)

OL (Nghiêm giọng) Đừng cười nữa! Ông hãy đến xem bức tranh này. Ông thấy không... (dịu giọng xuống) con tôi vẽ thánh Gio An đẹp quá...

TR (Bỗng giật mình, lẩm bẩm) Ông lấy bức tranh này đâu ra? (Bất ngờ quát lớn) Ông lấy bức tranh này đâu ra?

OL Tôi đã bảo đây là bức tranh con tôi vẽ!

TR Con ông là Marie Huyền Chi phải không?

BL Sao ông biết tên con tôi?

OL (Gằn giọng) Tại sao?

TR Tại vì... (giao động) chính tôi đã làm người mẫu cho con ông vẽ thánh Gio An!

- Nhạc ngưng bật.

BL Chúa tôi!

OL Có thể như vậy sao!

TR Chuyện xảy ra mười mấy năm về trước. Marie gặp tôi ở thư viện, khen vẽ hiền từ của tôi, và đề nghị tôi về nhà để vẽ. Hồi đó nhà ông bà ở Khánh Hội nên bây giờ tôi nhìn không ra.

BL (Khẽ gật đầu) Con tôi có kể qua việc này. Thì ra... ông là John...John...

TR John Tân. (Như nói với chính mình) Một học sinh vô tư, hiền từ, làm mẫu để người ta vẽ Gio An, sao bây giờ lại là...(ray rút) tên cướp Tư Râu hung ác, nham hiểm, làm mẫu để người ta vẽ Giu Đà? Tôi đã

ÁNH GIÁC

(Vật biến thiên tâm thị vĩnh tồn.

物變遷心是永存)

Trùng dương biển thắm gió ngàn khơi,

Ánh giác rạng soi ngập đất trời.

Trực nhận chơn tâm xa bể đắm,

Hằng nghe diệu pháp cạn châu rơi.

Nguồn thiền lặng lẽ mây từ rờ,

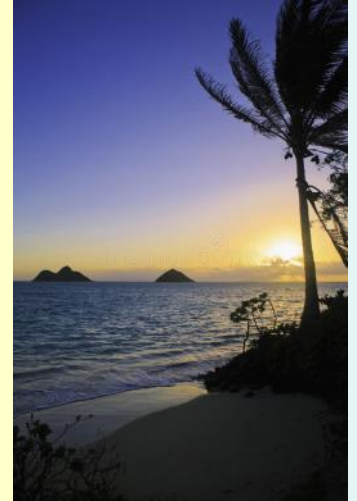
Nẻo đạo thanh thang tuệ mãn khôi.

Vẫy nét thiền thi khai án để,

Có Viên, Đề Thỉnh lặng âm rồi...!

CHÚC HIỀN (cảm đề)

Honolulu, Hawaii, Mạnh Thu-2018



nghĩ gì? Làm gì? Xấu xa? Hay... (hét lên) ngu xuẩn? (Giận dữ đá ngã chiếc bàn nhỏ, tiền rơi tung tóe.)

- Im lặng.

- BL lặng lẽ đi quanh cúi lượm các tờ giấy bạc.

- OL trầm ngâm.

- TR rơi mình xuống ghế, cúi đầu, tay cài vào tóc.

- Bỗng... chuông đồng hồ ngân vang.

TR (Ngẩng lên, như nghe ngóng, lẩm nhẩm) Thay đổi... (lại hét lên) sao tôi lại thay đổi thế này?

- OL đến đặt nhẹ tay lên vai TR.

OL Ông đừng quá giao động. Đời là một dòng thay đổi, đạo đức không phải giữ cho đứng thay đổi mà phải nương dòng thay đổi để đi từ xấu đến tốt, hay từ tốt đến tốt hơn.

BL Đúng vậy, ông Tư Râu. Như chúng tôi đây, đầu dám nói đến câu "yêu nhau mãi mãi," chỉ cố nương dòng thay đổi để đi từ "tình yêu đôi lứa" ngày xưa đến "đạo nghĩa vợ chồng" hôm nay.

OL Ông đã từ người mẫu Gio

An trở thành người mẫu Giu Đà thì ông cũng có thể từ người mẫu Giu Đà trở thành người mẫu Gio An vậy.

TR Ông bà nói đúng lắm...và Marie vẽ đẹp quá! Nhìn hình ảnh tôi qua thánh Gio An cô ấy vẽ, tôi không ngăn được ý muốn trở lại là tôi ngày xưa.

- Một thoáng nhạc.

BL (Đưa TR xấp tiền) Tiền ông đó.

TR Tiền gì tôi? Bà cất đi! (Mím cười) Miễn là đừng quên trả tôi một trăm tiền công ngồi làm mẫu. À... (nhìn OL) ông vẽ tôi đi chứ!

OL Ấy, suýt quên.

- TR ngồi tạo dáng người mẫu
- OL phần khởi chỉnh sửa giá vẽ, cầm cây cọ lên, khẽ nghiêng đầu nhìn TR.

- Nhạc miên man.

TR (Hối thúc) Ông vẽ đi chứ!

OL (Bất ngờ giận dữ) Vẽ cái con khi! Ông bây giờ có vẽ gì là Giu Đà nữa đâu!

- OL vung tay ném mạnh cây cọ xuống bàn.

- Nhạc vút lên.

- Và đầu đây là dư âm tiếng chuông đồng hồ.

- **Màn hạ.**

CỰC LẠC HIỆN TIỀN

Thích Nữ Huệ Trân

Hành giả tu pháp môn Tịnh Độ đều biết có bốn pháp niệm Phật tiêu biểu là: Thực Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật và Trì Danh Niệm Phật. Trong bốn pháp quán này, Trì Danh Niệm Phật thường được số đông hành giả chọn để hành trì vì phương thức tương đối đơn giản hơn. Đây cũng chỉ là quan điểm của đại chúng. Phật thuyết nhất âm, chúng sanh tùy loài giải. Pháp như thế, Phật chỉ dạy như thế, chúng sanh tùy căn cơ mà hành, mà giải.

Tôn chỉ của pháp môn Tịnh Độ căn cứ trên Kinh A Di Đà mà dựng lập, với ba yếu tố căn bản là tín, nguyện, hạnh. Tín phải tin sâu, nguyện phải nguyện thiết và hạnh phải chuyên cần, phải niệm chân thật bằng cả thân, khẩu, ý mới cơ cảm được cùng tâm Phật.

Kinh A Di Đà được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuyên giảng dưới hình thức vô vấn tự thuyết, nghĩa là không chờ ai hỏi, nhưng vì lợi lạc chúng sanh và cũng do hoàn cảnh đặc biệt mà Ngài tuyên thuyết. Trong Môn Kinh Bộ, Kinh Duy Ma, phẩm Phật Quốc, vào thời đó, khi Đức Thế Tôn du thuyết tại thành Xá Vệ thì vua Ba Tư Nặc vì quá yêu kính Đức Phật và tăng đoàn nên đã ban một đạo luật, nội dung: "Là người xuất gia thì dù phạm tội gì cũng không bị trừng phạt." Do vậy mà nhiều thành phần bất lương đã len lỏi vào tăng đoàn để lợi dụng làm nhiều điều bất thiện khiến đã xuất hiện tới sáu nhóm ác tăng mà dân chúng gọi là "Lục quần tỳ kheo." Những vị chân tu không thể chung sống trong môi trường bất tịnh đó nên đã xin Đức Phật cho phép dời đi nơi khác.

Đức Phật bèn khuyến tấn họ nên nhiếp tâm tu thì dù hoàn cảnh xung quanh thế nào cũng sẽ chiêu cảm được tâm Phật để đạt an lạc, không chỉ cho bản thân mà còn chuyển hóa được môi trường xung quanh. Và ngài Xá Lợi Phất được gọi tới, như người đại diện, trực tiếp nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng và giới thiệu Thế Giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, như sự khẳng định, sự hứa khả với những ai có tín tâm bất hoại sẽ được sanh về cõi nước đó.

Lời khai thị của Ấn Quang Đại Sư với hành giả tu pháp môn Tịnh Độ là đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, mặc, từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, chỉ niệm Phật hiệu, không để gián đoạn.

Đại lão Hòa Thượng Hư Vân cũng thường xuyên nhắc nhở người chuyên tu niệm Phật

phải giữ câu niệm Phật như dòng nước, cứ rì rả, liên tục chảy hoài, mới mong đạt tới nhất tâm bất loạn.

Muốn được như vậy, không phải chỉ niệm hời hợt, lơ là, mà trước hết, hành giả **phải có tự lực**, nghĩa là phải quyết tâm tin sâu nguyện thiết chấp trì hồng danh Đức Phật A Di Đà, chiều cảm được tâm Phật, **mới có tha lực** của Phật gia hộ để hành trình về Tây Phương Cực Lạc trọn phần tốt đẹp.

Nhưng trên thực tế, hành giả đơn phương tự lực niệm Phật có thể không dễ, bởi những sinh hoạt đời thường luôn có muôn hình vạn trạng gây nhiễu phiền, xáo trộn tâm tư. Cũng không thể nghĩ cạn cợt về câu "Duy tâm tịnh độ," là tâm tịnh thì thế giới tịnh, mà quên điều quan trọng là tâm chưa tịnh thì phải làm sao chuyển hóa cho tâm tịnh, mới có thể tiến tới bước kế tiếp là thế giới tịnh.

Thế nên, hành giả cần trợ duyên là những ngoại cảnh thanh tịnh và những minh sư, những thiện tri thức chỉ dẫn và đồng hành. Đó có thể là những đạo tràng chuyên tu niệm Phật, do nhân duyên mà hình thành để đáp ứng nhu cầu cho hành giả pháp môn Tịnh Độ. Ở đó, đại chúng nương năng lượng tự lực của nhau để cùng chạm tới được tha lực của Đức Phật A Di Đà.

Mỗi đạo tràng niệm Phật đều tùy căn cơ đại chúng mà có những phương thức riêng cho phù hợp, hầu đạt kết quả tốt. Phương thức nào cũng không đi ra ngoài hai công hạnh là Chánh Hạnh và Trợ Hạnh. Chánh Hạnh là chuyên tâm chấp trì danh hiệu Phật và Trợ Hạnh là vẫn tiếp tục những công việc, phận sự khác, nhưng phải ở trong nội dung tốt lành, hướng thiện, để trợ duyên cho con đường tu tập Chánh Hạnh, bởi vì chúng ta cũng khó mà buông bỏ bốn phận và trách nhiệm với gia đình, với xã hội.

Do lời yêu cầu khẩn thiết của một số liên hữu chuyên tu niệm Phật, Trang Nghiêm Tịnh Độ Đạo Tràng tỉnh Perris, miền Nam California Hoa Kỳ, đã mở ra cơ hội để mọi người cùng kiểm điểm năng lượng tự lực của mình, sao cho "dòng nước cứ rì rả chảy hoài không dứt" trong



ít nhất liên tục 24 giờ đồng hồ.

Phàm không đi thì không tới. Nếu có đi thì dù nhanh hay chậm, suông sẻ hay vấp vấp cũng mới hy vọng sẽ có lúc tới.

Và đoàn hành giả 47 liên hữu đầu tiên cùng cất bước vào một cuối tuần, bắt đầu hành trì từ 2 giờ trưa Thứ Bảy tới 2 giờ trưa Chủ Nhật. Trong thời gian này, những ai tham dự phải buông hết mọi ngoại duyên, không chuyện trò, không điện thoại, không thăm viếng (cổng chính được khóa lại khi bắt đầu tu), không gì ngoài tiếng niệm Phật, niệm ra tiếng hoặc niệm thầm.

Để không gian Chánh Điện liên tục có người niệm Phật, đại chúng được chia thành 4 nhóm, với thời khóa như sau:

Thứ Bảy:

02:00 PM – 02:45 PM: Họp chúng – Sinh hoạt khóa tu

03:00 PM – 05:00 PM: Cộng tu

Đại chúng tụng kinh A Di Đà, niệm Phật, nghe khai thị

05:00 PM – 06:30 PM: Nhóm 1

06:30 PM – 08:00 PM: Nhóm 2

08:00 PM – 09:30 PM: Nhóm 3

09:30 PM – 11:00 PM: Nhóm 4

11:00 PM – 12:30 AM: Nhóm 1

Chủ Nhật:

12:30 AM – 02:00 AM: Nhóm 2

02:00 AM – 03:30 AM: Nhóm 3

03:30 AM – 05:00 AM: Nhóm 4

05:00 AM – 07:00 AM: Cộng tu

Đại chúng tụng kinh A Di Đà, niệm Phật, nghe khai thị

07:00 AM – 08:30 AM: Nhóm 1

08:30 AM – 10:00 AM: Nhóm 2

10:00 AM – 11:30 AM: Nhóm 3

11:30 AM – 01:00 PM: Nhóm 4

01:00 PM – 03:00 PM: Cộng tu (Đại chúng niệm Phật chung)

03:00 PM: Đại hồi hướng.

Viên mãn khóa tu

Liên hữu về tham dự đã tự tìm nhau, thành lập nhóm với sự đồng thuận về phương thức niệm Phật. Nhóm thì cảm thấy an lạc khi liên tục thông thả niệm "A Di Đà Phật", nhóm thì phân đôi, tiếp lời nhau, mỗi bên niệm 3 câu "A Di Đà Phật", có nhóm lại muốn giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, nên chọn phương thức "thập niệm ký số". Nhóm này cũng chia đôi nhân số, mỗi bên niệm 10 tiếng, tiếp nối nhau, không dứt quãng.

Tưởng như vậy đã đủ để phải chú tâm vào tiếng niệm Phật, vậy mà có nhóm lại chọn cách khó hơn, là toàn nhóm niệm 9 câu, một người đại diện nhóm niệm lớn câu thứ 10. Thỉnh thoảng có ai lơ là, đủ 9 câu rồi, còn niệm tiếp là rút ngay vào tiếng của người đại diện, hoặc ngược lại, người đại diện lơ là thì khi trong nhóm ngừng ở tiếng thứ 9, không gian bỗng rơi



vào mây giây im lặng!

Hình thức như thế, mà lạ thay, nhóm nào cũng đủ nhân số để hành trì và tất cả đều đồng thuận một nguyên tắc, là trong thời khắc của nhóm nào đang chịu trách nhiệm tại chánh điện, nếu người nhóm khác muốn có mặt trợ duyên thì cũng phải niệm theo phương thức của nhóm đang trách nhiệm.

Điều này hợp lý thôi.

Thực phẩm cho khóa tu được chuẩn bị những món đơn giản, và ban trai soạn thường dọn sẵn ngoài trai đường, có khăn che phủ sạch sẽ, an toàn. Tuy giờ thọ thực ấn định là 7 giờ sáng điểm tâm, 12 giờ trưa và 6 giờ chiều dùng cơm, nhưng vì là khóa tu niệm Phật liên tục nên ai cảm thấy đói lúc nào thì cứ xá 3 xá, thoải mái tự lấy thức ăn dùng lúc đó. Một bàn trà với bình nước lúc nào cũng đủ độ nóng để pha trà hay cà phê.

Với 4 nhóm liên tục tiếp sức nhau niệm Phật, khi một nhóm đang trách nhiệm thì ba nhóm kia làm gì?

Ồi, điều này mới kỳ diệu!

Không khi nào trong chánh điện chỉ có nhóm đang trách nhiệm, mà luôn luôn nhóm trước xong rồi, vẫn có người ngồi lại, nhóm sau hoặc nhóm kế tiếp sau, chưa tới phiên mà vẫn có người đã ra, nên chánh điện không chỉ có sự hiện diện của một nhóm, mà số lúc nào cũng đông đảo từ 2, tới 3 nhóm.

Điều này hiển lộ tự nhiên chứ không ai rủ ai, không ai gọi ai, mà có lẽ do chính tiếng niệm Phật tự tâm đã gọi, chính lời kinh thường đọc tụng "bất khả dĩ thiếu thiên căn phước đức nhân duyên đắc sanh Tịnh Độ" đã gọi.

Với không gian rộng hơn một mẫu, trong suốt khóa tu, nơi góc sân này, người quét lá lặng lẽ niệm Phật; cuối vườn kia, người nhổ cỏ, trồng hoa, lặng lẽ niệm Phật; hành lang trước, người kính hành lặng lẽ niệm Phật; lối đi sau, người nhặt rác, lặng lẽ niệm Phật; trong bếp, người rửa rau, lặng lẽ niệm Phật, người vo gạo nấu cơm lặng lẽ niệm Phật Bất ngờ giáp mặt nhau ở đâu thì cùng mỉm cười, chấp tay, và "A Di Đà Phật"

Toàn không gian là bức tranh linh động của sự tuyệt đối an lạc, thành thoi trong tiếng niệm Phật



Có phải đây cũng chính là những sinh hoạt đời thường, nhưng nếu hành giả tỉnh giác, chánh niệm thì những sinh hoạt đời thường này không những không chiếm mất thì giờ, không cản trở đường tu mà còn được chuyển hóa, trở thành giờ tu?

Có phải, khi đạt được điều này thì dường như bỗng nhiên chúng ta có thêm nhiều giờ tu, lúc nào cũng là thời khóa tu, bởi vì chúng ta đã giữ được câu niệm Phật ngân vang trong tâm, dù chúng ta đang ở đâu, đang làm gì. Có lẽ khi đó thì "duy tâm tịnh độ" mới đúng nghĩa là "tâm tịnh, thể giới tịnh".

Sống một ngày, an trú trong hạnh phúc an lạc của sự hành trì cũng là sống một ngày.

Sống một ngày trong phiền não khổ đau cũng là sống một ngày.

Vậy sao chúng ta không chọn ngày sống an lạc?

Giờ cao điểm là nửa đêm Thứ Bảy và rạng sáng Chủ Nhật của hai nhóm 1 và 2, tưởng là chỉ có nhóm phụ trách niệm Phật; vậy mà không những chánh điện đông đảo, ngoài sân còn có hành giả kinh hành dưới trăng khuya. Ngược nhìn trăng, hành giả đã phải chậm bước vì ánh trăng đêm rằm này dường như cực kỳ huyền ảo, cực kỳ nhẹ nhàng, cực kỳ thanh thoát. Trăng đang tỏa xuống không gian chỉ có người niệm Phật và tiếng niệm Phật nên trăng đã chiếu cảm mà cùng niệm Phật chẳng?

Ồi, màu nhiệm thay khi cảm xúc vỡ òa những lời tụng nghe, tụng đọc mà chưa đủ cơ duyên để liễu ngộ sâu sa:

**"Tụng kinh giả, minh Phật chi lý
Niệm Phật giả, minh Phật chi cảnh".**

Người tụng kinh rồi sẽ hiểu lời kinh

Người niệm Phật rồi sẽ thấy cảnh Phật.

Lại kỳ diệu nữa là trong khóa tu này đã vô tình hiển lộ một điều mà pháp môn Tịnh Độ thường bị nhìn qua thành kiến là pháp môn của những người già, chỉ niệm Phật để mong lúc ra đi được Đức Phật và Chư Thánh Chúng tiếp dẫn về Tây Phương Cực Lạc!

Trong khóa tu này, đại chúng về tu có ít nhất 3 thế hệ: ông bà, cha mẹ, con cái.

Ông bà, cha mẹ buông những thú vui đời thường trong 2 ngày cuối tuần và tuyệt đối tắt điện thoại 24 giờ thì dễ, chứ thanh niên thiếu

nữ buông điều này, chắc không dễ, dù chỉ là 24 giờ, khi không hề có áp lực nào bắt họ buông cả!

Những người trẻ về tu đều hoàn toàn tự nguyện, và trong buổi pháp đàm ngắn, sau khi hoàn mãn, đại chúng của 3 thế hệ đều nhận ra rằng hành trì Trì Danh Niệm Phật, nghiêm túc và chân thật, cũng là đang hành trì **Tam Vô Lậu Học**, gồm Giới, Định, Tuệ chứ không phải chỉ là ngồi mơ màng niệm Phật suông như khúc gỗ!

Khi ý thức sự niệm Phật chân thật là đưa thân về với tâm thì trong khi miệng niệm hồng danh Đức Phật là hành giả đã đang giữ được **Giới**. Giữ giới trong sạch với tiếng niệm Phật gia hộ, làm sao mà tâm không **Định**. Giới và Định có rồi thì **Tuệ** tất phát sanh, như trong toán học qua phương án "ắt có và đủ".

Một hành giả trên 80 tuổi, thường có mặt trong cả 4 nhóm đã thân thương nhắc các bạn trẻ rằng "Khi nào mệt thì lên lầu nằm nghỉ, nhưng vẫn niệm Phật nhé!"

Lạ thay, khóa tu chỉ cần nhớ niệm Phật, ngoài ra, hoàn toàn thoải mái, đói thì ăn, khát thì uống, mệt thì nghỉ. Nằm nghỉ mà vẫn niệm Phật thì dù cái thân tứ đại có đòi hỏi ta chợp mắt khoảnh khắc nào thì khoảnh khắc đó cũng có tiếng niệm Phật đi theo. Ăn ngủ là nhu cầu bình thường của thân tứ đại nhưng khi ta đã chủ động được những nhu cầu đó thì **ăn chi là ăn để giữ thân, ngủ chi là nghỉ để giữ trí**. Niệm Phật liên tục không ngủ, có lẽ là như vậy.

Những chia sẻ chân tình của đại chúng là những cảm nhận thật mới mẻ, thật sâu sắc, thật phần khởi khiến trước khi chia tay, đại chúng đồng xin Thượng Tọa trụ trì mở khóa tu như vậy mỗi tháng một lần để đại chúng có cơ hội vun bồi năng lượng tự lực.

Nhìn ngắm một đại thụ cành lá xum xuê, xanh cao tươi mát thì dù không nhìn thấy bộ rễ, ai cũng biết chắc chắn rằng rễ đại thụ đó phải to, phải mạnh, phải bám sâu dưới lòng đất mới nuôi cây xanh tốt, mới giữ cây vững vàng trước bão giông.

Hành giả tu pháp môn Tịnh Độ, nếu quyết tâm vắng sanh Tây Phương Cực Lạc, cũng có thể đạt được điều đó. Nghĩa là phải làm sao để tiếng niệm Phật khắc sâu, bám rễ trong đất-tâm thì khi ra đi, bao nghiệp dư, bao oan kết kiếp này mới không xô ta ngã đổ được.

Hưởng chi, Đức Phật còn hứa khả, người niệm Phật chân thật thì dù đã sanh, đang sanh hay sẽ sanh đều được không thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lời Chư Phật khuyến tấn trong kinh như thế, lẽ nào tự nhận là con của Phật mà chúng ta không tin rằng, quyết tâm và tinh tấn tu trì là chúng ta đang kiến tạo cho chính mình một cõi Cực Lạc Hiện Tiền, ngay hiện tại, ngay thế giới Ta-bà này và cũng đồng thời vun trồng đóa sen kỳ diệu trên Tây Phương Cực Lạc cho mai sau.

Trang Nghiêm Tịnh Độ Đạo Tràng tình

Perris, miền Nam California Hoa Kỳ, hẹn hội ngộ quý liên hữu vào hai ngày cuối tuần, mỗi cuối tháng.

Biết đâu, chúng ta bắt đầu với thời khóa 24/24 nhưng phương thức hành trì quá thoải mái, quá thông dong, chúng ta sẽ bước lên từng bậc, chẳng hạn 48/48 rồi 72/72 rồi tuần/tuần, tháng /tháng, năm/năm

Niệm trước không sanh là **TÂM**

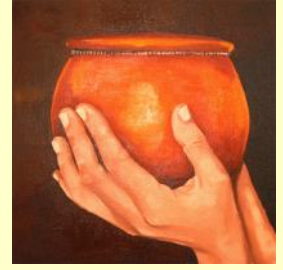
Niệm sau chẳng diệt là **PHẬT**
Niệm niệm mà vô niệm
Thanh thanh mà vô thanh....

Liên hữu đã về tu được 3 lần và đều bất ngờ đạt kết quả tốt.

Nếu mô hình thử nghiệm này có đem lại chút lợi ích nào cho hành giả chuyên tu niệm Phật ở bất cứ nơi đâu, thì kẻ sơ lược tưởng thuật xin thành tâm hồi hướng:

*Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm Phật Tịnh Độ
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có ai thấy nghe
Đều phát Bồ-đề-tâm
Hết một báo thân này
Đồng sanh về Cực Lạc.*

Nam Mô A Di Đà Phật.
Thích nữ Huệ Trân
(Tào Khê Tịnh Thất -
Hạ chí, Mậu Tuất niên)



NHƯ GIÓ CUỐN ĐI

*Cuộc sống vẫn có lúc này lúc khác
Bao thăng trầm vương bận giữa thế gian
Như lòng ta không an định vững vàng
Dễ cuốn hút theo dòng đời chảy xiết.*

*Biết bao kẻ tham cầu mê học thuyết
Người thương căn xem như gió cuốn đi
Duyên cho ai học Phật quyết hành trì
Chẳng chạy đuổi (ngũ dục) mà bỏ quên Chánh Pháp.*

*Lời Phật dạy đừng gây bao nghiệp ác
Làm việc lành khiêm tốn với tha nhân
Cung dưỡng Thầy hiểu kính nghĩa song thân
Hành xử đẹp cho cuộc đời tươi sáng.*

MỘT LÒNG HƯƠNG PHẬT

Kính chúc mừng Pháp Hữu Tâm Huy Huỳnh Kim Quang
vừa cúng dường đại chúng tập sách: Cầm Đức Từ Bi.

*Cầm Đức Từ Bi phước lớn
Một lòng hương Phật chuyên tu
Xóa tan cuộc đời tăm tối
Mở tung cánh cửa ngục tù.*

*Biết bao người đi kẻ đến
Đạo tình luôn mãi còn đây
Sáng trong bút ngòi tâm huyết
Nhớ về Thầy Tổ dạy răn.*

*Đánh lễ chấp tay cung kính
Cúng dường Pháp Hữu thiện duyên
Phương tiện tùy nghi phổ biến
Triển khai Giáo Pháp Chân Truyền.*

(Dallas Texas, 3-9-2018)

thơ TÁNH THIÊN

HƯƠNG VỀ QUÊ HƯƠNG

(LỜI PHÁT BIỂU CỦA MỘT HUYNH TRƯỞNG
TRONG ĐÊM CẦU NGUYỆN CHO QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM)

Tâm Định Nguyễn Xuân Hiệp

Cung kính ngưỡng bái bạch Chư Tôn
Thiền Đức Tăng Ni,

Kính thưa Quý Cô, Chú, Bác, Quý Đồng
Hương, Đồng Bào cùng Quý Anh Chị Em Huynh
Trưởng, Đoàn Viên Gia Đình Phật Tử các cấp.

Chúng con xin được phép đại diện cho
tiếng nói trẻ của Tổ Chức Áo Lam tại Hoa Kỳ,
có những lời xin được thưa như sau:

Nhìn về phía Tây, bên kia bờ Thái Bình, có
một mảnh đất hình cong chữ S, nơi mà Tổ
Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ của chúng con gọi là Quê
Hương. Có thể với một số anh chị em Huynh
Trưởng và Đoàn Sinh trẻ chưa từng được trở về
thăm Quê Cha Đất Tổ nhưng trong tự đáy lòng
vẫn biết được cội nguồn của giống nòi mình.

Độc được lịch sử oai hùng của dòng giống
Lạc Hồng, chúng con tự hào dân tộc ta, cha
ông ta đã không bao giờ khuất phục trước bạo
quyền, trước giặc ngoại xâm. Dù là một nước
nhỏ so với giặc phương Bắc, nhưng dù có trải
qua hàng ngàn năm bị đô hộ, người Việt ta vẫn
nuôi ý tự lập, tự cường để cuối cùng đánh đuổi
lũ Hán tặc ra khỏi bờ cõi nước ta.

Tiếc cho một dân tộc hùng cường, một
Miền Nam yên bình, văn minh, nhân bản, khai
phóng đã bị Khối Cộng Sản cướp đi trắng trợn
và đặt vào một nền cai trị tằm tối, vô lương,
đối trá và đảo điên trong suốt hơn 4 thập kỷ
qua.

Một đất nước đang dẫn đầu trong vùng

Đông Nam Á về mọi mặt từ kinh tế, văn hóa,
đến quân sự thoắt chốc trở thành một trò
cười cho toàn thế giới. Những đối trá lọc lừa trở
thành thói quen từ cao đến thấp, từ lớn đến
nhỏ... để rồi sinh ra những câu nói trào phúng
lưu truyền trong dân gian "Nếu cái cột đèn mà
đi được, thì nó cũng đi."

Đã đến năm 2018 mà những chính sách
bịt miệng, khủng bố với nhân dân, triều cống
và a dua nịnh bợ với ngoại bang vẫn là kim chỉ
nam của những người cầm quyền. Đất đai, biển
đào trở thành những đối chác để trục lợi cá
nhân, ngồi chễm chệ mang tiếng vì dân để tha
hồ vơ vét rồi đem gia đình, bà con, tiền bạc
tuồn hết ra nước ngoài. Những hạng người này
thật đúng là những tội đồ của dân tộc, tệ hại
hơn nữa là những tội đồ của nhân loại.

Có thể chúng con, sanh sau đẻ muộn nên
không thể tận mắt nhìn thấy những đau
thương của dân tộc. Nhưng cũng có những
bạn hết sức lãnh cảm, vô cảm trước nguy cơ
mất nước qua điều luật An Ninh Mạng và dự
luật Đặc Khu Kinh Tế Hành Chánh Vân Đồn -
Bắc Vân Phong - Phú Quốc... nhưng cũng còn
nhiều các anh chị em, các bạn, dù ở Hải Ngoại
hay ngay trong quốc nội đã hiên ngang nói lên
quan điểm của mình và trực tiếp phản đối âm
mưu bán nước của Nhà Cầm Quyền Cộng Sản
cho Tàu Cộng.

Giới trẻ Áo Lam tại Hoa Kỳ, ngoài việc đào
tạo Thanh Thiếu Đồng Niên Trở Thành Phật Tử
Chân Chánh góp phần Xây Dựng Xã Hội Theo
Tinh Thần Phật Giáo cũng không hề làm ngơ
trước hiểm họa mất nước. Các cuộc thắp nến,
xuống đường khắp nơi trên toàn quốc Hoa Kỳ,
hay rộng hơn tại Hải Ngoại đều có sự hiện diện
của màu áo Lam. Những bản lên tiếng của các
hội đoàn, đoàn thể, Giáo Hội Phật Giáo đều có
bàn tay đóng góp của các anh chị em Huynh
Trưởng Áo Lam. Hơn thế nữa, những thỉnh
nguyện, yêu cầu trên mạng mang một thông
 điệp yêu thương, hòa bình nhưng kiên quyết và
chuẩn mực cũng được chuyển tải đến cộng
đồng người Mỹ trên toàn quốc Hoa Kỳ. Chúng
con sẽ tiếp tục đấu tranh, sẽ tiếp tục chuyển
tải thông tin đến các nơi trên toàn quốc, trên
toàn thế giới.

Thưa các Anh Chị Em, các bạn trẻ thân
mến. Một cánh én không kéo được mùa Xuân



nhưng việc cánh én cần phải làm, vẫn phải làm. Hy vọng tất cả các bạn trẻ, các anh chị em Huynh Trưởng và Đoàn Viên trong nước cũng như Hải Ngoại, không phân biệt Ban Hướng Dẫn, không phân biệt hệ thống, không phân biệt Giáo Hội, không phân biệt tôn giáo, không phân biệt tín ngưỡng... Hãy cùng nhau thoát khỏi những xiềng xích của cá nhân, hãy bỏ lại sau lưng những dị biệt, để oai hùng làm một người con Việt, đứng lên trước thế lực Vô Minh, và đòi hỏi Quyền Tự Do, Quyền Làm Người. Nên nhớ, chỉ có người Việt Nam mới có thể cứu được Đất Nước Việt Nam. Tôi tin rằng, với nhiều khối óc, con tim, và tấm lòng trung trinh với quê hương tổ quốc, nước Việt Nam sẽ sớm được thái bình, thịnh trị, và thoát khỏi ách thống trị của chế độ độc tài để đánh đuổi Tàu Cộng về nước của chúng.

Xin cho phép chúng con được gọi vào lời đến các bạn bằng Tiếng Anh:

My dear Vietnamese American friends, my sisters, my brothers. As you should know by now, Vietnam is in extreme turmoil under the Cyber Security Law and Special Economic Zone Draft Law. You are living in America today because of a few reasons:

Your grandparents/parents sacrificed their lives to bring you here. Your parents went to prison after the war and that trade-off was why you are here.

You went to study abroad and decided to stay here.

Regardless of what the reasons may be, we are all Vietnamese and we should never ever forget that. That small country on the other side of the Pacific Ocean smaller than the size the State of California is where we all came from. For that simple reason alone, we cannot turn our backs, we cannot pretend we are not related. We cannot pretend what's going on in Vietnam does not affect us here.

Understand this clearly my friends, Vietnamese American community have contributed greatly into American society from music to arts, from economics to technology, from innovation to national defense. We have some of the brightest minds who are contributing to not only to this great nation, but also to humanity. Our voices matter!!!!

We cannot go about with our schooling, business, work, study and leave Vietnam for others to worry about. Ask yourself, what your parents and grandparents would do under this circumstance? Would they stand up and speak out or would they turn away from their motherland.

Knowledge, pride, and heritage is a continuous process passing down from one generation to the next. What our parents could not do, we have the responsibility to continue. That's what Vietnamese American supposed to

do, that's what we must do.

Don't sleep anymore my friends, stand up with me and get the words out there to the world. Tell everyone around you the story of our motherland. Tell everyone that although you love and respect the Chinese people, you disagree with the aggressive policy of the Communist Chinese Government in Southeast Asia. Tell everyone that you are Vietnamese American and you are fighting within your rights to protect and preserve your motherland so that Vietnamese Communist Government will stop their barbaric action against their own people and stop issuing cowardly policies to sell off our motherland to the Communist China. My friends, my brothers, my sisters, MAKE NO MISTAKE!!! Only Vietnamese people can rescue Vietnam. We must take actions, and we must take actions now.

Lastly, I urge each and every one of you to look into yourselves and ask who you truly are. If you all agree that the blood flowing in your veins belong to your parents and your country, if you agree that Vietnam is a part of us, if you tremble when you see other Vietnamese is being harass, beaten, and imprisoned, then STAND WITH ME, SPEAK OUT LOUD TO THE WORLD, THAT VIETNAMESE AS ONE DEMANDS FREEDOM, SOVEREIGNTY, AND INDEPENDENCE FROM THE COMMUNIST REGIME. WE DEMAND COMMUNIST CHINA TO LEAVE VIETNAM AT ONCE.

AND LASTLY, WE ARE LETTING YOU KNOW THAT WE WON'T STOP THIS MOVEMENT UNTIL OUR DEMANDS ARE FULFILLED.

Thank you for your time.
Trân trọng kính chào quý liệt vị.

Tâm Định Nguyễn Xuân Hiệp



Sóng của hồ

THU NGUYỆT

Không thèm chọn chỗ, tôi ngồi phịch xuống bờ cỏ, ngồi như quăng cái nỗi buồn chán của mình xuống đất. Đến cỏ cũng không được mượt mà! Mặt hồ bình thường lẩn tẩn sóng, lấp lánh nắng chiều như trăm ngàn cái hồ khác trên trái đất, chẳng có đặc biệt gì! Tôi tự an ủi: Dầu sao cũng còn được một chút thanh mát khi có cái hồ này. May mà mặt nước thì không thể nứt nẻ khô khốc được.

Một vùng đất chang chang chát chát. Tôi thực sự buồn nản khi lê những bước chân rã rời gần năm cây số đường đất không có phương tiện giao thông đến nhận công tác nơi đây. Nghề dạy học thời nay đã không quý báu gì, vậy mà còn bị phân công đến một vùng quê cỗi cằn heo hút. Tôi thờ dãi thường xuyên đến nỗi phát sợ phổi mình bị dị dạng.

Còn ngồi trường nữa! Nó mới thảm hại làm sao! Ngày đầu lên lớp, mắt tôi cứ vấp vào mấy mảng phân bò trét mê-mồ làm vách lớp học, khô cong trong nắng. Lũ học trò ồ lên khi nhìn thấy hộp phấn viết bảng nhiều màu tôi mang từ thành phố về. Giờ ra chơi, chúng ủa lên sầm soi như được nhìn kho báu. Tôi phát hết cho mỗi đứa một viên, rồi về nằm lì trong cái chòi dành cho giáo viên đến gần nửa tháng, bệnh quẩn quại!

Chán hoài cũng nản. Rồi tôi cũng ra khỏi cơn sốc buồn chán của tuổi đôi mươi. Tôi tò mò dạo thử một vòng quanh xóm. Đi ngó xong tối về nằm ngủ toàn mơ thấy hồ bom, quần áo rách, chén mè, nồi sứt...!!!

Điều duy nhất an ủi vớt vát là cái hồ nước trong vắt sau hàng gáo cuối xóm. Một

khoảng trời thơ mộng mi ni cho cái tuổi đầy huyền hoặc của tôi. Thế là mỗi chiều tôi có một nơi để đến, dạo chơi loanh quanh, ngắt vài bông cỏ dại, rình mấy con kỳ nhông, khều chọc vài con sâu hoặc ngồi bên bờ nước liêng đất cát xuống mặt hồ và hát nghêu ngao hăm bà lẳng các loại nhạc. Thịnh thoảng một bác nông dân đi làm đồng về gặp, chào tôi: "Cô giáo nhớ nhà ra đây hóng mát hả?" Tôi cười cho phải phép và nhìn theo bàn chân rậm nắng của bác, bất giác buột mắt nhìn xuống đôi chân nhợt nhạt của mình, tâm hồn pha tạp sĩ-nông-công-thương liền nhủ: Chớ dại mà so sánh ngẫm nghĩ điều gì!

Một chiều, tôi ra hồ và trông thấy cậu con trai khoảng mười sáu tuổi. Em đứng trên đôi nạng gỗ, loay hoay với con diều giấy. Vì không thể chạy, nên em dùng một cây trúc dài để treo cánh diều lên chờ gió đến. Tôi lặng lẽ ngồi xuống chỗ của mình, lặng lẽ quan sát, không ý định làm quen, không ý định giúp cho cánh diều tiếp gió. Em loay hoay cố gắng thả con diều nhỏ, bất ngờ té ngã sóng soài trên đám cỏ thưa khô. Tôi đành đi đến chỗ em, giúp em đứng dậy. Em nhìn tôi cười bằng lòng. Tôi chạy diều giúp em và bất ngờ phát hiện ra gió ở đây thả diều thiệt dễ. Trao lại cho em hộp lon quấn dây cước với cánh diều chịu gió, bay thật đảm, tôi buột miệng khen: "Em làm diều ngon lắm!"

Tôi ngồi xuống vệ cỏ, thư thả ngắm bầu trời đang hào phóng thả những ngọn gió quanh cánh diều mỏng mảnh. Em cũng ngồi xuống bên tôi.

Tôi nhìn em cười lạt. Em đáp lại với nụ cười không giống vậy. Rồi không một lời nào nữa, chúng tôi ngồi lơ lửng suốt chiều.

Khi hoàng hôn sửa soạn, em thu sợi dây diều, con diều chao xuống vai tôi, tôi đọc được chữ "chuyển đi..." gì đó trên cái tít tờ báo mà em làm diều và gương mặt cô người mầu bị cắt mất phần trán.

- Minh về thôi chị!

Đêm ấy tôi nằm mơ thấy đĩa bay rơi xuống mặt hồ.

Chiều lại xuống. Tôi lệ thường thả bước ra hàng gáo. Em đã đứng đó, cánh diều thoi, không mang theo cây trúc nữa. Em chờ tôi với vẻ rất tự tin. Tôi lơ lơ ngồi xuống vệ cỏ, thay lời chào bằng cách cất đi gương mặt không thân thiện. Em đến bên tôi trên đôi nạng gỗ, cười hiền:

- Chị ơi, chị chạy diều đi.

Em biết thế nào chị cũng tới.

Cánh diều mong manh mềm mại làm sao, những cái đuôi lú quíu bay lẩn quẩn vào tóc tôi. Tôi đứng dậy. Cánh





điều thư thả bay thật ngọt trong gió chiều lao rao. Em bỏ đôi nạng gỗ, ngồi xuống bên tôi, ngược đôi mắt trong veo lấp lánh sắc hồ giận dỗi. Rồi em chăm chú ngắt những lá cỏ. Tôi nhìn ra hồ, quên sự hiện diện của em. Tôi thả hồn mình bập bênh trên những ngọn sóng, nhớ nghĩ miên man về những điều không cuối không đầu. Nếu với Descartes là tư duy, thì với tôi là những suy nghĩ miên man không đầu không cuối, vu vơ và mê mải. Không có những suy nghĩ miên man vu vơ mê mải ấy, tôi ứ biết mình lấy gì để tồn tại khi trống hoác tư duy.

Chợt giật mình vì có ai đó kéo vạt áo:

- Chị ơi!

Tôi quay lại, em chìa cho tôi một cái thuyền con con bằng lá cỏ.

- Ôi tuyệt quá! - tôi reo lên - Em khéo tay quá!

Em cười thiệt dễ thương:

- Em cho chị đó! Chị thả xuống hồ đi!

Tôi nhào người thả ngay chiếc thuyền cỏ, khoát khoát nước cho thuyền dạt ra xa. "Ồi!" một chú cá nhào lên đớp, tôi hốt hoảng la. Em cười giòn. Tiếng cười trong vắt pha lê. Tôi ngó người rồi cũng cười. Thật dễ chịu khi được cười chung với giọng cười trong veo ấy.

Chiều xuống thật nhanh. Ông mặt trời hụp xuống phía bên kia hồ, vấy lại chút hoàng hôn trên tóc tôi và em. Tôi thay em thu sợi dây điều. Lại nhìn thấy hình một cái máy móc gì đó mới phát minh in trên tờ giấy báo, phía bên kia là hình cô người mẫu bị cắt

mất phần trán.

Tôi đã lần hồi đi qua được mùa xuân với những buổi thả điều thật lý thú và lãng mạn cùng em. Một niềm vui nhẹ nhõm lần la trong lòng khi biết hè sắp đến, tôi sắp được trở về thành phố, gặp lại bạn bè, người thân. Những buổi thả điều bắt đầu bị gián đoạn vì những cơn mưa sớm. Những cơn mưa không đoán được. Khi thì chúng tôi ướt mem vì chạy về không kịp, khi thì về đến nhà rồi lại tiếc nuối ngồi chong mắt ra nền trời vừa phủ đi những đám mây đen, gió lại rất đằm.

Trẻ con bắt đầu mùa đá dế. Tôi hồ hững hỏi:

"Sao em không đá dế?"

Em lặng lẽ cười buồn, đôi mắt đọng màu cặp nạng. Trời trong, mặt hồ hiu hắt dăm vòng sóng, chắt dưới sóng kia cũng chẳng có gì, lòng tôi nghĩ thế. Từ ngày đến đây, chưa bao giờ tôi thấy hồ có những dợn sóng đáng quan tâm.

Một buổi chiều, tôi bất ngờ nhìn thấy cái chòi lá con con, nơi tôi và em vẫn ngồi. Em nhìn tôi, tay siết chặt sợi dây buộc mấy tàu lá chuối khô trên nóc chòi, nói nghe chững chạc:

"Để khi trời mưa chị em mình khỏi ướt, khi trời chuyển mưa mà lại không mưa, chị em mình đỡ tiếc!"

Tôi nhìn em, tự đứng thấy em tiêm ẩn giọng máu Phù Đổng! Lớn hỏi nào tôi hồng hay!

Vậy là những buổi chiều mưa. Hai chị em ngồi bó gối nhìn ra mặt hồ nở hoa bóng nước. Đôi khi tôi kể em nghe chuyện trên trời dưới đất, em thì chẳng kể gì, đa phần là im lặng. Tối khảm phục sự im lặng. Mười sáu tuổi mà biết im lặng!

Tôi về thành phố. Cầm tinh tuổi con cạp nên đôi lần va vào những vấn đề phía trước là tôi quên ngay những vấn đề phía sau, quên ngay

làng quê nhỏ ấy với những đứa học trò nhỏ, người con trai nhỏ, con điều nhỏ, sợi dây nhỏ, chiếc thuyền cỏ nhỏ và căn chòi nhỏ...

Làng quê xưa giờ bỗng trở thành một vùng du lịch sinh thái nổi tiếng. Trong chớp mắt, heo hút thành sầm uất, xấu xí thành ngộ nghĩnh. Đọc lời quảng cáo trên báo, tôi chợt nhớ... Và trong ký ức chao chao lại một cánh điều, mơ hồ vơ vát một sợi dây, lừng lờ con thuyền cỏ...

Vậy là tôi thu xếp cho cả nhà cùng du lịch miền quê.

Tôi bần thần đứng trước ngôi mộ là một trong những điểm tham quan. Bên cạnh là một cái chòi bằng lá chuối khô lạ lùng quen thuộc! Cô hướng dẫn viên giọng xúc động một cách bài bản:

"... Cô giáo về thành phố, không tin tức. Mỗi ngày cậu con trai nhỏ vẫn ra hồ. Cậu ngồi dán những cánh điều và tết những con thuyền cỏ. Những cánh điều không bao giờ thả, nằm sóng soài, dãn tả tơi trên đất. Những con thuyền cỏ treo lủng lẳng; thuyền mới thuyền cũ, thuyền xanh thuyền vàng, tươi úa bên nhau, lắc lư bỗng bênh rồi rắc rơi trong gió. Hai mươi năm như thế..."

Trời! Hai mươi năm?! Cuộc đời này có chẳng cái gọi là "linh cảm"? Tôi đã sống an lành, nhẹ hững bình yên hai mươi năm với đủ mọi thứ "cảm" trên đời, nhưng đã không "cảm" được một tâm hồn, một tình yêu thiêng liêng như thế! Tại vì sao?

Hồ vẫn lao xao sóng. Hồ giờ được người chăm chút, đã khác xưa. Cỏ có xanh hơn nhưng đầy những vết thương vì chân người giẫm đạp. Gió chẳng điều bay gió vẫn đằm đằm. Dầu không ai có thể chăm chút, sửa sang được những con sóng nhưng tôi đã thấy được rồi sóng khác ngày xưa...

Thu Nguyệt

MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

LẦU NẤM

Lầu nấm món chay với hương vị thanh mát, nhẹ nhàng, nhiều chất bổ dưỡng thiên nhiên chắc chắn là lựa chọn đầu tiên cho những bạn đã quá ngán ngẫm những món ăn nhiều chất đạm từ thịt cá. Với công thức và hướng dẫn cách làm lẩu chay sau đây, các bạn sẽ thành công và có được một món ăn thay đổi khẩu vị cho cả gia đình.

Nguyên liệu:

- 2 lít nước
- nấm gan bò vàng
- 3 gram nấm đông cô, táo tàu, kỷ tử, đầu hành; nước tương, muối, tiêu.



Táo tàu, hành lá và kỷ tử



Nấm gan bò vàng

Thực hiện:

- Cắt bỏ chân nấm hương, ngâm vào một lít nước lạnh, ngâm 30 phút rồi xả sạch. Sau đó, cho vào nước đá, ngâm khoảng 15 phút (để nấm giòn và trắng), vớt ra xả sạch. Nếu sử dụng nấm hương khô, bạn phải ngâm nước để nấm nở đều. Hành rửa sạch, chỉ sử dụng đầu hành.
- Đặt nồi lên bếp, cho 700 ml nước lọc vào, cho một lượng vừa đủ kỷ tử, táo tàu, đầu hành, nấm hương vào. Khi nước thật nóng, bạn cho thêm hạt nêm nấm, một ít muối, tiêu và nước tương. Bạn để nồi sôi thêm 5-10 phút và thêm nước nấm gan bò để tăng hương vị của nấm.

Món ăn dùng nóng với mì và các loại nấm, rau tần ô. Ngoài ra, bạn cần chuẩn bị thêm một phần thức ăn chay dùng kèm như: thịt ba chỉ chay, jambon chay, Lạp xưởng chay, cá hồi chay...

(Theo Anchay)



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

QUA ĐÈO HẢI VÂN

Dừng chân trên đỉnh mây mù
Đều hiu quán gió, âm u lối mòn
Chập chùng những núi cùng non
Nghìn năm nghe tiếng trùng dương vọng về.

Đá sêu mưa nắng lê thê
Lặng nghe gió hú sơn khê lạnh lùng
Trời mây một dải mông lung
Còi tàu thét rợn cả vùng hoang sơ.

Chùng trong sương khói phủ mờ
Hồn người thiên cổ vẫn còn đâu đây
Chim bay mỏi cánh dặm dài
Bỏ rừng, bỏ núi thảng ngàng buồn tênh.

Quanh co đồi núi chên vênh
Con đường quốc lộ xuống lên ngại ngừng
Xa rồi mây nước miền Trung
Lòng còn lưu luyến mịt mùng Hải Vân.

Bùi ngùi trong buổi chia tay
Có vẻ mới thấy thương dân tộc mình!
Ngày xưa đánh đuổi ngoại bang
Ngày nay cứu nước anh hùng là ai?

(Trong chuyến về thăm miền Trung, 2018)

MÙA THU SAN JOSE

Thu đã về theo làn gió lạnh
Trời trở mình ử mặt xanh xao
Mây tiễn Hạ về nơi xa tấp
Lững lờ trôi in bóng đáy ao.

Màu tươi thắm rừng xanh! Đã nhạt!
Lá vàng rơi ngập lối cỏ hoang
Chim bay đi bỏ cành xơ xác
Hoa tàn rơi theo tiếng gió ngàn.

Nhớ Thu xưa nai về lối cũ
Ngơ ngác nhìn đồi núi hoang vu
Quanh hơi thu liễu buồn tóc rừ
Bên hồ xanh ngập bóng sương mù.

Chiều đang xuống người đi thưa thớt
Tôi lặng nhìn lân cuối vầng dương
Vàng dương đã nhạt mờ bóng xế
Le lối soi một chút nắng vàng.

Thu hồi Thu! Sao buồn âm đạm
Nắng tàn phai về với hư không
Ngày tàn theo tiếng chuông Chùa đổ
Thương ai còn dầm dãi thu sương!

thơ **DIỆU VIÊN**

ẢNH HƯỞNG CỦA KÍCH THÍCH TỔ LÊN SỰ LỚN CỦA CON NGƯỜI

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



1- Khi nào con người bắt đầu sản xuất Kích Thích Tố?

Sự sản xuất ra estrogens của đàn bà và androgens của đàn ông bắt đầu mấy tuần lễ sau khi thụ tinh và giới tính bắt đầu từ ngày đó.

Androgens kích thích sự lớn lên của dương vật và bìu dái từ những tế bào đã định trước là sau này sẽ thành cơ quan sinh dục nam hoặc nữ. Nếu không có androgens, cơ quan sinh dục phụ nữ sẽ được tạo ra từ những mô bào nguyên thủy. Một điều hơi lạ là mặc dù cơ quan sinh dục nam tạo ra androgens cần thiết cho sự phát triển một nam giới, chức năng của noãn sào hình như không cần thiết để thành nữ giới.

Trước khi sinh, kích thích tố sinh dục có thể ảnh hưởng tới nhiều cơ quan khác chứ không phải chỉ có cơ quan sinh dục. Ngày nay, nhiều nhà chuyên môn cho rằng kích thích tố sinh dục cũng khiến não của thai nhi hóa nam hoặc hóa nữ và do đó có thể góp phần cho sự khác nhau giữa nam và nữ.

Sản xuất ra các kích thích tố sinh dục, kích thích trong đời sống thai nhi bằng các kích thích tố của nhau thai, xuống thấp đáng kể sau khi sinh. Hình như cơ quan sinh dục của đứa trẻ có thể tiết ra kích thích tố nhưng tuyến dưới đồi (hypothalamus) có thể chưa tiết ra kích thích tố cần thiết để tuyến yên (pituitary gland / hypophysis) tiết ra các kích thích tố sinh dục và lý do tại sao thì chưa có lời giải đáp. Chỉ khi tới tuổi dậy thì buồng trứng của người con gái mới bắt đầu tiết ra một số lớn estrogens và ngọc hành của trẻ nam mới sản xuất nhiều androgens.

2- Tại sao trẻ em lại mau lớn như vậy?

Trẻ em đứng hàng đầu về lớn nhanh nhưng tới tuổi thanh niên lại xuống hạng nhì. Vào tuổi này, nam thanh niên cao rất nhanh, khoảng 10.2 cm mỗi năm còn nữ thì độ 8.3cm vào 10 tuổi rưỡi và cao nhất vào lúc 14.

Mỗi phần của cơ thể thanh niên lớn lên theo mức độ khác nhau. Đầu, tay và chân đạt mức độ của người trưởng thành sớm nhất và từ đó lớn một cách không cân bằng trong một thời gian. Chân lớn mau hơn lưng rồi ngưng trong khi đó lưng lại tiếp tục to ra.

Lớn nhanh của thanh niên tùy thuộc nhiều vào kích thích tố sinh dục hơn là somatotropin, một loại kích thích tố tăng trưởng. Trong giai đoạn này, sản xuất của androgens từ nang thượng thận của cả hai giống và trong trứng dái của giới trẻ tăng lên rất nhanh. Và các buồng trứng cũng sản xuất ra estrogens.

3- Người lớn có cần kích thích tố không?

Cách đây mấy năm, một số các nhà sinh lý học cho rằng cơ thể ngưng sản xuất kích thích tố tăng trưởng sau khi con người tới giai đoạn thanh niên.

Ngay cả khi họ đạt tới chiều cao nhất thì tuyến yên vẫn tiếp tục sản xuất ra kích thích tố như khi còn trẻ. Với tất cả các tuổi, sản xuất lên xuống tùy theo hoàn cảnh: chẳng hạn chúng lên nhanh khi vận động, rơi vào giấc ngủ hoặc sắp được giải phẫu.

Khi trưởng thành, hình như công dụng của kích thích tố tăng trưởng không quan trọng lắm.

Cũng nên nhớ rằng kích thích tố tăng trưởng còn có nhiều công dụng khác như là ảnh hưởng tới sự biến hóa cân bản bằng cách tạo ra chất đạm cho cơ thể, tích trữ chất béo để làm nhiên liệu và xử dụng chất tinh bột trong kho của cơ thể. Như vậy ta thấy người trưởng thành không cần kích thích tố để lớn nhưng có thể họ có lợi vì tác dụng chuyển hóa của các chất này.

4- Liệu đàn ông có sản xuất kích thích tố đàn bà?

Ngày xưa, khi các khoa học gia bắt đầu nghiên cứu kích thích tố sinh dục, họ đã cho rằng sự khác biệt giữa người nam và người nữ là tuyệt đối: nam tiết ra một loại kích thích tố còn nữ lại sản xuất một loại kích thích tố khác.

Nhưng ngày nay họ đã biết rằng cả hai đều tiết ra cùng một loại kích thích tố sinh dục. Sở dĩ có sự khác biệt giữa hai giống là tỷ lệ mỗi loại sinh dục nam hoặc nữ. Ở người nam thì androgens nhiều hơn nữ và tỷ lệ này lại ngược lại ở người nữ, ảnh hưởng của estrogens cũng mạnh hơn. Khi các sự kiện trên được khám phá thì androgens đã được coi là kích thích tố nam

và estrogens là kích thích tố nữ. Dân chúng quen với cách gọi đó rồi mặc dù không đúng lắm.

Nang thượng thận của cả hai giống đều sản xuất một số rất nhỏ estrogens và một số lớn androgens.

Ở nữ giới androgens cũng tiết ra từ buồng trứng. Nam giới cũng không những tiết ra androgens mà còn có một lượng rất nhỏ progesterones là kích thích tố sửa soạn cho phụ nữ sẽ có thai.

Các trứng dài cũng tiết ra estrogen mà 1/5 do phụ nữ không có thai sản xuất.

Một điểm rất quan trọng là ở cả hai giới, estrogens đều do kích thích tố testosterone tạo ra một phần.

5- Điều gì làm tiếng nói của nam giới lại trầm xuống?

Vào thế kỷ thứ 17, giọng ca hay nhất của nhà thờ và nhạc kịch là đàn ông. Đó là những đứa bé còn trẻ được thiên để giữ được giọng của thuở thiếu thời. Việc này được bắt đầu vào thế kỷ thứ 16 khi những người nữ bị cấm không được hát ở nhà thờ cũng như trên sân khấu và rất phổ biến cho tới thế kỷ thứ 18 khi mà đa số người nam hát ở nhà thờ được thiên. Sức mạnh của giọng đều do hai dung tích của lá phổi và do con người của họ được thiên nhiên cấu tạo to con.

Câu chuyện về thiên đã nêu ra sự quan trọng của kích thích tố nam testosterone ở tuổi còn trẻ. Chính chất testosterone đã mang lại giọng trầm qua sự lớn của thanh quản và chiều dài gập đôi của dây phát thanh.

6- Bằng cách nào mà kích thích tố nam lại ảnh hưởng tới người nữ?

Dù có một số không đáng kể estrogens có thể tìm thấy ở máu và nước tiểu, đặc biệt là khi ở tuổi thanh niên và cao tuổi, nhiệm vụ của kích thích tố đó vẫn chưa được biết rõ. Và ngay cả tại sao đàn ông lại tiết ra prolactin và progesterone là những kích thích tố của sự có thai và cho con bú.

Vai trò của androgens ở người phụ nữ đã được biết rõ hơn. Kích thích tố nam gây ra ảnh hưởng chính lên nữ ở tuổi dậy thì. Chúng kích thích sự lớn lên ở dưới nách và lông mu, ảnh hưởng tới sự thành hình của âm hộ và cũng một phần nào đó chịu trách nhiệm về sự lớn nhanh.

Ngoài ra, androgens lại gây ra giọng nói trầm hơn của nữ giới và nếu giới này lại bị mụn trứng cá thì cô ta đổ tội cho androgens.

7- Thiếu kích thích tố tăng trưởng.

Khi đứa bé thấp hơn so với số tuổi thì có thể là do di truyền nhưng cũng có thể là do một vấn đề nào đó.

Thí dụ như các bệnh về máu, về gan, vì dinh dưỡng kém, thiếu tình thương hoặc do không đủ kích thích tố tăng trưởng của tuyến yên.



TĨNH LẶNG

*Từng bước chân thiên hành tĩnh lặng
Trong không gian nhịp bước thành thơ
Tâm an nhiên hòa nhập đất trời
Xin cảm niệm phút giây đồng ngộ*

*Ta với người chung nhau nhịp thơ
Bơi đất trời chưa có dịp chia ly
Trời trên cao đất tận hang sâu
Nhưng hít thở cùng nhau chung lối*

*Mỗi bước chân trở về đất Phật
Mỗi tư duy hợp với chân như
Ta vun xới cây tâm vững chãi
Cho mỗi ngày cây trái xinh tươi*

*Trên trời cao mây trắng lững lờ
Trôi thong thả an nhiên tự tại
Đất bao nhiêu tạp khí đổ đầy
Không ưu não vui buồn đổi thay*

*Từng bước chân đi vào tĩnh lặng
Lắng nghe thầm tiếng nói chân tâm
Chim trên cây hát mừng ngày mới
Chào đất trời trí tuệ bừng soi.*

thơ THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

Sau đây là cách giải thích khoảng giữa lúc lên 3 và lên 9, trung bình trẻ lớn lên độ 5.1 cm mỗi năm. Chậm lớn nữa là có vấn đề trầm trọng, cần được các nhà chuyên môn coi. Và gặp trường hợp này phải chích kích thích tố tăng trưởng.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức
www.bsnguyenyduc.com

Chết cũng mang theo

TÂM KHÔNG — VĨNH HỮU

Tôi quen anh khi hai đứa còn làm chung ở công trường thủy lợi huyện. Tôi làm cấp dưỡng. Anh đào kênh phá đá. Có lắm lời bàn tán, dị nghị quanh chuyện tôi và anh bắt cặp với nhau. Những anh trong ban lãnh đạo công trường khuyên nhắc tôi: “Thằng Bính dòng dõi hoàng tộc, con vua cháu chúa, nhà nó chắc nề nếp theo phong kiến lắm, em làm vợ làm dâu không nổi đâu!” Anh em lớn tuổi trong đám công nhân, những người gần bó với tôi qua nhiều công trình thì can ngăn: “Em coi chừng bị gạt. Thằng đó là dân thành phố, em lại quê mùa, hai đứa lại khác nhau tôn giáo, lẽ nào nó lại yêu em, dám kết duyên trăm năm với em?” Có người lại nói thẳng: “Chắc nó chỉ muốn vui chơi qua đường. Hãy thận trọng!” Tôi chao lòng. Tôi nghi ngờ anh. Tôi nhìn anh bằng đôi mắt khác, một đôi mắt dò xét nghi ngại của... công an hình sự.

Nhưng những người bạn thân với anh thì chỉ nói tốt, nói vào “người ta hiền lành, khiêm tốn, trước kia đã từng là tăng sĩ...” Các chị cùng tổ cấp dưỡng với tôi thì khen nức nở: “Khó tìm được một người yêu như vậy. Sống lâu ở công trường với nhau rồi, chỉ thấy tính tốt, nếu giả dối thì đã lộ ra, chớ qua mắt ai được? Đừng nghe lời gièm pha mà đánh mất đi một tình yêu quý hiếm!” Tôi nghe vậy lại thương anh hơn, quý hơn, và tin mình đã không sai lầm. Tôi chỉ còn biết một điều: tôi yêu anh chân tình. Tôi gạt bỏ ngoài tai mọi lời khen chê, nói ra nói vào, để cho trái tim bé bỏng của mình nói lời quyết định. Còn anh, anh chỉ mỉm cười, một nụ cười nhân hậu có thoáng chút lo

lãng, băn khoăn. Anh luôn như vậy, ít nói, nói chắc, và thường cười. Và anh luôn lững thững, ung dung đi trên mọi nẻo đường khi người khác tất bật, hối hả. Tôi cũng là người luôn vội vàng, nôn nóng, đi theo anh mà vượt lên trước anh, phải mất công đứng lại chờ anh, rồi lại nôn nóng vượt lên, lại đứng chờ... Nhưng theo anh hằng ngày, tôi bắt đầu có được sự điềm nhiên, bình tâm trước mọi tình huống. Nhiều khi tôi làm lửa để thử tuổi vàng nơi anh, cũng lắm lúc tôi làm ma vương quỷ sứ để thử cái tâm trong sáng như gương mà anh thường lau chùi. Tuy vậy, anh thử thách tôi nhiều hơn là tôi thử anh, mà một lần thử là đáng một lần, nếu quả thật tôi không dành cho anh một mối tình chân thật, thì tôi đã bỏ cuộc, đưa tay đầu hàng khi không chịu đựng nổi những thử thách của anh... Vậy mà tôi đã vượt qua, vượt qua trong kiên nhẫn qua bao lần anh đưa tôi vào vòng vây của chông gai kỳ dị, đau khổ... để rồi trở về bình an cả thể xác và tâm hồn, kề cạnh bên anh như hình với bóng. Hai đứa tôi đã chiến thắng. Một chiến thắng không dễ khi tôi đã đến chùa làm lễ quy y Tam Bảo, ở lại một tháng học kinh, làm công quả, hằng ngày ra vào cõi già lam để nghe lời giáo huấn của Ni Sư trú trì và các sư cô. Tôi tự nguyện đi theo con đường Đạo mà mình thấy thích, thấy kính trọng, tuyệt nhiên không ai dẫn dụ lôi kéo mình. Tôi cũng tự nguyện đi theo anh, tin ở nơi anh, bằng trái tim luôn mách bảo những điều an lành.

Và, nụ hôn đầu tiên mà

tôi và anh đã trao nhau là nụ hôn mừng chiến thắng sau thời gian dài thử thách. Tôi nhớ nụ hôn ấy suốt đời...

Tôi theo anh về nhà ở thành phố xô bồ, sẵn sàng đương đầu với những thử thách mới, thử thách làm dâu nhà người. Có anh một bên, tôi không sợ bất cứ điều gì trên đời, kể cả nhảy vào lửa bóng dầu sôi.

Không có thử thách gì cả ở cái chốn mà tôi lo ngại sẽ gặp lắm chuyện cay đắng, chát chua. Nhưng tôi cảm thấy lạc lõng, chơ vơ giữa lối sống ồn ào sôi động của người dân thành thị, nhất là những khi không có anh bên mình. Một thôn nữ cục mịch ngốc nghếch như tôi đã không thể hoà nhập vào bữa tiệc chung vui đông đảo người thân bên gia đình chồng. Tôi cũng không thể hít thở cùng một không khí cởi mở của các cuộc trò chuyện rôm rả, huyền thiên với các chị em gái của chồng, cũng như các chị em bạn dâu khi nói về thời trang, về nghệ thuật nấu ăn, về văn thơ nhạc hoạ... Tôi đâu biết gì mà tham dự. Tôi mù tịt những chuyện thường tình nhất, cho nên tôi chỉ ngồi nín thinh, gật và lắc đầu. Nhà chồng ai cũng cho rằng tôi quá thật thà đến mức khờ khạo. Tôi không phủ nhận điều nhận xét chính xác ấy. Tôi là vậy. Và chồng tôi thích tôi ở điểm ấy. Anh cười khi nghe người khác đánh giá tôi như vậy. Anh thích tôi khờ khạo, bình dị, mộc mạc, vì có như vậy tôi mới là của chỉ riêng anh muôn đời. Anh sợ một người vợ se sua phù phiếm. Anh sợ một người đàn bà, một người bạn trăm năm ranh rỏi, ranh mãnh, điều ngoa, và dễ trở thành của người khác. Anh yên tâm hơn khi qua một thời gian tôi về sống chung với anh, ở chung với những người thân của anh, tôi không hề thay đổi tâm tính, vẫn như thuở hai đứa mới quen nhau. Anh thích vậy. Nhưng, đã có lời gièm pha, đàm tiếu về nàng dâu quê mùa truyền tai nhau từ những phụ nữ trong nhà. Họ nói tôi đóng kịch. Họ bảo rằng

tôi đang chôn giấu bên trong một lò lửa hung tợn có thể đốt cháy tam thiên đại thiên giới. Họ bảo rằng tôi đang từ từ nắm lấy quyền bính từ tay chồng. Họ thù ghét, tưởng tượng ra nhiều thứ lắm. Tôi nghe được, tôi buồn đến bỏ cơm. Anh nghe được, anh cười. Anh xem những lời bóng gió thù ghét ấy không bằng một lặng nào. Anh trấn an tôi: "Những lời gièm pha thù ghét, ác ngôn vọng ngữ của người đời, chỉ như những chiếc bambarang vũ khí của thổ dân Úc, chúng được ném đi và sẽ quay trở về lại nơi chúng xuất phát!" Chồng tôi thường đem những điều hay điều đẹp trong giáo lý nhà Phật ra để nhắc nhở, diu dắt tôi giữ vững bước chân của mình mỗi khi tôi gặp tình huống gay go, căng thẳng. Điều ấy đã an ủi tôi, giúp cho tôi thêm sức mạnh, sự nhẫn nhịn cần thiết để trụ lại cái chốn xa lạ đối với mình...

Riêng mẹ chồng tôi, người mà người ta đồn đại là nghiêm khắc, là phong kiến số một, là một phụ nữ quý phái và tài hoa, đối với tôi là một hình tượng thiêng liêng ghé gối, tôi sợ đến mức không dám lại gần. Trong khi đó các chị em bạn dâu của tôi luôn luôn sẵn đón, lấy lòng bà. Bà thỉnh thoảng hỏi thăm tôi, chỉ dạy cho tôi nấu các món ăn, không lạnh nhạt cũng không thân mật. Tôi nghe mọi người, những người trong giới tăng ni Phật tử, nói nhiều về bà mẹ chồng của mình. Bà rất nổi tiếng. Bà là một Phật tử thuần thành, một nữ thi sĩ đã tặng cho đời vài bài thơ bất hủ, một nhiếp ảnh gia của chùa chiền lễ hội. Người ta khen bà đạo hạnh, nghiêm trang, quý phái, tài hoa. Và người ta vì ghen ghét đố kỵ, nên cũng chê bà là hà khắc, là cổ hủ phong kiến, là kiêu ngạo khinh người. Tôi nghe hết, và nhớ năm lòng. Có một bà mẹ chồng như lời người ta đồn đại như vậy, hỏi một thôn nữ khờ khạo như tôi tránh sao không kính sợ? Tôi sợ bà lắm.

Khi tôi sinh được đứa con đầu lòng, đứa con mang họ hoàng phái, mẹ chồng tôi rất thương cả tôi lẫn cháu nội của bà. Bà gần gũi hơn, thân thiện hơn trước. Bà thường bảo ban, chỉ dạy cho tôi cách nuôi dạy con khỏe, con ngoan. Từ ngày có con, chồng tôi làm việc hăng say hơn, thu nhập nhiều thành công hơn trên văn đàn, trên làng báo. Tôi chỉ việc nuôi con, chăm lo cơm nước. Mẹ chồng tôi rất vui mừng khi thấy hai vợ chồng tôi sống êm ấm. Bà thường ghé lại tổ ấm của chúng tôi, động viên khích lệ, khuyến răn đủ điều, chăm lo từng chuyện nhỏ nhặt, chỉ cốt cho hai vợ chồng tôi được thêm sinh khí, được thêm lòng tin yêu cuộc sống. Khoảng cách giữa tôi và mẹ chồng, một khoảng cách mà trước nay chính tôi đã giữ lấy một cách thận trọng, đã dần dần được rút ngắn. Chắc hẳn rằng ai đó trong gia đình, nếu có lòng ghen ghét tôi từ trước, sẽ phải nổi cơn ganh tức khi biết mẹ chồng tôi đã và đang gần gũi với người con dâu quê mùa cục mịch. Nhưng chẳng ai biết được điều ấy. Vì mẹ chồng tôi rất kín đáo, tế nhị. Chồng tôi giống rất tính của bà, không nói nhiều mà lặng lẽ làm. Chỉ có tôi biết bà thương tôi đến

mức nào. Chồng tôi cũng chẳng hay, anh chỉ biết được chuyện khi tôi kể lại vào những lúc nằm bên nhau...

Tôi còn nhớ, sáng mùng một Tết năm ấy, hai vợ chồng tôi chưa kịp áo quần cho chỉnh tề để đi chúc thọ mẹ, thì mẹ chồng tôi đã bước vào phòng riêng của chúng tôi trong chiếc áo dài đơn giản mà sang trọng. Bà ghé trước khi đi lễ chùa đầu năm. Một cái nhìn âu yếm, một nụ cười nhân hậu, cũng đủ làm cho tổ ấm của chúng tôi như vừa được vuốt ve ấm áp. Bà không đợi dâu con chúc tụng, mà mở lời chúc trước. Chồng tôi ôm hôn mẹ. Bà quay sang tôi, đưa tay khẽ kéo đầu tôi về phía bà. Và, bà hôn một nụ hôn lên trán tôi. Bà bước đi, lặng lẽ, không nói thêm một lời nào. Tôi bàng hoàng, nghẹn ngào với hạnh phúc râm ran. Vâng, mẹ chồng tôi đã hôn tôi. Chỉ có chồng tôi tin, vì anh chứng kiến. Tôi kể, tôi khoe với hàng xóm quê tôi, một trăm người hết một trăm người không tin, và hết một trăm người đều trả lời là "chưa hề được mẹ chồng hôn bao giờ." Họ cho là chuyện viễn tưởng, trong mơ cũng khó có được. Nhưng tôi đã được.

Và, tôi mang nụ hôn này suốt đời, chết cũng mang theo...





CON VỀ BÊN PHẬT

(Kính tặng Ni sư Thích Nữ Giới Hương)

*Con về quỳ dưới Phật Đà
Mà nghe mâm Đạo tỏa ra bốn bề
Tĩnh tâm lòng hết si mê
Từ bi, độ lượng Phật về mười phương*

*Con về xin lại tình thương
Bên Thầy, bên bạn vẫn vương đậm đà
Từ trong tâm thức tỏa lan
On Thầy, nghĩa bạn đây tràn tình thương*

*Con về đốt nén trầm hương
Mùi thơm lan tỏa mười phương ta bà
Lắng nghe kinh tụng Pháp Hoa
Thân tâm tĩnh lặng ta tìm thấy ta*

*Con về nghe tiếng kinh cầu
Câu kinh Bát Nhã để hậu tu thân
Từ nay dứt bỏ lòng trần
Con xin tìm đến bên chân Phật Đà*

*Con về quỳ dưới Phật Đà
Xin Ngài độ lượng, vị tha lỗi lầm
Hư không một cõi hồng trần
Ngộ ra mới biết... giác chân vĩnh hằng.*

thơ

TÂM TƯỜNG - LÊ ĐÌNH CÁT

Hương Sen, Mùa Phật Đản, P.1. 2562

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 8 Từ 11 đến 17/9/2018 tại Honolulu, Hawaii

BÌNH SA



Honolulu, Hawaii (Bình Sa) - Tại Khách sạn Ala Moana Hotel, Honolulu, Hawaii Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 8 đã long trọng diễn ra từ ngày 11 đến ngày 17 tháng 9 năm 2018 do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada tổ chức tại Khách sạn Ala Moana Hotel, Honolulu, Hawaii. Hòa Thượng Thích Thông Hải, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ, kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội, Viện Chủ Tu Viện Chân Không tại Hawaii, và Tu Viện An Lạc tại California làm Trưởng Ban Tổ Chức, với sự tham dự hơn 500 chư tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử học viên về từ khắp các Tiểu Bang Hoa Kỳ, Canada, Âu Châu.

Ngày 11-9-2018 rộn ràng như ngày hội lớn: từng đoàn người đã tập trung về khách sạn để tham dự khóa tu học, mọi người gặp nhau tay bắt mặt mừng, chào hỏi nhau trong tình thân quen của những người con Phật cùng chung mục đích đến đây để học hỏi tìm hiểu những lời Phật dạy.

Sau khi ghi danh, lấy phòng, ổn định mọi việc, tất cả mọi người đều tập trung về Tịnh Xá Trúc Lâm tại Ala Moana Park để dùng bữa cơm

trưa. Tại đây ban tổ chức đã dựng lên những dãy lều thật lớn giữa khu park mênh mông dưới rừng cây cổ thụ bên cạnh bãi biển trong thật thơ mộng, trong lúc này từng nhóm người quên ăn, chia nhau chụp hình kỷ niệm.

Vào lúc 7 giờ tối tất cả mọi người tập trung về chánh điện để nghe ban tổ chức thông qua chương trình và nội qui của khóa tu học.

Chánh điện được thiết lập trong hội trường Hibiscus Ballroom, một hội trường lớn sức chứa khoảng 1000 người. Trên chánh điện, pho tượng Đức Phật Thích Ca tọa thiền thật lớn thếp vàng trông thật uy nghi. Ban tổ chức đã khéo trang trí làm cho mọi người bước vào hội trường như vào một ngôi chùa lớn. Theo HT. Trưởng ban tổ chức cho biết pho tượng đó là do Ngài Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Sil-lanka Tích Lan gửi tặng.

Chương trình khóa tu học gồm có các lớp học dành cho chư Tăng Ni, và các lớp học dành cho Phật tử; ngoài các khóa học Phật tử còn tham dự các khóa pháp thoại tại hội trường chánh điện.

Điều hợp chương trình sinh hoạt khóa tu học do các Thầy: Thích Hạnh Tuệ, Thích Quảng





Văn, Thích Tịnh Mãn, Thích Thiện Lợi.

Nghi thức khai mạc bắt đầu vào lúc 9 giờ sáng Thứ Tư ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại hội trường chánh điện.

Lễ khai mạc dưới sự chứng minh của: HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành, GHPGVNTN/HK, HT. Thích Bốn Đạt, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/Canada, HT. Thích Nhật Quang, Đệ Nhị phó Chủ Tịch HĐĐH/GHPGVNTN/HK, HT. Thích Minh Mẫn, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK, HT. Thích Minh Dung, Tổng Vụ Trưởng, Tổng Vụ Văn Hóa, Phụ tá Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK,... cùng các chư tôn đức giáo thọ như: HT. Thích Thái Siêu, HT. Thích Nguyên Siêu, HT. Thích Thông Hải, HT. Thích Đồng Trí, Thượng Tọa Thích Tâm Thiện, TT. Thích Nhật Châu, Ni Trưởng Thích Nữ Giới Châu, Ni Sư Thích Nữ Nguyên Thiện...

Mở đầu buổi lễ, Ban tổ chức cung nghinh chư tôn đức quang lâm chánh điện.

Sau đó là nghi thức Hô Chuông Cầu Nguyên, Niệm Phật cầu gia bị.

Tiếp theo là Diễn văn khai mạc của HT. Thích Thông Hải, Trưởng ban tổ chức. Mở đầu HT. ngỏ lời chào mừng và cảm ơn Chư tôn đức Tăng, Ni và Phật tử từ xa về hải đảo, mặc dù HT. hết sức cố gắng nhưng không sao tránh khỏi những sơ sót xin quý ngài cũng như quý vị thứ lỗi cho. HT. tiếp, "Giáo pháp phải được học để được thăng tiến trên con đường thánh thiện, hãy lấy trí tuệ làm sự nghiệp cho đời mình. Chính vì vậy mà chúng ta đã có những khóa tu học được tổ chức hằng năm..." Trong dịp này HT. cũng đã cho biết về những khó khăn, giá cả đắt đỏ tại hải đảo này, sự chi phí cho khóa tu học gấp đôi so với việc tổ chức tại đất liền. HT. nói: "Nếu không có sự khuyến khích, giúp đỡ tận tình của Chư tôn đức chắc chắn tôi sẽ

không tổ chức được khóa tu như ngày hôm nay."

Tiếp theo Huấn từ của HT. Thích Nguyên Trí. Trong lời huấn từ HT. đã nhắc đến Trưởng Lão HT. Thích Thăng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm, vì lý do sức khỏe Ngài không về tham dự được, nhưng lúc nào Ngài cũng quan tâm đến vấn đề tu học; sau đó HT. chuyển lời chúc mừng và cảm ơn của HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK vì bận công tác Phật sự không về tham dự được. HT. đã ca ngợi những cố gắng của HT. Thích Thông Hải và Ban tổ chức Khóa Tu Học Bắc Mỹ lần thứ 8 đã tổ chức chu đáo sau một thời gian dài chuẩn bị, thay mặt Giáo Hội xin tán thán công đức của HT. Trưởng ban và các thành viên trong ban tổ chức. HT. cũng đã cảm ơn chư tôn đức Tăng Ni cùng đồng hương Phật tử đã không ngại đường xá xa xôi, sự khó khăn từ đất liền đến hải đảo để về tham dự khóa tu học này.



Sau đó là lời Huấn từ của HT. Thích Bốn Đạt, mở đầu HT. cảm ơn HT. Thông Hải, cảm ơn GHPGVNTN/HK đã tổ chức khóa tu, để Phật tử Canada có cơ hội tham dự. Riêng với Canada, HT. chưa dám nghĩ đến việc tổ chức như thế này được, xin quý ngài cùng quý vị thông cảm cho.

Tiếp theo Đạo Từ của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thăng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK (vì lý do sức khỏe Ngài không đến dự được nên HT. Thích Minh Dung thay mặt đọc lời Đạo từ của



Ngài gửi đến khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần Thứ 8 trong đó có đoạn: *"Khóa tu học Phật pháp Bắc Mỹ hằng năm, nơi câu hội của Tăng Già và Cư Sĩ. Chúng ta đến với nhau để thêm một lần nói cho nhau rằng, chúng ta là một cộng đồng Phật giáo nhỏ nhoi và mới mẻ nơi châu lục Bắc Mỹ. Giữ đạo, hành đạo và sống đạo là một điều lắm khó khăn cho những người tỵ nạn, di dân đến vùng đất mới này như chúng ta. Do vậy, sự hội tụ hôm nay không chỉ nói lên sự tu học của người đệ tử Phật mà còn nói lên sự nương tựa vào nhau của một cộng đồng Phật Giáo Việt..."*

Tôi năm nay hơn 90 tuổi, sức khỏe không cho phép đi xa được, nhưng lòng tôi hướng về khóa tu học. Tôi đang ở cùng với quý vị. Tôi tin tưởng rằng Tăng, Ni và Phật tử Việt sẽ làm rực sáng một đạo Phật trên đất Mỹ. Chúng ta đang nỗ lực thực hiện tâm nguyện Bồ Tát Đạo, nguyện rằng: Thượng Cầu Phật Đạo hạ Hóa Chúng Sanh, học Phật để sống theo Phật và cảm hóa người quanh ta sống như ta..."

Sau đó là nghi lễ cầu nguyện chính thức bắt đầu dưới sự chủ lễ của HT. Thích Nhật Quang.

Trong khi lễ cầu nguyện thì ngoài trời mưa bão. Hệ thống truyền thông đã kêu gọi mọi người phải cẩn thận khi di chuyển, vì vậy nên chương trình thọ trai tại Tịnh xá Trúc Lâm phải tổ chức ngay trong hội trường; nhưng sau đó thì cơn bão đã di chuyển sang hướng khác nên mọi sinh hoạt của khóa tu được trở lại bình thường theo chương trình đã quy định.

Sau chương trình khai mạc, các lớp học dành cho Tăng, Ni và Phật tử được các vị giáo thọ hướng dẫn riêng tại các phòng hội nhỏ của khách sạn.

Chương trình giảng dạy Phật Pháp bao gồm từ giáo lý cơ bản đến chuyên môn. Nếu có thể tham dự đều đặn tất cả các Khóa Tu từ trước đến nay và chịu khó lắng nghe, tiếp thu đầy đủ, thì người tham dự đã có được vốn liếng Phật Pháp căn bản làm tư lương tri kiến cho con đường tu tập lâu dài. Chương trình học Phật còn có những thời khóa thảo luận Phật Pháp dành cho chư Tăng, Ni và thời khóa vấn đáp Phật Pháp dành cho tất cả học viên Phật Tử tham dự.

Chương trình Tu trong các Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ bao hàm Thiền, Tịnh và Mật, là ba pháp môn tu tập theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam từ ngàn xưa đến nay. Trong Khóa Tu có thời khóa giảng dạy, hướng dẫn và thực hành Thiền Định, Tịnh Độ và trì chú. Ngoài ra còn có thời khóa hành thiền trong chánh niệm bằng cách đi một vòng lớn khắp khách sạn trong im lặng để cho thân tâm được buông xả nhẹ nhàng.

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ là điều cần thiết. Đây là cơ hội quý giá để trang bị cho mình những kiến thức Phật Pháp cơ bản làm ngọn đuốc soi đường trong cuộc sống và trau dồi nội lực tu tập để có thể tìm được sự an lạc

ngay trong đời sống thường ngày.

Đặc biệt trong khóa tu học ban tổ chức có chương trình Lễ Hội Hoa Đăng, thắp nến cầu nguyện cho thế giới hòa bình cho Việt Nam sớm có tự do, dân chủ, cho các cơ bão tại tiểu bang Hawaii được lắng dịu.

Ngoài các lớp tu học riêng còn có buổi thảo luận Phật pháp chung giữa quý chư tôn đức tăng ni và Phật tử tại hội trường lớn.

Ngoài chương trình tu học còn có lịch trình hướng dẫn Phật tử đi thăm các danh lam thắng cảnh trong đó có: xem show Germaine's Luau, Sunset Cruise Dinner, dùng cơm tối và xem Magic of Polynesian Show, tổ chức lễ cầu nguyện tại cây Bồ Đề 105 tuổi, thăm quan Trân Châu Cảng, Pali Look Out, Thăm Thiền Viện Chân Không và Vịnh Cá San Hô Hanauma Bay, Làng Văn Hóa, Chùa Nhật Bản, thăm Tropical Farm, mua và thưởng thức café đặc sản Hawaii, Dole Plantation...

Lễ bế mạc diễn ra vào lúc 2:30 chiều Chủ Nhật 16 tháng 9 năm 2018 tại hội trường (chánh điện).

Trước khi lễ bế mạc bắt đầu là lễ Khất Thực và cúng dường trai tăng đã được tổ chức tại Tịnh xá Trúc Lâm (Ala Moana Park), tại đây đồng hương Phật tử đã sắp thành hàng dài dưới những tàng cây cổ thụ để thực hiện nghi thức cúng dường trai tăng đến chư tôn đức tăng ni.

Sau nghi thức Khất Thực tất cả tập trung về hội trường để tham dự lễ bế mạc.

Khoảng 600 chư tôn đức tăng, ni, các học viên và đồng hương Phật tử tại địa phương tham dự.

Đặc biệt trong lễ bế mạc có sự tham dự của Đại lão Hòa Thượng Tăng Thống Chandrasiri Maha Thero đến từ Sri Lanka, Tích Lan; Hòa Thượng Dhammasiri Maha Thero, Tăng Trưởng Tu Viện Phật Giáo tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn USA; Hòa Thượng Giáo Sư Dhammananda Thero tại University of Kelaniya, Sri Lanka, cũng là Viện Trưởng Walpola Rahula Institute, Sri Lanka, Tích Lan. Ngoài ra còn có sự hiện diện của các giới chức chính quyền địa phương,





các hội đoàn đại diện các sắc tộc, một số cơ quan truyền thông địa phương.

Mở đầu buổi lễ, HT. Trưởng ban tổ chức giới thiệu quý vị quan khách ngoại quốc tham dự.

Trong lời cảm tạ bề mạt, HT. Thích Thông Hải đã nói: "Chúng ta là nơi chôn nhau cắt rốn, nhưng Phật Pháp không bao giờ rời xa chúng ta, HT. cảm ơn Đức Tăng Thống và quý vị trong phái đoàn Phật Giáo Tích Lan, HT. không quên nhắc lại những ngày cứu trợ tại Tích Lan HT. đã được Đức Tăng Thống hướng dẫn đưa HT. vào Phủ Tổng Thống để xin hỗ trợ trong chuyển công tác cứu trợ.

Cảm ơn HT. Thích Nguyên Trí, quý ngài trong Giáo Hội, cũng như quý ngài trong ban giáo thọ và những Phật tử đã đóng góp công sức cho khóa tu học được thành tựu viên mãn, trong niềm xúc động HT. không ngăn được những giọt nước mắt trước khi nói lời chia tay mỗi người về lại trú xứ của mình. HT. tiếp: "Quý Ngài là hình ảnh của một người cha đối với chúng con, thương quý ngài tuổi già, sức yếu bệnh hoạn nhưng lúc nào cũng nghĩ đến tiền đồ Phật giáo, đến giáo hội, nhất là Ngài Chánh Văn Phòng tuổi đã cao nhưng lúc nào cũng ở bên cạnh chúng con, lúc nào cũng quan tâm đến Phật giáo. Sự thành tựu ngày hôm nay là ngoài sức tưởng tượng của con." HT. nói: "Chúng ta đừng nhìn vào cá nhân mà hãy nhìn vào việc lớn của Phật giáo, nếu không chúng ta sẽ không duy trì và phát triển được Phật Giáo ở hải ngoại." Trong dịp này HT. xin thành kính cảm ơn đến tất cả mọi người, mong rằng các huynh đệ tăng, ni trẻ hãy thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau; cảm ơn Tăng Ni trẻ, phái đoàn Âu Châu, cảm ơn nhà hàng Golden San Jose đã lo phần ẩm thực, cảm ơn Phật tử Ai Liên và rất nhiều người trong ban tổ chức. HT. đã chu đáo nhắc tên không thiếu ai cả...

Tiếp theo Phật tử Đồng Tịnh và Phật tử Tú Uyên đại diện Phật tử tham dự khóa tu học lên có đôi lời cảm tưởng và cảm ơn Ban tổ chức cũng như Chư Tôn Đức giáo thọ. Trong lời cảm

tưởng PT. Đồng Tịnh đã nói: "...Có đi tu học, có nghe pháp mới biết được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ thật lớn mạnh và thật tuyệt vời. Có nghe kinh Phật mới biết giáo pháp Phật thâm sâu vi diệu. Có tu học mới biết an lạc và hạnh phúc ở đâu, và bây giờ nhờ vào u học mà chúng con buông bỏ mọi phiền não, lo sợ, ganh tị và ghen ghét, nhờ có tu học mới biết trải tấm lòng độ lượng cho mọi người... nhờ tu học mới giúp cho Phật tử xa gần yêu thương nhau như con một nhà để đoàn kết tu học..." Đó là lời cảm tưởng của một Phật tử trẻ tham dự khóa tu.

Chương trình tiếp tục với lời phát biểu của HT. Thích Nguyên Trí, HT. Thích Bồn Đạt, HT. Thích Thái Siêu... Tất cả quý ngài đều hết lời ca ngợi tinh thần dẫn thân phục vụ đạo pháp của H. Trưởng ban tổ chức. HT. chính là Trưởng ban tổ chức cho khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ đầu tiên, đây là lần thứ 2 mà HT. đã đảm nhận trách nhiệm của Giáo Hội giao phó.

Sau đó HT. Thích Thông Hải mời HT. Thích Thái Siêu lên để trao phù hiệu Khóa Tu Học cho lần Thứ 9 do HT. Thích Thái Siêu làm Trưởng ban tổ chức. Trong dịp này HT. Thái Siêu cho mọi người biết: Khóa Tu Học Lần Thứ 9 với chủ đề: "Hạnh Nguyện Quan Âm vào Đời Độ Sinh" sẽ được tổ chức tại San Jose vào tuần lễ Thứ 3 của tháng 7 năm 2019, chi tiết sẽ thông báo sau.

Buổi lễ chấm dứt, tất cả cùng tập trung về Tịnh xá Trúc Lâm để dự tiệc chay; sau đó trở lại hội trường tham dự chương trình Đại Nhạc Hội gây quỹ cho khóa Tu Học. Chương trình với sự góp mặt của các danh ca như: Bằng Châu, Kim Loan, Trang Thanh Lan, Như Ý, Mỹ Châu, Mỹ Liên Thùy Linh, Hà Như Thủy, Duy Khanh Văn Trinh, Nghệ sĩ Cẩm Thu, Linh Vũ Phillip Nam...

Sáng hôm sau, Thứ Hai ngày 17 tháng 9 năm 2018, tất cả quý chư tôn đức Tăng, Ni cùng các Phật tử tập trung trước khách sạn để nói lời chia tay trước khi ra phi trường. Mặc dù thời gian ngắn ngủi, nhưng tình đạo đã làm cho mọi người thấy gần gũi nhau hơn, mọi người cùng hẹn gặp lại nhau vào Khóa Tu Học Phật Pháp Lần Thứ 9 tại Bắc California.



NHẬT BẢN: NHỮNG NGÔI CHÙA CỔ TÍCH

Phan Tấn Hải

Đất nước Nhật Bản đẹp hơn những gì chúng ta có thể nghĩ tới, nhớ tới, hình dung tới. Đó là những gì tôi cảm nhận trong chuyến đi 10 ngày – nơi đó được hướng dẫn đi thăm sáu ngôi chùa Phật giáo nổi tiếng và bốn ngôi đền Thần đạo, hầu hết đã vào danh sách Di Sản Văn Hóa Thế Giới UNESCO. Những kiếng chùa đẹp như cổ tích, như phim ảnh, với rất nhiều màu sắc của một mùa hoa anh đào nở. Cảnh vườn đẹp, hồ đẹp, kiếng chùa đẹp, hoa và vườn tre trồng đều rất nghệ thuật.

Ký ức của tôi về Nhật Bản thời thơ ấu giờ là những trang thơ Thiền, nơi đó tôi làm quen với quý ngài Dogen, Basho qua ngôn ngữ thi ca. Điểm kỳ lạ: Thiền Tông và thi ca rất là gần nhau. Cũng như Đức Phật trong những năm đầu thuyết pháp, trong những bản kinh xưa cổ nhất, khi kinh chưa có nhóm chữ khởi đầu “Như vậy tôi nghe” của Ngài Anan, gần như hoàn toàn là thơ, như Kinh Tập, như Kinh Pháp Cú. Có vẻ như, về sau, khi phải nói dài dòng, và khi đã có Ngài Anan vào, Đức Phật mới ít dùng thi ca. Tôi không hiểu vì sao tất cả những chuyện như thế.

Trong tâm trí tôi hình dung về một đất nước Nhật Bản là những dòng thơ Thiền rất mực thơ mộng và kiêu hãnh. Và nêu lên được cái nhìn về thực tướng vô thường, vô ngã.

Thí dụ, thơ của Ryokan (1758-1831):

*Gió đã lặng, hoa đã rơi;
Chim hót, núi sẫm màu rồi –
Đây là sức mạnh tuyệt vời của Đạo Phật.*

Hay thơ của Basho (1644-1694):

*Không có gì trong tiếng kêu
của ve sầu cho thấy
chúng sắp từ trần.*

Hay thơ của Ikkyu (1394-1481):

*Có một chút ngưng khoảnh khắc
Nếu trời mưa, hãy mặc trời mưa
Nếu gió thổi, hãy để gió thổi.*

Tuy nhiên, vào chùa, muốn tới gần chánh điện là phải mua vé, và không được gặp một nhà sư Nhật Bản nào. Bởi vì, tu viện không đặt ở nơi đông du khách. Vấn đề là, đẹp thì có đẹp, nhưng cái đẹp đầy màu sắc được nhìn thấy không giống như những gì người học Phật thường nghĩ về một Phật giáo Nhật Bản, nơi có

những dòng Thiền nổi tiếng đã truyền sang phương Tây và Hoa Kỳ.

Một điểm nhận ra rằng, các ngôi chùa nổi tiếng của Nhật Bản đã trở thành những trung tâm du lịch, thu hút du khách tới đông tới chen chúc, và chung quanh chùa, những con đường ven núi đầy các hàng quán, xe cộ – nghĩa là, một ngôi chùa như thế sẽ nuôi sống được cả một thị trấn dưới chân núi. Cái đẹp này không còn là cái đẹp trên những dòng thi ca.

Ngay cả khi tôi tới thăm Chùa Thiên Long Tự, tổ đình Lâm Tế Tông Nhật Bản, ấn tượng lưu giữ trong ký ức là một tấm bảng giải thích nơi cổng vào, một tấm tranh khổng lồ hình Ngài Bồ Đề Đạt Ma, những vườn hoa phía sau chùa, nơi ven núi và một lối đi trong rừng tre phía sau. Nơi đây, hễ vào chánh điện là phải mua vé. Không có hình ảnh một nhà sư chống gậy nhìn tuyết hay ngó trăng... như trong thơ.

Chuyện không thơ tí nào: Rất nhiều nhà sư Nhật Bản hiện nay được phép lấy vợ, uống rượu. Tuy vẫn còn một số tu viện và các tăng ni tu theo truyền thống nghiêm ngặt, nhưng không có thống kê nào có thể dựa vào chính xác về số lượng tu sĩ truyền thống. Những gì chúng ta đọc ngày xưa, không còn chính xác về Phật giáo Nhật Bản, chỉ trừ hình ảnh các ngôi chùa đẹp y hệt cổ tích.

Một lý luận nêu ra từ các vị sư Nhật Bản sống như kiêu – không gọi được là tu sĩ, không gọi được là cư sĩ – vì đó là hạnh tu Bồ Tát.



Xe kéo cho các du khách đi dọc Đệ Giang Kiều tới Thiên Long Tự ở vùng núi Arashiyama, Kyoto.

Một bài thơ nổi tiếng của một nhà sư Nhật Bản làm khoảng năm 1980 được in lại trong hai tác phẩm:

- "Religion in Japan: Unity and Diversity" của tác giả H. Byron Earhart, nơi trang 269, và sách

- "Japanese Temple Buddhism: Worldliness in a Religion of Renunciation" của tác giả Stephen Grover Covell, nơi trang 62-63, trích dịch như sau:

Tôi là một tăng sĩ

Mặc pháp phục, tay trái tôi cầm râu chuối, tôi đi xe đạp

Tôi đi từ từng nhà Phật tử trong khu vực và tụng kinh.

Tôi là một tăng sĩ

Tôi có một vợ, tôi có một con

Tôi uống rượu sake, tôi ăn thịt

Tôi ăn cá, tôi nói dối

Dù vậy, tôi là tăng sĩ...

... Tôi đi trên đường của Bồ tát.

Nghĩa là, hoàn toàn không giống gì với thơ Thiền ngày xưa của Nhật Bản. Không phải các sư không biết kinh điển. Nên nhớ rằng, Nhật Bản có nền văn minh kỹ thuật đã phát triển hơn Việt Nam tới một thế kỷ rưỡi. Và cái giá bây giờ là: Phật Giáo suy tàn. Hay là, thay đổi trong một cách khó hình dung được.

Theo báo The Guardian ngày 5 tháng 11/2015, bài viết của phóng viên Justin McCurry từ Chikuma, cho biết rằng chùa Nhật Bản đang đóng cửa hàng loạt: hơn 1/3 ngôi chùa toàn quốc sẽ đóng cửa trong 25 năm tới (cả nước Nhật đang có 77,000 ngôi chùa, 25 năm tới sẽ có 27,000 ngôi chùa đóng cửa). (1)

Cũng nên suy nghĩ rằng, như tại Nhật Bản, các đại học trong hơn 150 năm nay đã cấp cho sinh viên tốt nghiệp các văn bằng Tiến sĩ Phật học và Thạc sĩ Phật học đếm không xuể, nhiều như cây rừng. Nhật Bản có khoảng 800 đại học (86 đại học quốc gia, 95 đại học công lập không ở tầm quốc gia, và 597 đại học tư thục), trong đó hơn 30 đại học là của các tông phái Phật giáo. (2)

Riêng Dòng Tào Động có 3 đại học: Aichi Gakuin University ở tỉnh Aichi, Komazawa University ở Tokyo và Tohoku Fukushi University ở tỉnh Sendai. Đa số đại học Nhật thành lập từ giữa thế kỷ 19, trong lúc Việt Nam còn đang bị Pháp cai trị tàn bạo. Nghĩa là, kiến thức về Kinh Phật của trí thức Nhật Bản không ngăn nổi làn sóng đóng cửa chùa; có khi kiến thức không chuyển thành sức sống. Nói như thế, để Việt Nam mình học kinh nghiêm: phải đưa Đạo Phật vào đời, phải làm sao cho mọi người có thể sống Chánh Pháp, có thể hít thở Chánh Pháp trong mọi thời.

Nói như thế, không có nghĩa là không có bậc đạo sư ở Nhật Bản. Bởi vì, Trần Nguyên Thăng, Giám đốc ATNT Travels & Tours, người bạn từ thời thơ ấu của tôi và cũng là người giúp tôi đi chuyến Nhật Bản để tìm hiểu về đất nước



Kim Các Tự ở Kyoto

này (như bạn Thăng nói: "Mình muốn Hải đi, để xem người dân Việt Nam mình phải học một số đức tính và văn hóa nào của người Nhật, vì sao người ta văn minh tiến bộ mà mình không tiến nổi."), kể rằng Thăng đi du học Nhật Bản từ năm 1970, quen với rất nhiều vị sư Việt Nam sang Nhật du học, trong đó có nhà sư Trí Hiền rất mực kiên tâm tu trì, nơi một Thiền viện nghiêm khắc nổi tiếng có khi đưa ra các lệnh nghe như vô lý: Thầy Viện Trưởng (người Nhật) có lần bảo vị học tăng từ Việt Nam lấy chổi ra quét tuyết ngoài sân đang khi trời tuyết. Thực tế, làm sao quét cho hết tuyết được, khi mưa tuyết vẫn đang bay? Về sau, Thầy Trí Hiền sang Dallas (Texas), xây ngôi chùa gần cộng đồng Việt Nam, và bây giờ đã viên tịch (chúng ta sẽ nói thêm chuyện Thầy Trí Hiền và Thiền sau, có lẽ đề tài khác).

Nhưng, Phật giáo Nhật Bản về số lượng không hưng thịnh nổi được. Không phải vì tôn giáo khác vào lấn áp. Thực tế, Đạo Thiên Chúa chỉ khoảng từ 1% tới 2.5% dân số Nhật Bản, nghĩa là rất ít.

Nhiều bản thống kê về tôn giáo Nhật Bản dị biệt nhau. Hai thống kê của chính phủ Mỹ cũng chênh lệch nhau.

Theo thống kê của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ năm 2016, dân số Nhật khoảng 126.7 triệu người (ước tính vào tháng 7/2016). Sở Văn Hóa Nhật Bản ACA nói rằng số lượng thành viên trong các tôn giáo tổng cộng 190 triệu người, tính vào ngày 31/12/2014; có nghĩa là, một số người ghi danh trong nhiều tôn giáo. Thường thường, Phật tử cũng ghi danh là thành viên Thần Đạo. ACA ghi rằng, Nhật Bản có 92 triệu người theo Thần Đạo (48.5%), 87 triệu người theo Phật Giáo (45.8%) và 1.9 triệu giáo dân Ky Tô (1%) và 8.9% (4.7%) theo các tôn giáo khác (tức là, bao gồm : Hồi Giáo, Bahai, Ấn Độ Giáo, Do Thái Giáo).

Theo Thống Kê của CIA Fact Book, dân số Nhật là 126,451,398 (tính vào tháng 7/2017),



Nơi vào cổng Thiên Long Tự, bản doanh Lâm Tế Tông.

trong đó theo Thần Đạo 79.2%, theo Phật Giáo 66.8%, theo Thiên Chúa Giáo 1.5%, các đạo khác là 7.1%.

Có một điểm lạ là, tuy Thiên Chúa Giáo chỉ có 1% dân số Nhật, nhưng giới trẻ kết hôn lại ưa làm lễ trong nhà thờ Thiên Chúa, theo bản tin Kyodo đăng trên báo Japan Times ngày 23/6/2017. (3)

Bản tin có ghi một châm ngôn mới tại Nhật Bản: Sinh ra theo Thần Đạo, sống đời vô thần, cưới nhau theo nghi thức Thiên Chúa Giáo, và chết theo nghi thức Phật Giáo.

Nói như thế, không có nghĩa là dân Nhật sống kiểu vô thần. Có thể là giới trẻ bận rộn việc học và đi làm, ít quan tâm về tôn giáo. Tuy nhiên, các ngôi chùa nổi tiếng vẫn đông Phật tử Nhật tới để cầu xin, mỗi mùa thi, hay xin duyên lành tình ái, hay xin cho có con học giỏi thông minh, hay để xin tai qua nạn khỏi. Đó là lý do, nhang khói vẫn nghi ngút ở nhiều chùa, xin xăm vẫn thường có tại rất nhiều chùa. Nhưng người Nhật xin xăm, gặp xăm may mắn, là đem về nhà; khi gặp lá xăm xui xẻo, là buộc giấy xăm lại chùa, để xin Đức Phật và các vị Bồ Tát gánh chịu giùm các xui xẻo... Cũng lạ, nhưng tín ngưỡng Phật Giáo kết thân với Thần Đạo tại Nhật Bản rất chặt chẽ. Đây là một điểm nên nghiên cứu, và có thể sẽ là đề tài bài sau.



Nhìn vào Thiên Long Tự là tấm tranh Bồ Đề Đạt Ma khổng lồ, muốn vào xem phải mua vé.

Nơi đây, xin ghi lời cảm ơn bạn Trần Nguyên Thắng (<https://www.atnttour.com>) đã giúp người viết có một chuyến đi tìm hiểu Nhật Bản tuyệt vời, cho kinh nghiệm sâu sắc và rất nhiều suy nghĩ về những đối chiếu văn hóa giữa hai nước.

Một trong những ngôi chùa người viết quan tâm là các tổ đình Tào Động và Lâm Tế. Không biết tại sao, nhưng mơ hồ cứ nghĩ là cần tới thăm. Trong tâm còn nghĩ rằng thế nào cũng sẽ có vài bài thơ trấn môn nơi cổng các chùa này, và mình sẽ nhờ anh bạn từng đi du học kia dịch ra tiếng Việt để hiểu. Không thuận tụy vì mê thơ, nhưng mơ hồ là thế.

Chỉ có cơ duyên tới tổ đình Lâm Tế, ngôi chùa có tên là Tenryū-ji, dịch ra tiếng Việt là Thiên Long Tự, là ngôi chùa chính yếu của dòng Thiên Long thuộc Lâm Tế Nhật Bản, nằm ở Kyoto. Chùa này do sư Ashikaga Takauji thành lập năm 1339, xây hoàn tất năm 1345. Ngôi chùa này thuộc nhóm Ngũ Đại Danh Sơn của Kyoto. Năm 1994, chùa này được phong là Di Sản Văn Hóa Thế Giới UNESCO.

Một ngôi chùa nổi tiếng khác cũng tại Kyoto là Kinkaku-ji (Kim Các Tự, tức chùa Góc Vàng), khởi lập năm 1397, thuộc Lâm Tế, nhưng phái Shōkoku-ji.

Kiến trúc nguyên thủy xây năm 1397 vốn dùng làm nơi an trí cho vị Shogun có tên Ashikaga Yoshimitsu. Chữ Shogun có nghĩa là một vị Tướng chỉ huy nhiều sứ quân, nắm quyền quân sự thực sự. Con ông cho đổi hành cung làm chùa và thiền viện cho tín đồ Phật giáo phái Lâm Tế. Trong cuộc chiến Onin (1467-1477), chùa bị đốt cháy rụi nhưng rồi được xây lại.

Kinkaku (Gác Vàng) trong khuôn viên chùa chỉ là một trong nhiều công trình kiến trúc ở chùa. Ngôi gác có ba tầng soi bóng xuống ao Kyoko-chi. Vách gác hai tầng trên đều dát vàng lá, ánh lên rực rỡ nên gác mới có tên là Gác Vàng. Cảnh trí gác, ao, vườn và lối đi có tiếng

là hài hòa mỹ thuật.

Nhưng khi tới Kim Các Tự, chỉ được đứng nhìn qua ao. Bởi vì nhiều năm nay, du khách đông quá, chính quyền để bảo tồn đã không cho ai vào ngôi chùa dát vàng này. Bạn Thắng nói rằng, bốn thập niên trước, khi bạn là du học sinh đã được vào đây vì lúc đó du khách được cho vào xem trong chùa.

Phan Tấn Hải

GHI CHÚ:

(1) The Guardian:
<https://www.theguardian.com/world/2015/nov/06/zen-no-more-japan-shuns-its-buddhist-traditions-as-temples-close>

(2) Danh sách Đại học Phật Giáo Nhật Bản:
https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_Buddhist_universities_and_colleges

chưa kể Soka University, có chi nhánh ở Quận Cam.

(3) Japan Times: <https://www.japantimes.co.jp/news/2017/06/23/national/christian-style-weddings-grow-popular-japan-allure-optics-religion/#.Wul1UojwY2w>



CÓ QUẬN

*Bên kia bờ đại dương
Còn một nửa yêu thương
Người ra đi kể từ khi nôi cơn gió bụi
Lắm cảnh biệt ly, bao kẻ ngậm ngùi
Vùng đất mới mở vòng tay hào phóng, bao dung
Cưu mang những con người thất cơ lỡ vận đến đường cùng
Thời gian qua gây dựng lại cuộc đời no ấm
Nhưng lòng dạ vẫn âm âm
Canh cánh nhớ thương trời cổ quận
Còn anh em bạn bè và gia quyến thân nhân
Nơi chôn nhau cắt rốn
Chứa chan kỷ niệm mãi ấp ủ tâm hồn
Nhà Phật Dạy: Thập phương hư không bất ly đương xứ
Dù biết vậy nhưng đâu đủ công phu chế ngự tâm tư
Kinh sách viết: Cô kim tam thể bất ly đương niệm
Mình phàm phu nên nhớ thương dạy sống trong tim
Học Phật, học Thiền đâu phải để thành gỗ đá
Chẳng dám lạm bàn Kim Cang, Bát Nhã...
Đơn giản thôi tập tành buông xả
Và hiểu rằng mọi việc đều có nhân quả mà ra
Không có gì để gọi là tự nhiên hết cả
Trùng trùng duyên khởi diệt-sanh
Cuộc trăm năm rong ruổi dưới trời xanh
Vốn vô thường, mong manh giữa làn hơi thở
Trời phương ngoại ôm nỗi niềm thương nhớ
Nguyễn đem yêu thương giúp đỡ mọi người
Sống hài hòa tôn trọng sự sống muôn loài
Dù cố quận hay chân trời hải ngoại
Cũng không ngoài một cõi nhân sinh
Ràng buộc nhau bao duyên nợ ân tình
Mong tất cả sống trong tình thương tỉnh thức.*

thơ ĐỒNG THIÊN



Vàng thu rơi mênh mông (*)

TIỂU LỤC THẦN PHONG

...Cổ quận của gã quanh năm nắng bụi mưa bùn, làm gì biết đến mùa thu, có bao giờ thấy mặt ngang mũi dọc của mùa thu nó ra sao; nhưng mỗi lần đọc hai câu thơ của thi sĩ Bích Khê này là thấy mê mẩn, thấy lịm cả tâm hồn:

*"Ô hay buồn vương cây
ngô đồng
Vàng thu, vàng thu rơi
mênh mông"*

Thi sĩ Bích Khê mấy mươi năm dưới gầm trời Nam Việt cũng chưa từng thấy mùa thu vậy mà viết nên hai câu "thần cú" hay tuyệt cú mèo, quả là người nghệ sĩ khác người thường. Họ có cảm quan rất nhạy cảm. Họ có tâm hồn rất bay bổng và mong manh.

Cổ quận của gã nắng mưa khổ ải, đời sống lam lũ quá làm sao mà có thể ngồi hay (nằm khềnh trên cỏ) mà ngắm mùa thu; có chăng chỉ qua ngôn từ, sách vở mà thôi!

Những người ly hương vậy mà may mắn, vừa có cuộc sống vật chất tương đối thong thả lại được hưởng cái thú ngắm mùa thu. Mùa thu xứ lạnh quả là đẹp mê hồn, đẹp đến thời gian ngưng lại, đẹp đến quên cả chết. Mùa thu da trời xanh ngắt, hồ thu như một tấm kiếng lớn, muôn cây lá trở màu muôn sắc, thiên nhiên, rừng cây cứ như một tấm thảm rực rỡ màu sắc, lại giống như một bức tranh không lờ... Người họa sĩ thiên nhiên vung cọ

phóng màu một cách đầy hứng chí. Ngạn ngữ ta có câu: "trong cái rủi lại có cái may." Người ly hương nhớ nhà nhưng lại có mùa thu, rồi mùa thu dần dặt cho ta lại nhớ nhà... Ngày xưa khi cụ Nguyễn Du đi sứ bên Tàu, mùa thu đến dạo chơi ngắm cảnh thu, đứng dưới ngọn Tần Lĩnh mà nhớ quê da diết. Trong Truyện Kiều cụ mô tả mùa thu như thế này:

*"Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc non
phơi bóng vàng."*

Có lẽ hay đến thế là cùng. Nếu như người nghệ sĩ ảo thuật (hay phù thủy) vung chiếc đũa thần thì thu cả sợn hà vào hồ lô. Còn cụ Nguyễn Du thì gom cả mùa thu vào hai

câu lục bát dù chẳng cần dùng từ "thu," thật tuyệt vời, tuyệt vời làm sao! suốt hai trăm năm nay làm mê mẩn lòng người và sẽ còn mãi mãi mai sau. Mùa thu là tiền đề, là thi hứng cho hàng nghệ sĩ từ xưa tới nay. Thiên nhiên đất trời luân phiên thay đổi, lòng người tâm trạng cũng đổi thay. Người nghệ sĩ vốn nhạy cảm, vốn dễ rung động, chỉ một tí ti thay đổi người đời chưa hay thì họ cảm nhận được rồi. Có ai hay rằng chỉ một chiếc lá rơi mà biết được thu sang, vậy mà họ biết. Họ đem lại cái đẹp cho đời. Họ tặng cho đời những tác phẩm sống mãi với thời gian:

*Ngô đồng nhất điệp lục
Thiên hạ công tri thu
(Đường Thi)*

Mùa thu xứ Cờ Hoa nay chắc cũng không khác gì mùa thu của Cửu Trại Câu, của Hàng Châu, Tô Châu... bên Tàu. Hơi thu man mát se se lạnh, lá vàng ngập khắp nẻo... lang thang trong rừng đệp lá vàng rơi mà chợt nhớ quê hương. Giá mà ta có thể gửi chút không khí trong lành, chút sắc màu này về cho cố quận? Biết là không nhưng lòng vẫn tự hỏi lòng, thương cố quận làm sao! Xứ Cờ Hoa này bao dung bao nhiêu người con Việt. Ngày cuối tuần lang thang rong ruổi trên những con đường mòn trong rừng ngắm cây cò, chim trời, nghe nước chảy hoa rơi... Ở đây đâu có thể chưa là toàn thiện hoàn mỹ nhưng quả thật xinh đẹp, bình an và đáng sống biết là bao. Thiên nhiên ở đây như cảnh thiên đường, được con người giữ gìn và pháp luật bảo vệ. Mùa thu Cờ Hoa với lá phong rực rỡ, với quả bí vàng sậm, với những hình nộm làm từ thân cây bắp... Nó như linh hồn của xứ sở, thật không sao tưởng tượng ra nếu mùa thu mà không có những thứ trên. Nước Mỹ chỉ mới ba trăm tuổi, người vẫn không ngừng di cư đến đây thật đúng với câu: "Đất lành chim đậu."

Dân Việt ta đến đây kể từ khi cố quận xáo xáo, thay ngôi đổi chủ. Phần nhiều cũng đều nặng tình quê hương. Người Việt vốn xuất phát từ nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nên cái tư tưởng họ hàng, làng quê... rất nặng nề, ít khi nào muốn rời bỏ quê hương, mồ mả tổ tiên... Một khi ra đi là vì hoàn cảnh bức bách, hoặc là không còn lựa chọn nào khác. Người Việt ra đi mang theo trong tâm thức hình ảnh mùa thu là trăng trung thu, múa lân, phá cỗ đêm rằm... dần dần rồi cũng hội nhập vào "dòng thu" của xứ Cờ Hoa. Mùa thu xứ này mà không nhắc đến hình bóng con nai là một thiếu sót lớn. Hình bóng con nai ngơ ngác, hiền lành đạp trên lá vàng rơi... Trông thật thanh bình.

*"Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô"
(Lưu Trọng Lư)*

Hoặc có nhạc sĩ viết:
*"Em có nghe mùa thu
mưa bay lá đổ, em có nghe
nai vàng hát khúc
yêu đương..."*

Hỏi để mà hỏi, câu hỏi tu từ, hỏi nhưng mà khẳng định. Làm sao mà em không nghe mùa thu, làm sao mà em không cảm nhận được cơ chứ! Con tim này còn thổn thức lắm cơ mà.

Đã bao năm rồi không nhớ nữa, gã vẫn lang thang trong rừng mỗi dạo thu sang. Gã lang thang không chủ đích, không khởi từ đâu, không kết nơi nào... Hít thở không khí thu, hoà mình vào rừng thu. Gã nhớ năm xưa Trang Tử trong "Nam Hoa Kinh" từng mơ màng: Ta hoá thành hồ điệp hay hồ điệp hoá thành ta? Gã cũng bất chợt thấy mình như chiếc lá hoá thân. Một chiếc lá có tư duy, có đầy cảm xúc...

*"Rừng phong thu đã
nhuộm màu quan san"
(Truyện Kiều - Nguyễn Du)*

Màu quan san là màu gì nhỉ? Trên bảng vẽ của người họa sĩ có đủ các màu nhưng chưa từng nghe có màu quan san. Màu quan san chắc chỉ có những người ly hương mới biết, mới thấm thía. Những ngày thu ở nơi biên ải nhớ về quê hương đã nảy sinh ra màu quan san... Một cái màu nghìn trùng xa tít, một cái màu đẹp mơ hồ đến nao nao lòng! Duy chỉ có mùa thu mới tạo được màu quan san, những mùa kia không thể nào nói đến màu quan san được, màu này cũng là đặc trưng của mùa thu.

Gã vẫn thường ví rằng: mùa xuân như một cô gái mới dậy thì xuân sắc, mùa hạ như một thiếu nữ đang rực lửa tình, mùa thu như một thiếu phụ đằm thắm, dịu dàng nhưng vô cùng nồng nàn quyến rũ. Thiếu phụ mùa thu đang cháy lên quãng thời gian tuyệt vời cao độ để trước khi bước vào băng giá của mùa đông. Bầu trời mùa thu trong xanh và như cao hơn, không gian như im lặng và mênh mông hơn. Mùa thu của đất trời, mùa thu trong lòng người như hòa quyện với nhau. Xin cảm ơn mùa thu, cảm ơn đời, cảm ơn cái xứ sở này!

Tiểu Lục Thần Phong
*Ât Lăng thành,
chớm thu 9/2018*

(*) Bích Khê.



Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Tám

(tiếp theo)

Có tin mới từ Sài Gòn mang ra: thầy Tuệ Sỹ bị bắt giam ở trại giam trên đường Phan Đăng Lưu, một trại giam khét tiếng của Sở Công An thành phố Sài Gòn (tên mới là thành phố Hồ Chí Minh). Điều này có nghĩa rằng lá thư trước đây từ Thái Lan gửi về với thủ bút của thầy ấy chỉ là ngụy tạo. Thư ấy gửi về với mục đích đánh lạc hướng mấy anh công an đang chăm hăm theo dõi thầy ấy mà thôi. Trong Sài Gòn, thầy Tuệ Sỹ đã kết hợp với một số người khác, thành lập một tổ chức chính trị gì đó, rồi bị bắt. Tin đưa về không được chi tiết lắm. Thượng tọa Đồng Minh, giám đốc hãng vị trai, trên đường từ Sài Gòn về Nha Trang cũng đã bị công an Hàm Tân bắt giữ một thời gian. Từ trại tù ra, có lẽ chính Thượng tọa giám đốc là người mang theo cả tin tức về thầy Tuệ Sỹ thì phải. Cũng theo lời Thượng tọa giám đốc, tình hình các chùa trong Sài Gòn có vẻ căng thẳng lắm. Chuyện mấy thầy tu bị bắt bỏ tù không phải là lạ gì trên đất nước này. Nhưng chuyện lúc này làm tôi xúc động nhiều nhất. Có lẽ một phần vì Thượng tọa giám đốc, và nhất

là thầy Tuệ Sỹ, đều là những người khá gần gũi với tôi, ít nhất cũng trong liên hệ sống chung dưới một mái viện và làm việc chung nơi hăng vị trai.

Mà sự kiện thầy Tuệ Sỹ vào Sài Gòn hoạt động chính trị ở một khía cạnh khác, đã làm tăng thêm niềm tin tưởng trong tôi rằng, ý tưởng tham gia một tổ chức chính trị nào đó của tôi trước đây rõ ràng là điều hợp lý, có chính nghĩa. Đâu phải là đến lứa tuổi thanh niên thì con người bỗng bỗng bật nảy sinh những ý niệm hơn thua, muốn thi thố tài năng và sức lực của mình! Có một nguyên nhân, không, ở đây khoan hãy nói đến nguyên nhân, cứ nhìn và nói về những gì cụ thể: cái hậu quả thống khổ cùng cực mà người dân Việt Nam đang phải gánh chịu là một thực trạng bất toàn, cần phải được điều chỉnh, thay đổi hoặc phải xóa bỏ đi.

Tôi suy nghĩ đến điều đó, nhưng rồi tôi lại cúi đầu xuống, tiếp tục sống an phận với sinh hoạt thường nhật của viện, vì trước mắt, tôi có còn con đường nào khác đâu. Tổ chức nào đó của nhóm giáo sư sinh viên mà Đức có tham gia, đã bị tan rã. Thầy Tuệ Sỹ mới xuống núi chưa đầy một năm đã bị bắt. Hình như chưa

đến lúc, hoặc vì những tổ chức chính trị ấy chưa đủ tầm vóc để tập trung sự hưởng ứng của nhiều người.

Không khí các chùa Nha Trang và đặc biệt ở viện Hải Đức càng lúc càng trở nên buồn tẻ, ngọt nhạt. Công an đã rút khỏi dãy nhà mới, nhưng giao lại cho bộ đội lên trú đóng. Mấy anh bộ đội thì dễ chịu hơn, không thêm để ý gì đến chuyện trong chùa viện như mấy anh công an trước đó. Dù sao, sự hiện diện của họ cũng không khác chi mấy về bản chất: vẫn là một hình thức của sự chiếm đoạt ngang ngược, chẳng đem lại niềm vui tươi thoải mái gì cho không khí thơ mộng của ngọn đồi này cả. Tôi chỉ còn biết tự khuây khỏa lòng mình bằng cách thường lui tới chùa Diên Thọ ở Diên Khánh, cách viện Hải Đức non mười cây số.

Từ viện ra đến đường lộ chính mất chừng năm phút, đứng đón xe lam đi Thành, chạy khoảng nửa giờ là đến chùa Diên Thọ. Nhưng thường thì tôi đi xe đạp, thấy thú vị hơn.

Chùa Diên Thọ được coi là ngôi chùa trung ương của Quận giáo hội Diên Khánh. Người ta quen gọi là chùa Quận hội, hay gọi tắt là chùa Quận. Chùa này do thầy tôi trụ trì, nhưng người trực tiếp

trông coi là chú Quyết, một sư huynh của tôi. Đầu tiên, tôi theo thầy tôi đến chùa Diên Thọ để lo phụ giúp chú Quyết sửa soạn cho ba ngày Tết; rồi về sau, thầy tôi còn nhiều lần gọi tôi đi theo để phụ thầy làm lễ sám hối mỗi nửa tháng cho Phật tử ở quận Diên Khánh, cho nên càng lúc tôi càng thân với chú Quyết nhiều hơn. Nhiều khi không đợi tới dịp lễ, tôi tự động đạp xe lên Diên Khánh ở chơi với chú Quyết vài hôm.

Nhưng ở chùa Diên Thọ, vui nhất vẫn là vào mấy ngày Tết. Ngoài chú Quyết và tôi, còn có chú Hải, chú Phương, hai sư huynh khác của tôi, từ viện Hải Đức lên chơi nữa. Chỉ có dịp này huynh đệ đồng môn chúng tôi mới có cơ hội tụ tập kinh, trò chuyện, trao đổi và tìm hiểu nhau nhiều hơn. Ở vùng quê như quận Diên Khánh, không khí ngôi chùa không bị căng thẳng như các chùa Nha Trang. Chùa cũng có sân rộng, cây cao bóng mát, nên tôi thích thú vô cùng.

Chú Quyết là người rất giỏi dang, một mình chú lo chu tất mọi công việc trong chùa từ trong ra đến ngoài. Huynh đệ chúng tôi có đến đó thì cũng chỉ phụ giúp thêm mà thôi. Tuy nhiên, trong số môn đồ của thầy, tôi là đệ tử rành nghi thức tụng niệm hơn cả (theo nghi lễ Huế, tức là phải biết cả các điệu tán xấp, tán rơi, tán trạo, thỉnh...), nên mỗi khi chùa Diên Thọ có lễ lớn hoặc cần cúng quải gì thầy tôi cũng gọi tôi đi theo. Không biết với dụng ý thăm dò tâm ý hay vì lý do nào khác, đã có lần thầy cười cười nói với tôi:

"Sau này con thay thầy làm trụ trì chùa Diên Thọ này được đó."

Thực ra tôi chưa lúc nào nghĩ đến chuyện trụ trì một ngôi chùa, dù là chỉ dự phóng cho tương lai. Các tăng sĩ trẻ tuổi như tôi hình như cũng đều như vậy. Chúng tôi xuất gia là để tìm cái gì khác chứ không phải cứu mang cái mộng làm trụ trì hay tu viện trưởng... Nói vậy không có nghĩa là xem nhẹ trách vụ của trụ trì hay tu

viện trưởng như thứ gì tầm thường, nhưng vì đó là những trách vụ khá nhiều ràng buộc mà tôi tự biết tâm chí cũng như sở thích của mình không thể thích hợp. Huống chi, thầy tôi có vẻ chỉ nhìn nơi khả năng ứng phó đạo tràng-tức là năng khiếu về nghi lễ, thường là bao gồm luôn cả khả năng quản lý một tự viện -của tôi so với các sư huynh để mớm thứ đề nghị đó. Đó là điều chẳng có gì đáng hãnh diện. Nếu chỉ căn cứ vào khả năng ứng phó đạo tràng để đề nghị tôi trụ trì thì chẳng khác nào ngầm ý rằng tôi có khả năng làm một ông thầy làng, một ông thầy cúng! Những ông thầy đám ở nhà quê đâu có thiếu khả năng đó. Có thể tôi đã hiểu sai thiện ý của thầy tôi, nhưng dù sao thì chuyện trụ trì cũng không phải là điều thích hợp đối với tâm chí tôi lúc đó. Tôi đáp:

"Đạ... còn chú Quyết, chú Hải, chú Phương... Hơn nữa, con sợ con không thể trụ mãi một chỗ..."

"Bộ muốn làm đạo sĩ hành cước lang thang sao?"

Tôi cười không đáp. Tôi nghĩ là thầy tôi phải biết rằng tôi đâu có cái mộng làm vị thầy trụ trì một ngôi chùa. Và làm sao tôi có thể quên được giấc mộng khôn nguôi của chính thầy tôi đã ảnh hưởng đến tôi từ lúc nhỏ qua câu thơ bất hủ của thi sĩ Huyền Không mà thầy tôi treo ở vách gần bàn viết: "*Gót đạo sĩ bốn phương trời rào bước...*" Thầy tôi đã một đời dính mắc vào các trách vụ ứng phó đạo tràng, quản lý tự viện, phải chôn chân một chỗ, không gỡ ra được, thầy đâu muốn tôi phải tiếp nối bước chân thầy theo ngã ấy. Hay là trong mắt thầy, chỉ có con đường ràng buộc đó mới có thể giữ được chân tôi với nẻo đạo? Tôi bản khoăn suy nghĩ, có niềm tin rằng xưa nay thầy tôi thường căn cứ vào tâm tính của mỗi đệ tử để chỉ dạy, có thể thầy đã nhìn thấy trước là tôi chỉ có thể thành công hay ít nhất là giữ được đạo trong cương

vị một ông trụ trì, tu viện trưởng, ở trụ một chỗ để tiếp dẫn đồ chúng... Tôi đang còn nghi hoặc trong lòng nên không nói gì. Thầy tôi tiếp:

"Coi bộ trong chế độ này mình cũng khó lòng thực hiện chuyển du hóa bốn phương đó nghe. Ai ở đâu ở yên một chỗ chứ có đi đâu được. Cái hộ khẩu giữ chân người ta lại mà. À, nếu ở đây mà cho con vô được hộ khẩu thì tốt đó chứ. Sống ở đây thoải mái hơn Nha Trang, phải không? Để thầy hỏi xem người ta có lo hộ khẩu cho con ở đây được không."

Tôi thưa ngay:

"Bach thầy không cần đâu. Con ở viện cũng quen rồi. Với lại, con cũng đã lo được hộ khẩu bên chùa Linh Phong."

Thầy lặng thinh rồi bỏ qua chuyện đó, không bao giờ nhắc tới vấn đề lo hộ khẩu ở chùa Diên Thọ hay tương lai trụ trì gì nữa. Vậy có thể tôi đã hiểu sai ý thầy. Và bây giờ, cái tâm sinh chuyện của tôi lại nảy sinh cảm giác là hình như thầy tôi không muốn tôi ở viện. Tôi ôn lại thời gian còn làm chú tiểu, đã có lần thầy đưa tôi qua chùa Linh Phong, rồi cho tôi đi học xa tận Hội An; bây giờ, thầy lại đề nghị tôi rời viện để lên Diên Khánh... Tôi không rõ thầy có chủ ý gì. Phải chăng trong sự xét đoán của thầy, tôi là đứa đệ tử cần phải xa thầy thật xa mới có thể nên người được?

Cái nghi vấn đó chưa kịp phai nhạt trong ý thức tôi thì một hôm, sau bữa cơm chiều ở viện, thầy bỗng gọi tôi vào phòng riêng của thầy, nói:

"Khi sáng thầy Trùng Hùng có qua đây thưa chuyện với thầy. Thầy ấy nói tình hình bây giờ căng thẳng quá, công an có đến xét chùa tối qua, họ hỏi con và yêu cầu thầy Trùng Hùng phải gọi con về ở bên đó thường xuyên chứ không thể kéo dài tình trạng vắng mặt hoài được. Nếu con muốn ở đây thì cũng phải xin phép công an bên đó, nếu không... thầy Trùng Hùng đòi gạch tên con khỏi sổ hộ khẩu. Thầy cho con biết vậy, con coi có thể tính được làm sao không?"

Tôi thưa ngay:

"Dạ không sao, bạch thầy, Thầy Trùng Hùng muốn vậy thì con phải qua đó."

"Ừ, qua cho nó khỏe chứ không thôi lại bị rắc rối với chính quyền rồi lại bị thầy Trùng Hùng gạch mặt tên trong hộ khẩu nữa. Con cứ qua đó, khi nào có việc gì cần thì về đây. Phòng và đồ đạc của con thì cứ để đó, khi nào thích thì về nghỉ ngơi. Đem theo cái gì cần thiết thôi. Bên đó bên này cũng gần chứ có xa xôi gì. Chạy qua chạy về cho vui."

"Dạ," tôi đáp, bụng nghĩ thầm, "bây giờ mới thiết đúng là *oan gia đường hẹp, chạy trời không khỏi nắng...* cuối cùng cũng quay trở lại với thầy Trùng Hùng đây!"

Ngay hôm sau, tôi thu tóm mùng mản, áo quần và dăm ba cuốn sách của mình để qua chùa Linh Phong. Ông sáo và cây đàn ghi-ta, tôi để lại trong phòng riêng vì trước đây cổ nghe chú Đức nói rằng thầy Trùng Hùng đã đập bể ống sáo của chú ấy. Mặc dù ở viện tôi cũng không dám công khai đàn hay thổi sáo trước mặt thầy tôi hay các vị thượng tọa khác, nhưng trong phòng riêng để cất mấy nhạc cụ đó thì vẫn tốt hơn là mang qua nộp cho thầy Trùng Hùng.

Thu xếp xong hành lý, tôi ngồi lại một lúc trong căn phòng nhỏ của mình. Cảm thấy một điều gì đó vừa buồn nhẹ mà cũng vừa phấn khởi. Buồn vì xa khung cảnh đẹp đẽ của viện Hải Đức; phấn khởi vì chợt thấy chuyển đi qua chùa Linh Phong lần này không chừng lại là một nhân duyên tốt để tôi bắt đầu sắp xếp lại cuộc sống giới hạnh nghiêm túc mà gần một năm nay tôi có vẻ lơ là buông thả. Tôi mỉm cười tự dặn lòng: "Kể từ nay, phải lấy lại những gì đã mất."

Rồi tôi vui vẻ lên đường. Lần này tôi chỉ đi một mình, không có thầy Thông Chánh đưa tiễn hay dẫn dắt giới thiệu, vì như đã nói, giữa tôi và thầy Thông Chánh không còn mối liên hệ thân mật như



xưa nữa.

Chú Đức thấy tôi qua thì vui lắm, vỗ vai tôi, nói:

"Cha, đỡ quá, từ nay đi cúng có chú tiếp hơi, không thấy mệt nữa."

Tôi chỉ cười. Câu chào vui của chú ấy cũng nói lên được phần nào sinh hoạt thường nhật của chùa Linh Phong rồi. Khi tôi vào phòng khách để chào thầy Trùng Hùng, thầy dặn dò:

"Thầy mi gửi mi cho tao trông coi. Từ nay mọi sinh hoạt cứ theo mấy chú ở đây mà làm. Có ba đứa thôi, thay phiên nhau tụng kinh, thỉnh chuông, quét tước dọn dẹp, nấu cơm nấu nước. Ăn uống thì ở đây kham khổ lắm, tu hành mà, có chi ăn nấy, không sướng như bên viện đâu. Ngủ nghỉ thì cũng có giường riêng như bất cứ chùa nào, nhưng không có phòng riêng như bên viện Hải Đức. Ba chú ở chung dãy nhà Đông bên kia. Đứng giờ thì lên giường, đứng giờ thì thức dậy công phu khuya... Chịu được thì ở, không được thì nói cho biết để tao tính."

Tôi thưa:

"Dạ được chứ. Sinh hoạt chùa nào cũng như nhau. Có khác chẳng là khác ở cảnh chùa rộng chùa hẹp mà thôi."

"Hẹp, dĩ nhiên là chùa này hẹp hơn bên viện rồi đó. Sao, ở hẹp không được hả? Muốn chỗ trời cao, biển rộng để vầy

vùng cho thỏa thích hả?"

Tôi lặng thinh, tự nhủ: "Đây là khóa học nhần nhục thứ hai, cũng diễn ra trong cùng ngôi trường nhỏ năm xưa. Nhưng lần này, ta phải quyết tâm làm cho được nhiệm vụ của mình; nhiệm vụ đó không những là phải tự thắng mà còn phải cảm hóa luôn cả ông thầy thủ cựu khó tính này nữa!"

Tự nhắc mình như vậy, tôi thấy trong lòng có nhiều hứng thú hơn. Tôi thay đổi thái độ ngay lập tức, mỉm cười, rồi lễ phép thưa với thầy Trùng Hùng:

"Con đến đây để cùng với mấy chú nương thầy tu học. Đâu có dám đòi hỏi chỗ rộng, chề chỗ hẹp. Thầy dạy sao, con theo vậy. Cái gì không đúng thì xin thầy chỉ bảo cho."

Nghe tôi thưa như vậy, thầy Trùng Hùng mới dịu xuống, bảo chú Đức đưa tôi qua dãy nhà Đông để cất đồ đạc. Qua đến nhà Đông, chú Đức quay lại nói với tôi:

"Sao khi không đang ở bên đó mà lại chui đầu vào đây? Tôi đang tính chuyện... bỏ đây thì chú lại đến!"

"Chú tính đi chùa khác à? Vậy chuyện hộ khẩu làm sao?"

"Suýt, coi chừng thầy ấy biết. Nếu mình lo được hộ khẩu chỗ khác thì mới bỏ đây được. Bây giờ cứ tạm thời ở đây thôi. Nhưng nói thực là ở đây ngán lắm, ê ẩm lắm! Tôi

sợ chú ở viện quen rồi, chịu không nổi ở đây đâu.”

“Dữ vậy sao. Tôi cũng chịu cực chịu khổ giỏi lắm chứ bộ chú tưởng... Hơn nữa, nhìn qua thấy chùa bây giờ cũng thay đổi nhiều lắm, có nhiều tiến bộ lắm. Chắc không đến nỗi nào. Chùa có điện nước, phòng ốc cho tăng chúng... vậy là thoải mái hơn mấy chùa quê quá rồi.”

“Vấn đề không phải ở chỗ chịu được cực khổ hoặc có tiện nghi tối thiểu hay không mà là... thôi, khỏi cần phải nói, để một vài ngày rồi tự khắc chú biết. Ủa, tôi nhớ chú có kể là hồi xưa chú có ở đây mà?”

“Có. Nhưng bây giờ quên hết rồi. À, nhớ chứ. Nhớ là hình như thầy Trùng Hùng hơi khó tính.”

Chú Đức bật cười lên một tràng:

“Nhớ vậy là quá đủ rồi. Có chừng đó thôi chứ mấy. Nhưng bao nhiêu chuyện khác cũng sinh ra từ đó mà thôi.”

“Tôi biết chứ. Gặp thầy ấy mấy lần lúc lo chuyện hộ khẩu là biết rồi. Nhưng tôi vẫn hy vọng là tụi mình nói vô nói ra, góp ý kiến, nhiều lần, có thể thầy ấy sẽ thay đổi dần.”

“Chú nói thiệt hay nói chơi vậy? Thay đổi thầy ấy? Đùng có hòng. Thầy ấy chỉ muốn thay đổi tụi mình thôi. Trong mắt thầy ấy, tụi mình vẫn là những chú tiểu.”

“Cũng được, làm chú tiểu hoài sướng chứ!”

“Nhưng chú tiểu thì phải... thôi, nói ra mệt lắm. Bây giờ phải xuống bếp nấu cơm cái đã. Bữa nay phiên tôi. Mai phiên chú Thế. Có chú nữa thì thêm một phiên há. Chú làm bếp nấu cơm được chứ hả?”

“Được. Chỉ sợ là không khéo thôi. Nấu món gì đơn giản thì không sợ.”

“Đây thì nấu đơn giản rồi, chẳng có gì rườm rà hết. Này nhé, nêm thức ăn thì thường chỉ bỏ muối hay chút đường, không bao giờ dùng bột ngọt. Chiên hay xào thì đổ chút xíu dầu cho có lệ vậy thôi, đúng ra phải nói là chiên xào thức ăn bằng nước chứ không phải bằng dầu. Thiệt đó, đổ chút

nước cho khỏi cháy chảo, rồi nêm muối. Vậy là xong.”

“Gi kỳ vậy! À, tại chùa nghèo không có tiền mua dầu, bột ngọt chứ gì. Thì từ năm 1975 đến giờ mấy thứ đó khan hiếm lắm mà.”

“Không phải, dầu ăn, bột ngọt, dù thầy ấy chưa bao giờ bỏ tiền ra mua nhưng bá tánh đem cúng từ lâu nay dồn chứa lại cũng đầy cả kho ở dưới đó chứ. Nhưng thầy Trùng Hùng không cho xài. Chỉ khi nào có lễ lược, Phật tử dưới núi lên nấu nướng, lúc đó thầy mới lấy cái lọ nhỏ, chặt ra chút dầu ăn, rồi xé một tờ giấy nhỏ để sót ra chút bột ngọt.”

“Khiếp! Tiết kiệm dữ vậy!”

“Cho nên mấy bà Phật tử phụ trách nấu nướng lúc nào cũng mua thêm dầu, bột ngọt đem theo để khỏi phiền thầy trụ trì phải mất công san sốt. Nhiều người không biết, tưởng chùa không có dầu và bột ngọt nên cúng cả thùng dầu bự, bột ngọt thì cúng cả ký lô, nhưng rồi thầy ấy cũng đầu cho xài.”

“Nhưng những thứ đó để trong kho hả? Để tôi lấy xài coi thầy ấy nói sao!”

“Xì, chú tưởng chú mới dám nói còn tôi thì lặng thinh lâu nay đó hả? Còn lâu. Nói thiệt, ăn chay mà không có dầu ăn với bột ngọt thấy ngán quá trời. Tôi có cần nhẫn cái vụ đó hoài đó chứ, nhưng thầy ấy nói thầy bệnh bao tử không ăn dầu, không ăn bột ngọt được. Vậy chú nói làm sao? Không lý cứ nấu đại theo ý mình để thầy nhin ăn? Mà nấu đại cũng khó, vì dầu ăn thịnh thoảng mình còn lấy ra nấu khi thầy ấy đi vắng, vì có nguyên một thùng bự nằm trong kho. Chứ bột ngọt thì thầy ấy đem cất vào tủ riêng, khóa lại, làm sao mà lấy. Cái tủ đựng ba cái đồ quý của thầy ấy đó mà.”

“Kỳ cục! Thầy ấy bệnh chứ có phải tăng chúng bệnh đâu mà bắt tăng chúng ăn theo, kiêng cử dầu, bột ngọt!”

“Thì tôi cũng nói như vậy đó. Nhưng có thay đổi gì được đâu. Thầy ấy bây giờ là trụ trì

mà, lại là chủ hộ nữa, mình cãi cho lắm rồi thầy đuổi thôi chứ có ích gì. Tôi và chú Thế đều bị thầy ấy hăm đuổi mấy lần rồi đó chứ.”

“Thiệt tình...”

Vừa lúc đó, thầy Trùng Hùng từ nhà Tây bước qua, nói:

“Chiều nay tao không ăn cơm chùa. Phải đi cúng đám, đến tối mới về tới. Mấy đứa bay lo nấu cơm ăn với nhau, khỏi để phần. Thăng Khang cũng luân phiên với mấy đứa kia nấu cơm nghe chưa.”

Nói rồi thầy ấy xuống núi. Chú Đức kéo tôi qua phía bếp:

“Chiều nay thầy ấy đi vắng để tôi đãi chú ăn bánh xèo!”

“Chú biết đúc bánh xèo sao?”

“Biết chứ, dễ thôi chứ khó gì. Chút nữa chạy ra chợ mua bột gạo, đậu hủ chiên, nấm rơm, giá, boa-rô là mình có một bữa bánh xèo ngon rồi. Tôi đãi ăn mừng chú đến chùa mới... à không, trở về mái chùa xưa!”

“Để học bài học nhần nhục...”

“Bài học nhần nhục hả? Hy vọng chú học được đó, chứ tôi thì học chẳng nổi rồi, phải bỏ ngang một ngày gần đây, chú đến thay thế tôi há.”

Giọng chú Đức có vẻ cay đắng. Tôi thấy tội nghiệp thay cho chú. Một tăng sĩ trẻ của giáo hội đang học tại Phật học viện đầy hứa hẹn, trong xã hội mới, phải chui đầu vào cái xô xính này để học lại những bài học vỡ lòng của tuổi để chóp năm xưa! Thương cho chú ấy tức là cũng tự thương cho thân phận mình. Tôi thấy buồn vô hạn, nhưng tôi cũng tự dặn lòng, tôi phải vượt qua tất cả những thử thách nào đang giăng ra trước mắt. Dù có trường lớp hay không, cọn đường của người xuất gia vẫn là tìm cầu giải thoát giác ngộ. Hoàn cảnh xã hội đổi thay nhưng mục đích đó vẫn vậy, cái mục đích tối hậu đó dường như chẳng dính nhập gì đến các chương trình của trường lớp. Biết đâu chung sống với vị thầy thủ cựu một cách thái quá này mà có thể tìm được

cái mình muốn tìm!

"À, chú Đức, tôi quên hỏi chú... cầu tiêu ở đâu. Tôi có ở đây một thời gian hồi nhỏ rồi mà tự dưng quên mất là cầu tiêu nằm chỗ nào."

"Cầu tiêu đó hả?... Ha ha, cầu tiêu? Danh từ gì mà nghe lạ quá, hình như tôi mới nghe lần đầu, ở đây chưa hề xài danh từ đó. Nó là cái gì vậy?"

"Đừng có giỡn nữa. Tôi hỏi thiệt đó, nhà cầu đâu, phía sau bếp hả? A, nhớ rồi, hồi tôi ở đây... hình như là phải vác cuốc ra sau núi... Không, có chứ, có một con đường mòn chạy ngoằn ngoèo dẫn tới một cái hầm với miếng ván bắc ngang... Chao ôi, lại gặp cái địa ngục đó dài dài nữa rồi!"

Chú Đức cười phá ra, cười tràn cả nước mắt.

Chùa Linh Phong từ nhiều năm rồi vẫn chưa xây được cái cầu tiêu. Và nhà tắm cũng không nốt. Trải qua bao nhiêu thăng trầm lịch sử (gần hai trăm năm từ thời mới lập chùa) mà rồi chùa Linh Phong vẫn nhất quyết là không xây cầu tiêu và buồng tắm! Vậy là phải tắm ban đêm, đứng sau bìa núi, dội nước lạnh và run trước gió. Chú Đức nói thầy Trùng Hùng là vị trụ trì có thừa tiền để lo chuyện xây cất nhà tiêu và buồng tắm nhất, nhưng thầy đã không làm mà cũng chẳng đưa ra lý do gì về quyết định đó. Và như vậy, nhiều năm nay, từ thầy trụ trì đến tăng chúng, cho đến khách thập phương, đều phải đi ra ngoài núi, nơi có một cái hầm lớn có miếng ván bắc ngang. Nhắm mắt thì sợ lọt xuống hầm, mà mở mắt thì dĩ nhiên là phải thấy, ôi, cả một cái địa ngục nhầy nhụa với hằng hà sa số sinh linh đang ngoi ngóp, quẩn quại!...

(còn tiếp)



The Story of Some Bhikkhus

Dhammapada, Verses 271 & 272

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (271) and (272) of this book, with reference to some Bhikkhus.

Once, there were some Bhikkhus who were endowed with virtue; some of them had strictly observed the austere practices (dhutanga), some had wide knowledge of the Dhamma, some had achieved mental absorption (jhana), some had achieved anagami Phala. etc. All of them thought that since they had achieved that much, it would be quite easy for them to attain Arahatta Phala = Awakening. With this thought they went to the Buddha.

The Buddha asked them, "Bhikkhus, have you attained Arahatta Phala?" Then they replied that they were in such a condition that it would not be difficult for them to attain Arahatta Phala at any time. To them the Buddha said, "Bhikkhus! Just because you are endowed with morality (sila), just because you have attained anagami Phala, you should not be complacent and think that there is just a little more to be done; unless you have eradicated all moral intoxicants (asavas), you must not think that you have realized the perfect bliss of Arahatta Fruition."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verses 271 & 272:

Not only by mere moral practice, nor by much learning, nor by acquiring Concentration, nor by dwelling in seclusion, nor by assuring oneself, "I enjoy the bliss of anagami Fruition, that is not enjoyed by common worldlings (puthujjanas)," should the Bhikkhu, rest content without attaining the extinction of moral intoxicants (asavas) [i.e., without attaining Arahatsip].

At the end of the discourse all those Bhikkhus attained Arahatsip.

UNPUFFED

Not merely from keeping precept,
nor through thorough learning,
nor by remote solitary lodging,
nor at attainment of calm does
one win the Bliss of Release,
which is unreachable by worldlings.
Bhikkhus, Friends, rest not self-content
until the fermentations are all destroyed.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.